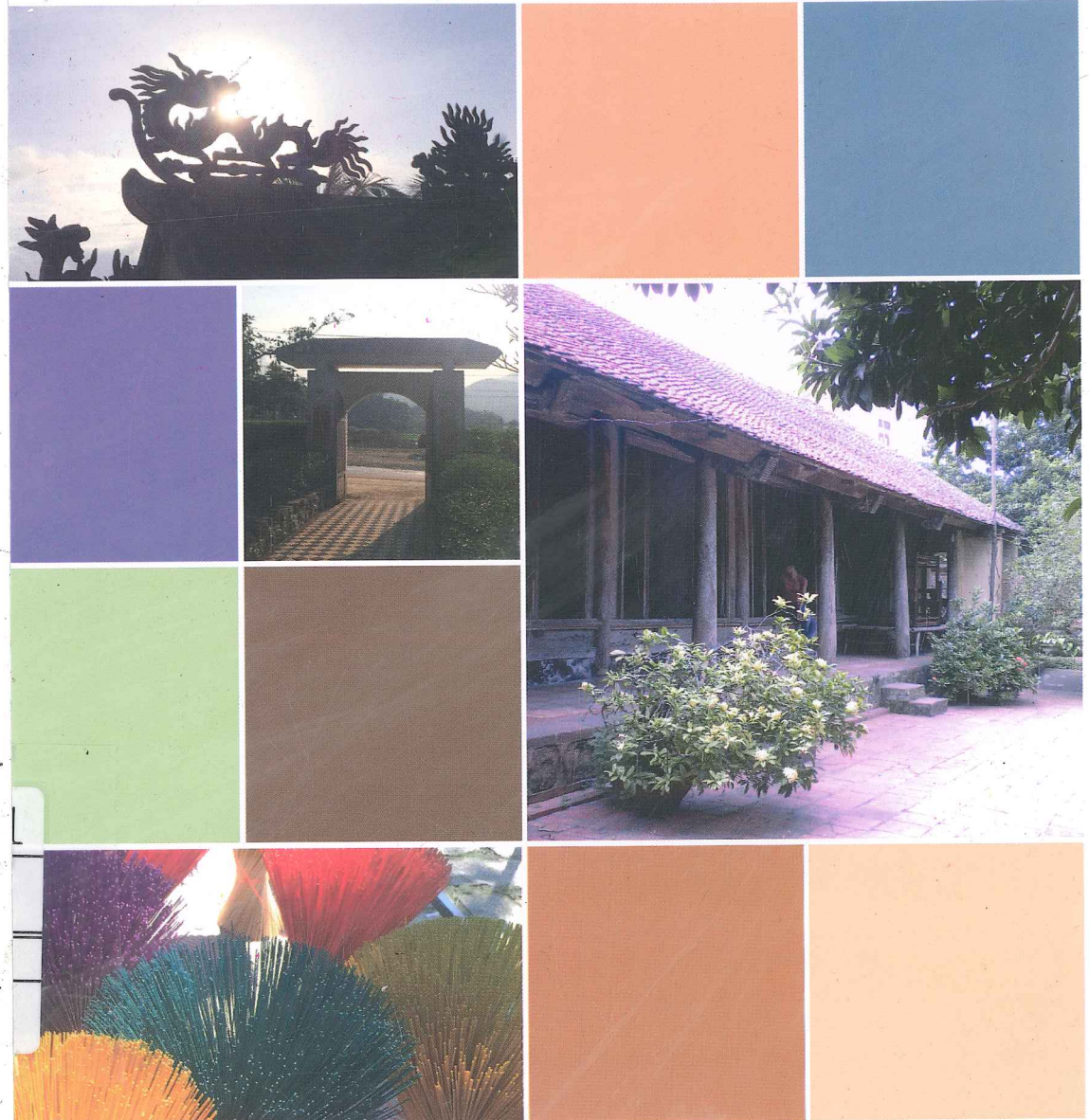


# **THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG VIỆT**



VÕ THỊ THU THỦY - PHẠM THỦY TIÊN

# THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG  
HÀ NỘI - 2018



**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**



**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## LỜI NÓI ĐẦU

Con người là một phần không thể tách rời khỏi thiên nhiên, sống trong thiên nhiên, dựa nhờ cộng sinh với thiên nhiên. Hành động trong sự nhận thức từ trí tuệ trở thành ứng xử, sự tiến hóa của văn minh, trở thành văn hóa ứng xử với thiên nhiên. Trong lĩnh vực văn hóa vật thể, việc kiến thiết các kiến trúc nhà ở truyền thống là nhằm mục đích tự bảo vệ, đồng thời thể hiện thái độ, nhận thức và hành vi của con người trước thiên nhiên, tạo nên nếp văn hóa ứng xử gắn với tập quán tín ngưỡng, thị hiếu của mỗi dân tộc và trở thành giá trị nhân văn trong tiến trình xã hội tự hoàn thiện mình. Văn hóa ứng xử với thiên nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt là hệ giá trị trong tổng thể các hệ giá trị văn hóa của người Việt.

Chính sự dị biệt về văn hóa ứng xử với thiên nhiên (khí hậu, địa hình địa mạo...) tại các địa phương khác nhau trên hành tinh trong cách tổ chức ăn ở và mưu sinh đã làm nảy sinh ra các nền văn minh, văn hóa khác nhau. Làm bộc lộ những đặc thù văn hóa ấy là công việc khoa học thường xuyên của các nhà nghiên cứu. Nó góp phần giúp cho mỗi quốc gia và mỗi dân tộc có thể hiểu rõ chính mình, hiểu rõ giá trị văn hóa mà dân tộc ấy từng dày công xây đắp qua suốt quá trình lịch sử.

Trong lịch sử lâu dài của dân tộc Việt Nam, cha ông ta đã dựa vào thiên nhiên để sinh tồn, tạo dựng được một quốc gia độc lập và một nền văn minh như ngày nay. Tìm hiểu để kế thừa và phát triển những kinh nghiệm từ truyền thống kiến trúc với thiên nhiên là một hướng nghĩ, một đòi hỏi mà xã hội ngày nay đang đặt ra, khi đất nước ta đang triển khai chương trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển nhanh chóng của đất nước đang đe dọa xói mòn và chối bỏ một số giá trị văn hóa truyền

thống. Công cuộc kiến thiết đô thị và nông thôn, đang hướng đến việc thiết lập những môi trường sống hiện đại phù hợp với thực tế Việt Nam nói chung, với không gian cư trú cho mỗi gia đình nói riêng, góp phần thúc đẩy nền kiến trúc nước nhà phát triển theo các xu hướng của thời đại: kiến trúc xanh, kiến trúc sinh thái, kiến trúc bền vững trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và khí hậu biến đổi khôn lường.

Môi trường thiên nhiên, điều kiện địa lý, khí hậu Việt Nam chi phối cuộc sống, đặc biệt là không gian cư trú, khiến bao thế hệ phải dành nhiều tâm lực lựa chọn phương thức sinh sống, hình thái kiến trúc cũng như tổ chức không gian phù hợp. Trải qua các giai đoạn lịch sử, thiên nhiên và môi trường sống đã và đang bị bào mòn, các giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ, môi trường và điều kiện sống ngày càng bị thu hẹp. Sự mất cân bằng trong quan hệ tương tác giữa con người với thiên nhiên đang gây ra những hậu quả nghiêm trọng như hiệu ứng nhà kính, làm thủng tầng ô - zôn, thiên tai lũ lụt, biến đổi khí hậu và dịch bệnh...

Công cuộc tạo dựng nền văn hóa bền vững giàu bản sắc không chỉ thông qua việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên sẵn có, mà từ tương tác với thiên nhiên quan trọng hơn là kế thừa để thúc đẩy môi trường văn hóa - xã hội - lịch sử phát triển đúng hướng. Nhiều bài học có thể được đúc rút từ kho tàng văn hóa dân gian về kinh nghiệm thực tiễn ứng xử với thiên nhiên để phục vụ cho mục tiêu đó.

Nhu cầu về sự phát triển nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở kế thừa những tinh hoa truyền thống từ quá khứ đang đặt ra yêu cầu nghiên cứu một cách toàn diện các yếu tố của văn hóa dân tộc, trong đó các thành phần văn hóa vật chất (cư trú và ăn ở) có vai trò và vị trí nổi trội. Đặc biệt là trong kiến trúc nhà ở, con người thể hiện văn hóa ứng xử với môi trường thiên nhiên một cách đa dạng.

Học giả Philippe Papin trong sách Việt Nam, cuộc hành trình một dân tộc đã nhận xét: "Việt Nam thiện xảo bậc thầy trong nghệ thuật dung hòa, hòa đồng và hội nhập tất cả những gì đã áp đặt trên dân tộc này qua bao thời kỳ khác nhau. Tiếp cận những vấn đề

khác nhau này dưới góc độ văn hóa - lịch sử là cách thức duy nhất giúp ta thấu hiểu những động lực tiềm tàng về sự độc đáo của dân tộc Việt”.

Qua cuốn sách này chúng tôi muốn tìm các đặc trưng trong ứng xử với thiên nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống, giải pháp trong ứng xử với thiên nhiên (tự nhiên và nhân tạo) của cư dân ba miền về các phương diện công năng sử dụng, tạo hình kiến trúc, hiệu quả thẩm mỹ, yếu tố tinh thần, tâm linh... nhận diện những đặc trưng về khai thác, ứng phó và thích ứng với thiên nhiên và điều kiện tự nhiên thể hiện trong không gian ở của người Việt tại ba miền Bắc, Trung, Nam. Qua đó làm nổi bật những giá trị văn hóa hàm chứa bên trong cách ứng xử ấy.

Đã có một số tài liệu, bài viết, các bộ sưu tập, vẽ ghi về văn hóa cư trú, về kiến trúc truyền thống, phong tục tập quán, tín ngưỡng... về cách thức người Việt ứng phó với thiên nhiên trong kiến trúc truyền thống của tác giả trước đây đã bàn luận, chúng tôi đã tham khảo và tổng hợp cho thấy hướng nghiên cứu về ứng xử của người Việt với thiên nhiên thông qua kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt còn một số khía cạnh mà cuốn sách này đã xem xét. Cuốn sách mong muốn thêm nguồn tài liệu tham khảo về lĩnh vực trùng tu di tích nhà cổ hay xây dựng các ngôi nhà thuần Việt cũng như có thể làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy và học tập cho sinh viên các trường kiến trúc, mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật...

Nội dung nghiên cứu ứng xử với thiên nhiên trong phạm vi nhỏ nhất - khuôn viên cư trú gia đình người Việt (dân tộc Kinh) truyền thống, trên địa bàn nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng vùng duyên hải Trung bộ và đồng bằng Nam Bộ (không đề cập đến không gian ở và kiến trúc các dân tộc thiểu số). Về thời gian, chủ yếu xem xét nhà ở truyền thống hiện hữu từ nửa cuối cuối thế kỷ XIX, được xây dựng khoảng 100 năm. Đây là giai đoạn còn lưu giữ được khá nhiều kiến trúc nhà ở truyền thống của dân tộc, cũng là giai đoạn phản ánh sâu sắc cách thức ứng xử với thiên nhiên trong không gian cư trú.



**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**



## BẢNG DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
- Bulletin des amis du Vieux Hué	B.A.V.H
- Chủ biên	CB
- Đồng bằng sông Cửu Long	ĐBSCL
- Đại học	ĐH
- Khoa học xã hội và nhân văn	KHXH & NV
- Khoa học xã hội	KHXH
- Không gian cư trú	KGCT
- Nhà xuất bản	NXB
- Nghiên cứu nghệ thuật	NCNT
- Thành phố Hồ Chí Minh	TP. HCM
- Tạp chí	TC.
- Trang	Tr
- Trung tâm Bảo tồn di tích	TTBTD
- Văn hóa - thể thao và du lịch	VHTT & DL
- Văn hóa nghệ thuật	VHNT
- Văn hóa thông tin	VHTT



**THƯ VIỆN  
HUBT**

**TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ**

## Chương 1

# TIẾP CẬN VỚI THIÊN NHIÊN VÀ KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

### 1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

#### 1.1.1. Khái niệm ứng xử

Khái niệm *ứng xử* (etiquette), *cách ứng xử* liên quan đến các tương tác xã hội trong phạm vi chuẩn mực văn hóa, đề cập đến các quy tắc ứng xử với các hình thức truyền thống và tập quán [72] là cách cư xử, là hành vi (cho con người) và nghĩa tập tính trong sinh vật học, đồng nghĩa có từ tiếng Anh *comportement* ( hay *conduite* trong tiếng Pháp) được xem là hành vi, sự tiếp nhận, tác động từ bên ngoài. *Consciousness* chỉ hành động mà biết rõ ảnh hưởng hay kết quả của việc mình làm, là loại hành vi có ý thức, có chủ định, có độ phức tạp và cao cấp, bị chi phối bởi lý trí.

Bách khoa toàn thư Xô Viết định nghĩa về từ ứng xử: Hệ thống các hệ tương tác, các phản ứng được thực hiện bởi các vật thể sống để thích nghi với môi trường. Ứng xử (hành vi, tập tính) của động vật và con người được nghiên cứu bởi các ngành tập tính học, tâm lý học, xã hội học. Ứng xử được xem là một hệ thống quan hệ tương tác giữa sinh vật (kể cả con người) và môi trường (tự nhiên và xã hội). Ứng xử là *có thái độ, hành vi thích hợp với xung quanh*.

*Ứng xử*: có thể được xem như một khái niệm để nhận dạng và đánh giá phẩm chất thể hiện được giá trị về vật chất hay tinh thần do con người tạo ra. Những ứng xử có giá trị cho cuộc sống con người, được lập đi lập lại, hình thành những giá trị truyền thống của ứng xử và sẽ kết thành giá trị văn hóa - ứng xử có văn hóa. Có những ứng xử không có giá trị hay không mang lại lợi ích cho cuộc sống con người sẽ bị đào thải.

Ứng xử còn bao gồm những hệ thống hành vi, ứng xử của con người đối với nhau và đối với tự nhiên (cách thức sản xuất, tôn giáo, phong tục

tập quán, nghệ thuật...) biểu hiện qua những tín hiệu mang tính biểu trưng. Tuy nhiên, tùy theo hệ tư tưởng về bản thể luận (*ontology*), vũ trụ luận (*cosmology*) của từng xã hội, từng thời kỳ mà cách thức biểu tượng hóa và ý nghĩa của các khuôn mẫu ứng xử ấy có sự khác nhau. Văn hóa ứng xử gồm hai nội dung cơ bản: ứng xử với môi trường tự nhiên, ứng xử với xã hội.

Quan hệ của con người với môi trường tự nhiên là quan hệ tương hỗ, trong đó con người với đặc tính năng động, sáng tạo, chủ động tạo nên vai trò chủ đạo trong hoạt động ứng xử. Do vậy, *cách thức ứng xử* với tự nhiên của con người luôn song song tồn tại hai mặt, vừa chủ động (do tính chủ động sáng tạo của con người) vừa bị động (do quy luật tự nhiên mà con người cũng là một phần của tự nhiên, do vậy một bộ phận phải tuân theo).

*Ứng xử với môi trường* xét về cách thức có thể chia thành *tận dụng* môi trường: con người không chỉ sử dụng (chức năng chính) mà luôn khai thác tối đa cả mọi chức năng phụ của hiện tượng văn hóa để phục vụ cho cuộc sống của mình và *Ứng phó* với môi trường: bên cạnh giá trị mà con người tận dụng còn luôn có mặt phi giá trị (mặt bất lợi) mà con người phải ứng phó. Như vậy, ứng xử với môi trường tự nhiên của con người được thể hiện bằng các hành vi tận dụng môi trường và hành vi ứng phó với môi trường

Nhìn ở góc độ *phương tiện ứng xử*, con người dùng nhiều hình thức để bảo đảm cuộc sống của mình trước môi trường tự nhiên đó là ăn, mặc, ở, đi lại... chúng ta đang xem xét ứng xử với tự nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt gồm ngôi nhà chính, phụ (không gian kiến trúc), sân vườn, ao chuồng, công ngõ, tường rào bao quanh (không gian khuôn viên), tọa lạc trên mảnh đất thuộc sở hữu của gia đình hình thành cơ ngơi, nếp nhà, gia phong,... là hệ các giá trị do con người tạo lập, tích lũy trong quá trình tương tác với môi trường tự nhiên.

### **1.1.2. Kiến trúc nhà ở truyền thống**

*Kiến trúc nhà ở truyền thống* là khái niệm dùng để chỉ một tổ hợp hàm chứa các không gian chức năng sinh sống của con người. Đó là không gian kiến trúc (ngôi nhà), không gian sinh hoạt, không gian kinh tế,

không gian văn hóa, không gian tâm linh... Có thể hiểu theo một nghĩa tương ứng khác: đó là không gian sống (*living space*) của mỗi gia đình với ngôi nhà và khu vườn hoàn toàn độc lập với các không gian sống của gia đình khác. Trong khái niệm này, không gian kiến trúc - ngôi nhà, nhà ở (*residence*) - là thành phần quan trọng nhất, là một cấu trúc phục vụ nhu cầu ở, nơi để ở, có người sống hoặc trú ngụ [*Encyclopedia of Cultural Anthropology* (1, 2, 3, 4) - 67]. Trong ngôn ngữ dân gian Việt Nam, ông bà ta có dùng từ “thổ cư” để chỉ phần đất ở của một gia đình; “Thổ cư của một gia đình thường gồm nhà chính, nhà phụ, nhà bếp, chuồng trâu bò, vườn, ao” [53, tr.162].

*Kiến trúc nhà ở truyền thống* nghiên cứu về thuộc tính của vật chất với nghĩa là một nơi trú ngụ. “Thoạt tiên, nhà ở chỉ đơn thuần là một nơi trú thân đơn giản, nhằm bảo vệ con người chống lại những bất lợi của điều kiện thiên nhiên hoang dã như nắng, mưa, tuyết, gió, lũ, bão, thú rừng... nhà ở ban đầu chỉ là nơi để ăn ở, nghỉ ngơi (giá trị vật chất), tái hồi phục sức lao động, sinh con đẻ cái nhằm bảo vệ nòi giống, tiến đến có thể làm kinh tế để sinh tồn và phát triển” [44, tr. 5]. Các hoạt động này kéo dài trong suốt quá trình sống của mỗi con người. Việc bố trí đồ đạc, sắp đặt trang trí trong nhà (nội thất), sân vườn (ngoại thất), cảnh quan... đều có tác động và ảnh hưởng nhất định đến con người và quan hệ của họ với xã hội. Xây dựng nhà ở hội tụ nhiều yếu tố, cho phép thu hẹp hay mở rộng các hình thức, khả năng tương tác với xã hội, thế nên nó còn thể hiện các phương diện; tình cảm gia đình, làng xóm, đạo đức, phong tục tập quán, triết lý sống, thẩm mỹ, nghệ thuật, kiến thức khoa học, tôn giáo tín ngưỡng...

*Nhà ở dân gian* là không gian cư trú chính của người dân quê - tổ ấm gắn bó nhiều mặt của các thành viên trong quan hệ gia đình, thân tộc để từ đó mở ra quan hệ với xóm giềng, làng nước. Nơi sinh ra, nuôi dưỡng và hình thành đầu tiên nhân cách; nơi lưu giữ và trao truyền những giá trị văn hoá của thế hệ này cho thế hệ khác; nơi tổ chức những hoạt động kinh tế và các hoạt động sinh sống của mọi người trong gia đình. “Ngôi nhà là nơi tụ họp những kiến thức dân gian về kỹ thuật kiến trúc và mỹ thuật cổ truyền... phản ánh rõ rệt trình độ kinh tế, xã hội và văn hóa của một địa phương vào một thời điểm nhất định.” [53 tr.152].

*Khuôn viên* là phần đất xung quanh nhà có ranh giới xác định, có chủ sở hữu. Trong khuôn viên nhà nông thôn, ngoài nhà chính còn có công, tường rào, sân, ao, giếng, chuồng nuôi gia súc, cây ăn trái, cây lấy gỗ, cây cảnh... và các công trình phụ kết hợp làm kinh tế gia đình. Những thành phần đó cho thấy cách tổ chức cuộc sống, trình độ văn hóa, thẩm mỹ... thể hiện qua giao tiếp với môi trường thiên nhiên của chủ khuôn viên.

Những khái niệm về nhà ở nêu trên cho thấy thuộc tính văn hóa của kiến trúc nhà ở truyền thống và con người tạo ra chúng. Các nhà nghiên cứu kiến trúc dân gian trước đây đã đưa ra khái niệm về kiến trúc nhà ở truyền thống như là nếp nhà. Như tác giả Nguyễn Khắc Tụng đã khái quát “Nhà ở là một phức hợp sinh hoạt - văn hóa của các cư dân, hay cũng có thể nói là một không gian văn hóa...”, tác giả Nguyễn Cao Luyện cho rằng: “... nếp nhà là kết quả của những cách thức mà con người đã quan hệ với thiên nhiên ngay trên đất nước quê hương qua các giai đoạn lịch sử cụ thể.” [27, tr. 24]. Ngôi nhà ở đây còn hàm chứa những ý nghĩa và giá trị tinh thần của các thành viên sống trong đó. Nền kiến trúc của dân tộc Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm chủ yếu là kiến trúc gỗ. Vật liệu gỗ, dù là tứ thiết cũng ít khả năng đề kháng trước độ ẩm, lũ lụt, rêu mốc, mối mọt, dễ trở thành tro than trong hỏa hoạn hoặc chiến tranh... có thể là một trong những lý do làm cho kiến trúc cổ còn lại đến ngày nay không nhiều, hay nói đúng hơn là không còn tồn tại.

*Nhà ở truyền thống* là loại hình kiến trúc được con người tạo lập từ lâu đời, là những mẫu nhà ở đã định hình, tồn tại theo chiều dài lịch sử, ổn định về tổ chức không gian và kiểu cách, được phổ cập trong các tầng lớp cư dân, trở thành những khuôn mẫu phổ biến (như nhà 3, 5 gian 2 chái Bắc Bộ).

Từ khái niệm này dẫn đến thuật ngữ *kiến trúc nhà ở truyền thống* để chỉ không gian sinh hoạt, không gian kinh tế, không gian văn hóa, không gian tâm linh... gồm các ngôi nhà chính phụ (không gian kiến trúc), sân vườn, ao chuồng, công ngõ, tường rào bao quanh (không gian khuôn viên), tọa lạc trên mảnh đất thuộc sở hữu của một gia đình. Đó là một sản phẩm của lịch sử, định hình bền vững, ít biến đổi, mang tính phổ cập và

điển hình. Hai không gian (kiến trúc và khuôn viên) đan xen hòa quyện thành một thể thống nhất, gắn kết hỗ trợ nhau một cách hữu cơ để phục vụ cho những nhu cầu sinh sống của con người.

### 1.1.3. Thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống

Thiên nhiên hay còn gọi là tự nhiên (*nature*), theo một số từ điển là tất cả vật chất và năng lượng chủ yếu ở dạng bản chất, "... là toàn bộ những gì tồn tại sẵn có trong vũ trụ, thuộc về tự nhiên hoặc có tính chất của tự nhiên, không phải do con người tạo ra hoặc tác động hay can thiệp vào: quy luật của tự nhiên, điều kiện tự nhiên, quy luật đào thải tự nhiên, khoa học tự nhiên..." Thiên nhiên là tập hợp các điều kiện tự nhiên sẵn có đang tồn tại ngoài tác động của con người như: môi trường địa lý, khí hậu, các loài sinh thực vật, khí quyển... cùng với các điều kiện vật chất cần cho sự tồn tại của con người, gồm cả phần do con người tác động và tạo ra (thiên nhiên nhân tạo), có thể chia làm hai loại:

*Thiên nhiên tự nhiên (nature in itself* - gọi là tự nhiên thuần túy hay là tự nhiên nguyên sinh), tồn tại trước khi có thế giới con người không có liên quan tới chủ thể con người, chưa chịu sự tác động của con người và phát triển hoàn toàn theo quy luật tự nhiên.

*Thiên nhiên nhân tạo (humanized nature)* là thế giới tự nhiên đã có tác động của con người thông qua lao động, được cải tạo, bị chiếm hữu duy trì và phát triển để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của con người là giới tự nhiên chân chính, có thuộc tính người.

Thiên nhiên được cấu thành bởi nhiều thành tố khác nhau. Những thành tố này chính là nguồn tài nguyên trên mặt đất như đất, nước, nắng, gió, mưa, thảm thực vật, các hệ động vật... tại một địa điểm nhất định. Những thành phần này đều tồn tại và phát triển theo quy luật riêng, đồng thời cũng không có một thành phần tự nhiên nào có thể phát triển độc lập mà không chịu sự tác động lẫn nhau. Chúng luôn trao đổi năng lượng và vật chất cho nhau, tạo nên một hệ thống vật chất hoàn chỉnh mang tính thống nhất và tác động lên môi trường sống mỗi vùng. Khí hậu mỗi vùng vì thế mà có các tính chất đặc trưng riêng. Thiên nhiên liên tục tác động trực tiếp đến cuộc sống và môi trường cư trú, "...thiên nhiên không thể tự nó chi phối cốt cách của nếp nhà. Chính là do con người đã nhận thức

rõ thiên nhiên mà sáng tạo ra cốt cách của nếp nhà trên đất nước mình” [27, tr. 24]. Người Việt nhận thức rằng “Thiên thời, địa lợi, nhân hòa” là những điều thiết yếu nếu muốn tạo một cuộc sống tốt lành trong những môi trường tự nhiên khác nhau.

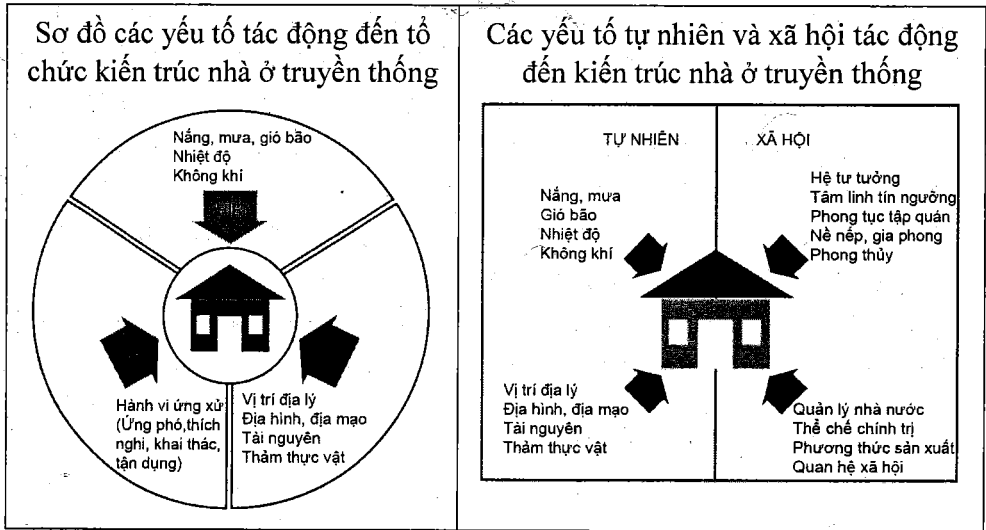
Các yếu tố thiên nhiên (như Đất, nước, nắng gió, không khí...) thường xuyên tác động, ảnh hưởng đến không gian cư trú trong mối quan hệ thiên nhiên - con người - kiến trúc nhà ở truyền thống (Thiên - Địa - Nhân). *Mặt đất* là thành phần tác động và bị tác động trở lại của con người nhiều nhất, bao gồm: địa hình, mặt nước, thảm động thực vật... *Khí hậu* bao gồm hệ Mặt trời và khí quyển của Trái đất được biểu hiện qua bức xạ nhiệt, ánh sáng, mưa, gió, bão, thủy triều, nhiệt độ... luôn biến đổi và ảnh hưởng lẫn nhau. Chịu tác động của các yếu tố này, nếp nhà do vậy phải thật vững vàng, bền chắc để bảo vệ con người trước những tác hại ấy như khả năng chống mưa lụt, chống nước lũ, thủy triều, chống sét, bão ...

#### **\* Yếu tố con người trong tổ chức kiến trúc nhà ở truyền thống:**

Thiên nhiên, môi trường mỗi vùng, miền có những đặc trưng riêng. Do vậy, khó có thể mang ngôi nhà vùng, miền này sang miền khác mà phù hợp hay thiết lập mô hình nhà ở có thể dùng chung cho mọi vùng. Mặc dù trong quá trình di dân vào Trung và Nam Bộ, cư dân từ miền Bắc, miền Trung đã mang theo và để lại ít nhiều dấu ấn địa phương trên những kiến trúc nơi vùng đất mới. Môi trường thiên nhiên có mối quan hệ mật thiết tác động và ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành và phát triển nhà ở tại các vùng miền. Tuy nhiên, thiên nhiên ở mỗi vùng miền lại có nhiều yếu tố diễn biến khác nhau, nên sự tác động của thiên nhiên vào cuộc sống con người qua không gian ở cũng có nét riêng biệt, do vậy con người đã thích ứng và gắn kết thiên nhiên với các thành phần kiến trúc cũng theo những cách thức khác nhau. Mỗi địa phương đều có cách tư duy, cách làm cũng như tập tục riêng trong tạo lập không gian sống, tích hợp được kinh nghiệm ứng xử với thiên nhiên từ nhiều đời, nhiều thế hệ, tạo nên những đặc trưng văn hóa mang tính địa phương. Xem xét mối quan hệ này có thể làm rõ hơn vai trò của thiên nhiên hiện diện và tác động như thế nào đến kiến trúc nhà ở truyền thống cũng như cách thích ứng của con người với chúng.



**Bảng 1.1**



Quá trình tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống cho thấy cách thức thích ứng với môi trường, nhận thức về thế giới tự nhiên, sự sáng tạo và trình độ kỹ thuật của từng khu vực dân cư và đặc trưng cư trú của mỗi nền văn hóa, như vậy không gian ở có thể xem là tổng thể các giải pháp ứng phó với thiên nhiên của con người. Trong quan hệ giữa con người với môi trường, thiên nhiên là thực thể có trước và giữ vai trò bất biến trong sự hình thành, trong quá trình tạo lập không gian sống, con người đã luôn phải tìm cách thích ứng với thiên nhiên. Bản sắc của kiến trúc truyền thống được hình thành bởi các yếu tố: thiên nhiên, khí hậu, địa lý, phương thức sản xuất, điều kiện kinh tế xã hội, phong tục, tập quán, tâm lý dân tộc...

Người Việt có thói quen lao động và sinh hoạt ngoài trời, ở những không gian đồng ruộng trống trải, quang đãng, tận dụng tối đa các lớp không gian cho cuộc sống và mưu sinh. Chính nhu cầu phải xây dựng nhà ở để phòng tránh những tác động bất lợi từ thiên nhiên đã thiết lập mối quan hệ gắn kết hữu cơ giữa con người - thiên nhiên thông qua ngôi nhà. Tác giả Nguyễn Cao Luyện cho rằng: "... Nếp nhà không thể tự nó vận dụng được những quy luật của thiên nhiên, chỉ là do con người đã nhận thức rõ các quy luật của thiên nhiên mà sáng tạo ra nếp nhà đầy trí tuệ..." [27, tr.19, 25].

Quá trình nhân tạo hóa thiên nhiên cũng là quá trình tự nhiên hóa con người. Trong quá trình hoạt động cải tạo thiên nhiên, con người phải hiểu biết và nắm chắc sức mạnh của giới tự nhiên để thích ứng, cải hóa chúng hữu ích cho cuộc sống của mình. Mối quan hệ giữa chủ thể con người và khách thể tự nhiên là mối quan hệ biện chứng, nương tựa vào nhau, thâm thấu vào nhau và cùng tương tác với nhau. Con người là chủ thể của hành vi ứng xử, song đồng thời là một bộ phận, phát triển theo quy luật sinh học của tự nhiên. Tự nhiên nhân tạo do con người nhận thức và cải tạo luôn liên quan tới cuộc sống của con người và không tách rời khỏi con người, đến lượt mình tác động trở lại cuộc sống của con người.

#### 1.1.4. Hệ Sinh thái bền vững

Từ lĩnh vực khảo cổ, các nhà nghiên cứu đã tìm hiểu những biểu hiện của sự thích nghi với môi trường. “Sinh thái văn hóa là các nghiên cứu về sự thích nghi của con người với môi trường xã hội và tự nhiên. Con người cần thích ứng với cả hai quá trình sinh học và văn hóa để có thể tồn tại và sinh sản trong môi trường nhất định hoặc biến đổi nó. Cùng với hệ thống động - thực vật, điều kiện khí hậu và các nguồn tài nguyên tự nhiên khác, sinh thái văn hóa là sự trải nghiệm của con người khi thích nghi với môi trường thiên nhiên cụ thể theo những cách khác nhau và sáng tạo nên những dạng thức văn hóa.

*Sinh thái văn hóa* (cultural ecology) là quá trình một tộc người thích nghi với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh. Sinh thái văn hóa của một tộc người còn là sự nhận thức về thể giới quan, phương thức sản xuất và sinh hoạt, cấu trúc xã hội, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán... Sinh thái văn hóa nghiên cứu mối tương quan giữa con người và môi trường tự nhiên. Nó đề ra để xử lý những tình huống mà con người gặp phải trong thiên nhiên như đặc thù khí hậu, tính khả dụng của nước, lương thực, tài nguyên... Cùng một nền văn hóa với điều kiện môi trường địa lý, khí hậu khác biệt ở mỗi miền sẽ có những kiểu lựa chọn và thích ứng với môi trường tự nhiên khác nhau.

Đặc trưng của Hệ sinh thái bền vững được xem là đại diện bởi hai phương thức sản xuất, một phương thức tận dụng tối đa sinh thái, khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên của Trái đất. Ban đầu chỉ cho sự sống

còn, nhưng đến bây giờ thì phục vụ nhu cầu về mọi mặt cuộc sống của con người. Phương thức thứ hai giữ gìn, bảo tồn môi trường sinh thái và kiểm soát được các yếu tố có thể dẫn đến việc làm cạn kiệt nguồn tài nguyên của Trái đất. Từ những thành tựu có được thông qua sự thích nghi với môi trường sinh thái tại chỗ, cộng đồng dân cư có thể hình thành các sắc thái văn hóa riêng.

Hệ sinh thái bền vững hay môi trường sinh thái là hệ thống tự nhiên do bày đàn sinh vật và môi trường tự nhiên tác động lẫn nhau mà thành. Hệ sinh thái không chỉ cung cấp cho con người lương thực, thực phẩm, bông sợi, nước... mà còn điều tiết khí hậu, tuần hoàn làm sạch không khí, nước và tạo ra thổ nhưỡng môi sinh... là những nền tảng cơ bản để con người tồn tại và phát triển. Xem như vậy thì môi trường vật lý luôn có ảnh hưởng đến sinh thái môi trường. J.Steward nhận biết sự biến đổi văn hóa liên quan đến hành vi con người trong ứng xử với môi trường thiên nhiên “các xã hội có công nghệ kỹ thuật sinh tồn càng thô sơ thì xã hội đó càng phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, trái ngược lại với những xã hội có trình độ khoa học kỹ thuật cao” [61, tr.61]. Trên bối cảnh sinh thái tự nhiên đó, con người chiêm nghiệm, sáng tạo nên *hệ sinh thái bền vững* thông qua những kỹ năng sinh sống của từng cộng đồng, dựa trên tâm lý, bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Cách tiếp cận có thể phù hợp khi tìm hiểu về những đặc trưng thông qua sự tương đồng hoặc khác biệt trong ứng xử với thiên nhiên ở ba miền của người Việt.

## 1.2. MỘT SỐ TIÊU CHÍ VÀ CÁCH THỨC XEM XÉT VẤN ĐỀ

### 1.2.1. Cách thực hiện và xác lập các tiêu chí điều tra khảo sát

#### 1.2.1.1. Chọn địa bàn và đối tượng

Việt Nam có hình thể trải dài gần 2000 km từ địa đầu Lũng Cú (Hà Giang) đến điểm chót là Mũi Cà Mau. Địa dư khí hậu, phong tục tập quán không đồng nhất. Về tổng thể thì đây là địa bàn của nền nông nghiệp lúa nước. Song do những đặc thù thiên nhiên nên mỗi địa phương đều có những lề lối sống và tập quán ứng xử với thiên nhiên khác nhau. Chúng tôi đã chọn khảo sát 3 vùng đồng bằng lớn ~~Kìung văn hóa đồng~~

*bằng Bắc Bộ, vùng văn hóa đồng bằng Nam Bộ và vùng văn hóa duyên hải Trung Bộ* tiêu biểu cho ba miền đất nước, cũng là địa bàn cư trú truyền thống của người Việt.

Đồng bằng châu thổ sông Hồng, Bắc Bộ là nơi còn lưu giữ được nhiều di tích kiến trúc, văn hóa, nơi khởi nguồn việc hình thành nền kiến trúc truyền thống. Việc khảo sát điền dã, tổng hợp và phân tích nguồn tư liệu tham khảo cho thấy cần nhấn mạnh kiến trúc và kiến trúc nhà ở truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ, bởi kiến trúc nhà ở dân gian Bắc Bộ được xem như một cái nôi văn hóa có cội nguồn lâu đời nhất của người Việt, trong đó có những ảnh hưởng không nhỏ từ văn hóa Trung Hoa. Việc xem xét đánh giá cách lựa chọn và lối ứng xử với thiên nhiên của ngôi nhà Việt truyền thống chọn Bắc Ninh và Hà Tây làm đối tượng nghiên cứu, bởi cho đến nay những địa danh này vẫn còn lưu giữ được các làng cổ với những dấu ấn khuôn viên và nếp nhà xưa. Việc chọn các làng cổ Đường Lâm của Hà Nội (Sơn Tây cũ), làng Đình Bảng (Bắc Ninh), thôn Lai Hạ, xã Ngọc Đồng tỉnh Hưng Yên thuộc vùng châu thổ sông Hồng là phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Đồng bằng duyên hải Trung Bộ là vùng đất có cảnh quan thiên nhiên đẹp, lưu giữ được nhiều dấu tích lịch sử quan trọng của đất nước từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XX. Trong vùng này, Thừa Thiên Huế là nơi còn giữ được khá nhiều công trình kiến trúc cung đình, lăng tẩm, khu đô thị cổ, nhà vườn cổ, bảo lưu được tổng thể cảnh quan. Quần thể kiến trúc ở đây đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa nhân loại năm 1993. Huế cũng là vùng đất có khí hậu khắc nghiệt, mang đặc trưng của miền Trung. Mặt khác, hệ thống kiến trúc nhà rường, nhà vườn là hình mẫu tiêu biểu cho dạng nhà ở phổ biến ở Huế cũng như Trung Bộ. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông thì “Trong lĩnh vực kiến trúc, chúng tôi không ngần ngại để cho rằng cung điện, đền miếu trong nội cung cơ bản cũng là ngôi nhà rường dân gian được phóng lớn kích thước để phù hợp với thân phận và chức năng sử dụng...” [46, tr.8]. Cùng với dòng chảy văn hóa theo những người di cư từ Bắc vào, miền Trung tiếp nhận những ảnh hưởng từ văn hóa Chăm. Do vậy sẽ khá thuận lợi khi chọn Thừa Thiên Huế làm điển hình cho văn hóa cư trú miền Trung, qua đó tạo được sự so sánh tương quan rõ nét giữa các vùng miền.

Đồng bằng Nam Bộ với môi trường tự nhiên, văn hóa, xã hội... như một phức thể gồm văn hóa đồng bằng và văn hóa biển. Con người nơi đây đã có sự lựa chọn thích ứng với những thuận lợi và khó khăn của môi trường sinh thái gắn với sông nước trong việc *tái cấu trúc* không gian cư trú một cách sáng tạo. Địa điểm được chọn để khảo sát là hai tỉnh Tiền Giang và Đồng Nai, nơi còn lưu giữ được khá nhiều ngôi nhà truyền thống.

### **1.2.1.2. Xác lập các tiêu chí**

Về kiến trúc nhà ở truyền thống, trên cơ sở quỹ kiến trúc cư trú truyền thống hiện còn, trên thực tế nhà ở dân thường do nhiều lý do đến nay còn không nhiều do vậy chỉ có thể chọn mẫu nhà khảo sát có tính điển hình mà không thể chọn mẫu tối ưu hơn có tính phổ cập. Đề xuất ba tiêu chí lựa chọn khuôn viên cư trú gia đình người Việt (dân tộc Kinh) truyền thống, trên địa bàn nông thôn hiện hữu từ nửa cuối cuối thế kỷ XIX đến nay để khảo sát, cụ thể là:

- Có qui mô và tổng thể hoàn chỉnh;
- Bảo lưu được khuôn viên với các công trình phụ, tình trạng bảo tồn tốt;
- Kiến trúc có yếu tố trang trí tạo hình và thẩm mỹ.

Thông qua ba nội dung - *Bố trí mặt bằng tổng thể* - *Thiên nhiên trong thành phần kiến trúc nhà ở* - *Thiên nhiên trong khuôn viên kiến trúc nhà ở truyền thống* có thể đúc kết những nét đặc trưng trong ứng xử với thiên nhiên về phương diện *khai thác, ứng phó và thích nghi* để tiếp cận với những tri thức dân gian trong lĩnh vực tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống truyền thống của người Việt.

### **1.2.1.3. Nội dung khảo sát và xử lý các kết quả**

Đối tượng khảo sát trước tiên là các chủ thể sở hữu ngôi nhà. Tại mỗi địa điểm lựa chọn khảo sát khoảng từ 10 đến 15 nhà ở truyền thống. Ghi âm các cuộc phỏng vấn, quan sát, chụp ảnh hiện vật - cảnh quan, vẽ ghi chi tiết.

Qua phỏng vấn cũng như quan sát trực tiếp, các thông tin được đưa vào phiếu điều tra. Trong mỗi phiếu đều có ghi rõ niên đại (tuổi thọ công trình) của ngôi nhà, các thành phần chính và phụ trong khuôn viên (nhà ngang, nhà bếp, chuồng, nhà vệ sinh, giếng, bể nước, ao, sân phơi vườn,

công v.v...), mức độ nguyên vẹn của kiến trúc ngôi nhà chính cùng với các trang thiết bị và đồ đạc trong nhà (bàn thờ, bàn ghế giường tủ...). Phần kỹ - mỹ thuật của ngôi nhà cũng được khảo sát một cách chi tiết như vật liệu, mức độ tinh xảo trong gia công các cấu kiện, các chạm trổ, sơn son thếp vàng v.v... sau đó được tập hợp, xử lý và thiết lập các biểu mẫu.

## **1.2.2. Trình tự xem xét và mô tả yếu tố thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống**

### **1.2.2.1. Kiến trúc nhà ở truyền thống trong thôn làng người Việt truyền thống**

Như đã trình bày ở phần trên, người Việt dù sống ở đâu cũng hợp quần theo làng xã. Người nông dân không sống biệt lập, riêng lẻ mà quy tụ trong các đơn vị cư trú, “tối lửa tắt đèn có nhau”. Ngôi nhà có mối liên hệ hữu cơ với đường làng ngõ xóm, mọi người trong làng ràng buộc với nhau và với cộng đồng bằng những quy tắc, quy định thành văn hay bất thành văn. Những hoạt động cộng đồng như lễ hội, đám rước, các cuộc khao tế, cất đặt nghĩa vụ khai mương, đắp đê, đào hồ... đều có ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ trong cộng đồng và trong từng gia đình. Việc gìn giữ địa hình, cảnh quan, khai thác hay cải tạo thiên nhiên khu vực làng là nghĩa vụ chung của mọi người. Như vậy, xem xét kiến trúc nhà ở truyền thống không thể bỏ qua mối liên kết với cấu trúc, hình thái làng xã.

### **1.2.2.2. Yếu tố kiến trúc trong kiến trúc nhà ở truyền thống**

Tổ chức không gian hoạt động nói chung, kiến trúc nhà ở truyền thống nói riêng luôn là nội dung và mục tiêu của kiến trúc. Mỗi ngôi nhà được tạo nên bởi cái mái che mưa nắng, bởi các bức tường bao quanh và tường ngăn cách bên trong. Tường bao quanh ngăn gió nóng, mưa tạt, thú dữ hoặc côn trùng xâm nhập. Tường dày mỏng phụ thuộc vào vật liệu có sẵn quanh nơi ở và vào khí hậu cần thích nghi. Phòng rộng hay hẹp, thoáng hay bí đều từ kiến trúc mà ra. Mỗi ngôi nhà lại còn phụ thuộc vào hệ thống các cấu kiện chống đỡ như cột, kèo, xà, dầm. Người ta làm nhà không những chỉ nhằm vào sự chắc chắn, mà còn đề thưởng thức vẻ đẹp của nó. Kiến trúc đóng vai trò liên kết, giữ thăng bằng các thành phần của ngôi nhà và khuôn viên, từ nơi thờ cúng, các tiểu cảnh - cây thế, hòn non bộ, đến tận cái cổng vào nhà.

Như vậy, có thể nói, kiến trúc giữ vai trò chủ chốt trong tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống, đảm bảo cho mỗi gia đình một cuộc sống tốt lành để phát triển.

### ***1.2.2.3. Yếu tố thiên nhiên - con người trong kiến trúc nhà ở truyền thống***

Thiên nhiên là thực thể khách quan không phụ thuộc vào ý muốn của con người. Con người biết thích nghi với hoàn cảnh thiên nhiên, rồi từ đó nắn chỉnh, cải tạo nó cho thích hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mình. Trong mỗi kiến trúc nhà ở truyền thống, có thiên nhiên vĩ mô, chung cho cả vùng như nắng gió, mưa bão, lũ lụt... lại có thiên nhiên vi mô chỉ đóng khung trong phạm vi tường rào bao quanh mỗi nhà, như vườn rau, ao cá, các loại cây trồng, vật nuôi, cái cầu ao, cái sân gạch. Bàn tay, trí tuệ của con người có thể tác động vào cái thiên nhiên vi mô này đến một mức nào đó theo hoàn cảnh, ý thích và nhu cầu của mình.

Mỗi gia đình sống trong cộng đồng đều chịu sự phụ thuộc vào những quan hệ xã hội nhất định. Dưới chế độ phong kiến, xã hội có những luật lệ nghiêm ngặt về phân chia giàu nghèo, giai tầng, đẳng cấp. Trong hương ước nhiều vùng có quy chế cụ thể về nhà cửa như số tầng, chiều cao, chiều rộng, đỉnh mái, số lượng và các hình tượng được phép chạm trổ trên vì kèo v.v... ở khuôn viên cũng có quy định cái được và không được làm. Các gia chủ và các tốp thợ phải biết để thực hiện khi xây dựng, nếu không muốn bị dỡ bỏ. Như vậy, các yếu tố xã hội ảnh hưởng, chi phối nhiều đến việc tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân.

### **1.3. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA THIÊN NHIÊN VIỆT NAM**

Điều kiện tự nhiên, địa lý, khí hậu, địa hình là những yếu tố mặc định, luôn hiện hữu và thường xuyên tác động đến không gian cư trú ngoài ý muốn của con người. Dân tộc nào cũng phải tìm cách thích ứng ngôi nhà của mình với địa lý, khí hậu nơi họ sống, tác giả Nguyễn Khắc Tụng đã viết “nếu có khác chằng, giữa các dân tộc là điều kiện để nhà ở thích ứng với môi trường có mức độ khác nhau mà thôi” [54, tr.15-1].

### 1.3.1. Điều kiện địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên Việt Nam

#### \* Đặc điểm địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên:

Địa hình Việt Nam với 3/4 là đồi núi và cao nguyên. Địa hình thấp dưới 1000m chiếm tới 85% lãnh thổ. Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%, trong đó cao nhất là đỉnh Phan-xi-păng 3.143m. Những cao nguyên liên tiếp hợp thành Tây Nguyên và dãy Trường Sơn. Càng ra phía Đông, các dãy núi càng thấp dần và thường kết thúc bằng những dải đất thấp nằm ven biển... Từ đèo Hải Vân trở vào phía Nam, địa hình đơn giản. Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích đất liền. Phần còn lại là sông và kênh rạch giàu phù sa, phân bố đều trên khắp lãnh thổ. Địa hình tổng thể gồm núi, biển, đồng bằng, bị nhiều sông ngòi chia cắt, từ đó hình thành ba vùng địa hình chính là vùng đồi núi, vùng đồng bằng và vùng ven biển.

Việt Nam có 2 vùng đồng bằng là đồng bằng châu thổ sông Hồng (Bắc Bộ) và đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ) đều do phù sa sông ngòi bồi đắp.

Đồng bằng châu thổ sông Hồng có diện tích khoảng 15.000km<sup>2</sup>, được bồi tụ bởi phù sa sông Hồng và sông Thái Bình, cao ở rìa phía Tây, Tây Bắc và thấp dần ra biển về phía Đông Nam, với hệ thống đê điều dày đặc. Người Việt cổ xưa đã định cư tại nơi giao nhau của hai dòng sông này. Ở Nam Bộ, sông Cửu Long là một trong 12 con sông lớn nhất thế giới. Đồng bằng sông Cửu Long thấp, diện tích 40.000 km<sup>2</sup>, bị chia cắt bởi nhiều sông ngòi, kênh rạch. Hằng năm, phù sa giúp các cửa sông tiến thêm về phía biển từ 60 đến 80 mét. Nằm giữa hai châu thổ lớn đó là một chuỗi đồng bằng nhỏ hẹp, phân bố dọc theo duyên hải miền Trung, từ lưu vực sông Mã (Thanh Hóa) đến Bình Thuận.

Khí hậu Việt Nam nằm trọn trong khu vực nội chí tuyến nên có nền nhiệt độ cao, khí hậu khá phức tạp, mang đặc trưng tiêu biểu của vùng *nhiệt đới gió mùa* - nóng, ẩm, mưa nhiều, có hai mùa gió chính.

Ở miền Bắc, khối khí di chuyển theo hướng Đông Nam tạo nên *gió mùa Đông Nam* vào mùa hạ, khối khí lạnh mang gió mùa Đông Bắc tạo nên mùa Đông có 2 - 3 tháng lạnh. Dải bờ biển chạy dọc miền Trung với mạng lưới ao hồ, sông ngòi chằng chịt đã tạo nên một thảm thực vật đa dạng, tập



quán canh tác, cư trú, tâm lý ứng xử, sinh hoạt cộng đồng mang đặc tính của một vùng khí hậu khắc nghiệt. Ở miền Nam, mùa hè có gió Tây Nam thổi vào gây mưa lớn cho đồng bằng Tây Nam Bộ và Tây Nguyên.

Môi trường tự nhiên Việt Nam với đặc điểm địa lý trải dài từ Bắc vào Nam tại những biên độ khác nhau, môi trường thiên nhiên ba miền có những đặc trưng: nằm trong vành đai nóng, giàu nhiệt và ẩm, chịu ảnh hưởng rất lớn của chế độ gió mùa thuộc vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa với đặc trưng hệ sinh thái thực vật phát triển hơn động vật rất tiêu biểu của Vùng Đông Nam Á. Những nghiên cứu trước đây đều có chung nhận định về hai đặc trưng của văn hóa truyền thống Việt Nam là *sông nước* và *thực vật*, ngôi nhà gắn liền với môi trường sông nước, điều này có ảnh hưởng sâu sắc đến cách lựa chọn và thích ứng với môi trường thiên nhiên của người Việt, góp phần làm đa dạng, phong phú cho nền văn hóa dân tộc.

Khí hậu đã thực sự tác động và ảnh hưởng với mức độ khác nhau đến mọi mặt của đời sống và hình thành ba loại khí hậu đặc trưng tương ứng với ba miền. Ngoài điều kiện địa lý, khí hậu thì phương thức sản xuất, phong tục tập quán, tâm lý... cũng góp phần đáng kể vào quá trình hình thành cách ứng xử với thiên nhiên. Lịch sử phát triển kiến trúc cũng là quá trình phát triển và hoàn thiện không gian cư trú thích nghi với điều kiện khí hậu và môi trường xã hội.

### 1.3.2. Những thuận lợi và bất lợi về điều kiện tự nhiên

Việt Nam là một trong những nước Đông Nam Á sống cạnh biển với chiều dài tiếp giáp biển lên đến trên 3000 km. Lãnh hải thuộc thẩm quyền của Việt Nam theo công ước quốc tế rộng 1.000.000 km<sup>2</sup> (Báo Điện tử Chính phủ). Việt Nam được hưởng những nguồn lợi do biển mang lại như cá, tôm, các mỏ dưới lòng đất, năng lượng mặt trời và sức gió, trữ lượng cát vô tận, đường vận chuyển trên biển, các cảng nước sâu v.v... Song Việt Nam cũng đồng thời phải gánh chịu nhiều tai ương từ biển đưa lại như bão lũ, triều cường. Mỗi năm có tới trên 10 cơn bão từ cấp 6 - 7 đến cấp 12, gây sạt lở, đổ nhà, chết người, phá hủy cây trồng, làm mùa màng thất bát. Sự bất cập của biển trong biến đổi khí hậu toàn cầu dẫn đến mực nước dâng đang đe dọa cuộc sống hàng chục triệu người của nhiều vùng.

Độ trải dài của lãnh thổ với nền khí hậu phức tạp, có tính chất khắc nghiệt, địa hình, thổ nhưỡng đa dạng ở các vùng luôn tiềm ẩn nhiều tai ương. Nền sản xuất nông nghiệp nhiều nơi còn chậm phát triển, phần lớn dựa vào thiên nhiên càng làm cho cuộc sống nhiều khó khăn.

**Bảng 1.2: Đặc trưng điều kiện khí hậu, địa hình các vùng đồng bằng 3 miền**

Đặc trưng	Đồng bằng Bắc Bộ	Đồng bằng duyên hải Trung Bộ	Đồng bằng Nam Bộ
Khí hậu	Mùa hè nóng, ẩm, mưa nhiều, có gió nồm nhiệt độ thay đổi khá lớn, phân thành bốn mùa khá rõ rệt, mùa đông giá lạnh	Mùa hè nóng, khô, chịu ảnh hưởng của gió Lào, bão lũ, ngập lụt thường xuyên. Mùa đông khá lạnh.	Nóng, độ ẩm cao quanh năm. Có mùa gió chướng, phân hai mùa mưa, mùa khô, nhiều giờ nắng
Địa hình	Vùng đất trũng, ngập úng, khá bằng phẳng, đất nặng phù sa	Đồng bằng nhỏ hẹp ven chân núi, đất pha cát, ngấm mặn, cằn cỗi	Đất rộng màu mỡ, khá bằng phẳng, nhiều nơi ngập nước

Cùng với tài nguyên biển, rừng cũng là một thế mạnh khác của thiên nhiên Việt Nam. Có đến hàng chục khu vườn Quốc gia đa dạng sinh học, các khu dự trữ sinh quyển tầm thế giới. Đồi núi với chiều dài 1.400 km chạy suốt dọc đất nước tạo thành một cánh cung lớn hướng ra biển Đông. Cây rừng che phủ mặt đất, giữ độ ẩm cho thảm thực vật, kim giữ lực chảy của nước từ trên núi cao đổ xuống. Rừng đã tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao cho cuộc sống của con người, như các loại khoáng sản chìm sâu dưới lòng đất, các loại sinh vật đa dạng, các dược liệu quý. Gỗ hiếm, các loại đá cứng là nguồn vật liệu phong phú cho xây dựng và ngành công nghiệp khác [39].

Thiên nhiên Việt Nam giàu có nhưng cũng là mầm mống của biết bao hiểm họa, gây nên sự dòm ngó và dã tâm thôn tính của nhiều quốc gia láng giềng và phương Tây. Trong lịch sử trung cận đại của mình, Việt Nam đã phải liên tục tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Những cuộc chiến đó đã làm xáo trộn đến tận gốc rễ cuộc sống bình yên của dân tộc, là một trong những yếu tố kìm hãm tốc độ phát triển của đất nước.

Những thuận lợi và bất cập của thiên nhiên Việt Nam như vừa nêu trên có ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau đến việc tổ chức cuộc sống của con người Việt Nam trong quá trình xây dựng nền văn hoá nói chung, văn hoá ứng xử của người Việt với thiên nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống nói riêng.

#### **1.4. YẾU TỐ LỊCH SỬ - KINH TẾ, XÃ HỘI - TƯ TƯỞNG**

Yếu tố lịch sử, xã hội và tư tưởng đóng vai trò quan trọng trong đời sống và sự phát triển của xã hội truyền thống. Hệ tư tưởng, thể chế xã hội - văn hóa ảnh hưởng đến mô hình tổ chức không gian cư trú của người Việt. Phương thức sản xuất có tác động và giữ vai trò quan trọng trong việc xác lập mô hình cư trú phù hợp.

##### **1.4.1. Đặc điểm lịch sử tác động đến xã hội truyền thống Việt**

Đến đầu thế kỷ XX, nền kinh tế tiểu nông và thủ công nghiệp Việt Nam khá ổn định. Từ thế kỷ XVII cho đến thế kỷ XIX ở Đàng Trong và Nam Bộ, khi Chúa Nguyễn xác lập lại nền chuyên chế phong kiến, Nho giáo được phục hồi và phát triển. Văn hóa truyền thống đạt những thành tựu về kiến trúc và mỹ thuật cung đình. “Chúa Nguyễn cho xây dựng cung điện, nhà cửa, đường sá, công xưởng... khang trang, đẹp đẽ, xứng đáng với tầm vóc đô thành của Đàng Trong. Sang thế kỷ XVIII các chúa Nguyễn đã thiết lập ở Đàng Trong những phủ chúa, những trung tâm văn hóa có sức tồn tại, lan tỏa mạnh mẽ và ảnh hưởng đến sự phát triển chung của vùng đất Thuận Hóa” [3, tr.25]. Năm 1804, vua Gia Long chính thức đặt quốc hiệu là Việt Nam. Đến năm 1838, vua Minh Mạng đổi là Đại Nam. Đất nước được mở ra rộng lớn gồm 11 trấn phía Bắc hợp thành tổng trấn Bắc Thành và 5 trấn cực Nam hợp thành tổng trấn Gia Định Thành. Với một vùng đất có tiềm năng mọi mặt phong phú dồi dào, lại ở vào vị trí trung tâm của cả nước, Huế trở thành kinh đô của nước Việt Nam, trung tâm chính trị, văn hóa của quốc gia trong suốt thế kỷ XIX.

Chịu ảnh hưởng và giao thoa với nhiều nền văn hóa của các tộc người khác nhau, người Việt ngoài nền tảng văn hóa truyền thống đã tiếp nhận và gạn lọc, tiếp biến thành những giá trị mới cho bản sắc văn hóa của

mình và có những ảnh hưởng đến các dân tộc anh em khác. Trong quá trình phát triển, mỗi vùng miền lại hình thành nét văn hóa riêng, làm phong phú nền văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, đặc điểm thượng tầng xã hội và sự cai trị đất nước của tầng lớp quan lại, ách thống trị phong kiến đè nặng lên cuộc sống người dân đã kìm hãm sự phát triển trên mọi lĩnh vực trong đó có kiến trúc. Ngoại trừ các công trình kiến trúc cung đình, lăng tẩm, tín ngưỡng, kiến trúc nhà ở phát triển khá chậm chạp.

Quá trình phát triển của lịch sử của dân tộc cũng là quá trình bèn bĩ dựng nước, giữ nước, xây dựng nên một nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc, với những giá trị tinh thần bền vững, được lưu giữ từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nhờ ý thức bảo tồn, lưu giữ, trân trọng những giá trị tinh thần quý giá đó trong suốt chặng đường dài của lịch sử mà dân tộc ta đã vượt qua được những thử thách cam go khi bị kẻ thù xâm lăng và rập tâm đồng hóa. Ý thức tự cường về văn hóa đã trở thành tố chất quan trọng để dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển. Một trong những giá trị, dấu ấn nổi bật trong nền văn hóa đó là di sản kiến trúc truyền thống của người Việt.

#### **1.4.2. Tác động từ kinh tế và phương thức sản xuất đến kiến trúc nhà ở**

*Đặc điểm về kinh tế:* Kinh tế thời phong kiến Việt Nam là nền kinh tế thuần nông khép kín. Giao thương với thị trường bên ngoài hạn hẹp, nguồn sống tự cung tự cấp chủ yếu nhờ vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Do trình độ canh tác thấp nên sản lượng làm ra không nhiều, mức sản xuất và tiêu dùng đều ít.

Kinh tế về cơ bản tập trung vào làng xã. Đặc biệt là trong lối sống của người dân luôn thể hiện những nét chung lưng đấu cật, đoàn kết, gắn bó với nhau trong lao động và đấu tranh chống ngoại xâm, chống thiên tai, giàu tình làng nghĩa xóm. Điều này giúp người nông dân, trong điều kiện khó khăn về sản xuất và đời sống vẫn có thể đảm đương giải quyết vấn đề nhà ở không chỉ cho thế hệ mình mà cho cả thế hệ con cháu mai sau. Kiến trúc nhà ở truyền thống, sinh hoạt và lao động sản xuất thường có tính linh hoạt cao. Do vậy mà ngôi nhà ở truyền thống có thể đáp ứng nhu cầu và sự cơ động về chỗ ở của gia đình trong nhiều thế hệ.

*Phương thức lao động sản xuất:* Ban đầu là nông nghiệp lúa cạn ở những miền gần chân núi, sau chuyển dần sang nông nghiệp lúa nước vùng đồng bằng với hai vụ chiêm mùa mỗi năm, kết hợp với trồng màu. Người Việt đã từng bước biến hóa, tích lũy được kinh nghiệm trong quá trình lao động trồng lúa. Kết hợp hình thức trồng trọt với săn bắt, xây dựng mô hình trồng trọt - đánh bắt cá - chăn nuôi gia cầm, trâu bò cho sức kéo... là đặc trưng của nền nông nghiệp thâm canh đa dạng.

Một đặc điểm của nền nông nghiệp lúa nước là cuộc sống bị phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Bên cạnh đó, trình độ canh tác của người nông dân còn lạc hậu, chỉ trông vào sức người, sức kéo của trâu bò và dựa vào kinh nghiệm trao truyền từ đời nọ sang đời kia nên năng suất lao động thấp, hiệu quả canh tác không cao. Do vậy, dù có thói quen tằn tiện, chắt bóp thì người dân cũng chỉ đủ chi phí cho những nhu cầu thiết yếu. Có lẽ vì thế mà việc đầu tư cho ngôi nhà ở của người Việt cũng có chừng mực. Có khá nhiều ngôi nhà ở tại các làng quê chỉ được xây dựng ở mức tầm tầm. Như vậy, quá trình lao động tạo của cải vật chất đã dần dần định hình ra những phương thức sản xuất nhất định, những mô hình cư trú, đồng thời chi phối và quy định văn hóa sống của xã hội.

### **1.4.3. Đặc điểm về hệ tư tưởng, tôn giáo tín ngưỡng, tập quán lối sống ảnh hưởng đến tổ chức kiến trúc nhà ở truyền thống**

#### **1.4.3.1. Đời sống tinh thần và ảnh hưởng của tôn giáo, tín ngưỡng**

Đời sống tinh thần được định hình từ nền văn minh lúa nước, tạo nên nếp suy nghĩ, thói quen, phong tục, tập quán với nhiều hình thức phong phú và để lại kho tàng về văn hóa nghệ thuật như thơ ca, mỹ thuật, lễ hội, các công trình kiến trúc v.v... Văn hóa làng xã coi trọng sinh nghiệp, đề cao khuyến học qua lễ “khao vọng”, chú trọng những quy ước về chăm sóc nơi thờ cúng, đình, chùa, đền, miếu, với những điều cấm kỵ mang tính tôn giáo, tín ngưỡng. Những hương ước, luật lệ nặng nề, có tính bảo thủ này vừa chi phối đời sống kinh tế và tinh thần của người dân, vừa góp phần cô đúc, lưu giữ những phẩm chất truyền thống có giá trị.

Giáo dục của người Việt được hình thành từ nề nếp gia đình, dòng họ, làng xã để chia sẻ, chuyên giao các kỹ năng, kinh nghiệm trong lao động sản xuất và thích ứng với điều kiện thiên nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng trong không gian cư trú.

Tôn giáo tín ngưỡng có vị trí nhất định trong cấu trúc không gian cư trú. Tác giả Nguyễn Xuân Linh cho rằng: “Ngôi nhà Việt Nam là nơi sinh sống của một gia đình nhưng cũng là nơi thờ cúng tổ tiên và thần thánh, là nơi trung gian giữa thế giới bên này và thế giới bên kia, là nhịp cầu giữa trần tục và linh thiêng.” [53, tr.152]. Trong tín ngưỡng của người Việt có sự kết hợp giữa ba tôn giáo: Nho, Phật, Đạo giáo và các yếu tố tín ngưỡng dân gian (bản địa) đặc trưng của từng nơi, với tập tục thờ tổ tiên, thờ linh vật và tín ngưỡng nông nghiệp lúa nước... Đây cũng là phần khá quan trọng khi xem xét đại cục về ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống.

#### **1.4.3.2. Hệ tư tưởng Nho giáo**

Thời Lý, Nho giáo đã giành được một chỗ đứng nhất định trong tư tưởng chính trị - xã hội lúc bấy giờ vì nó cung cấp cho nhà cầm quyền một hệ thống lý luận và những bài học kinh nghiệm trong việc trị nước. Sang thời Trần, đến thế kỷ XV Nho giáo mới tìm được chỗ đứng xứng đáng trên thượng tầng kiến trúc của xã hội. Theo quan niệm của Nho giáo, để trở thành người quân tử: *tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*, phải đạt 5 đạo (ngũ luân): vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn và ngũ thường: *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*. Tư tưởng ấy đã thấm nhuần trong tầng lớp trí thức và quan lại, ăn sâu vào đời sống chính trị - xã hội quốc gia. Nho giáo đã được Việt hóa bởi truyền thống tự cường mạnh mẽ của người Việt, tồn tại lâu dài và có ảnh hưởng khá sâu sắc vì mang tính phổ quát, tích hợp được những giá trị văn hóa bản địa, phù hợp với tâm thức người Việt. Năm 1919, thực dân Pháp quyết định bãi bỏ nền giáo dục và khoa cử Nho học. Nho học vì thế dần bị quên lãng [3]. Tuy nhiên, trong dân gian, những tư tưởng đạo đức, luân lý của Nho giáo vẫn ít nhiều ảnh hưởng trên nhiều phương diện, nhất là trong cung cách ứng xử. Đến nay nhiều giá trị tích cực của Nho giáo vẫn được gìn giữ trong nhân dân, thể hiện sức trường tồn của học thuyết này.

#### **1.4.3.3. Hệ tư tưởng Phật giáo**

Từ đầu Công Nguyên, Phật Giáo được du nhập từ thời Bắc thuộc một cách hòa bình vào Việt Nam, tiếp xúc với tín ngưỡng truyền thống và hòa quyện vào nhau đã hình thành hệ thống Chùa Việt, tổ chức không gian thờ

cúng theo kiểu “tiền Phật hậu thần”. Không chỉ thờ Phật, chùa thờ đủ cả Thần, Thánh, Mẫu, các vị thần hoàng thổ địa, các anh hùng dân tộc. Như vậy, Phật giáo ở nước ta là sự tổng hợp các tông phái, các tôn giáo khác như Nho giáo, Đạo giáo, kết hợp chặt chẽ việc đạo với việc đời, cùng với các vị thần trong tín ngưỡng dân gian. Đức Phật có khả năng giải cứu và giúp đỡ mọi người, “lấy họa phúc mà lay động lòng người”. Thiên Phật vốn phóng khoáng, cởi mở, tự do, dung nạp mọi tín ngưỡng, cổ tích dân gian. Các ngôi chùa trồng cây thuốc Nam, mở y viện ngay trong khuôn viên chùa để chữa bệnh cứu dân. Chùa có giống cây trồng nào mới thì lại “bố thí” cho chúng sinh, Phật tử đem về nhà, về làng trồng gây giống, truyền bá cho toàn dân như cây mít, cây hoa đại, cây bồ đề v.v...

Vào Việt Nam, Phật giáo đã hòa nhập với các dòng tín ngưỡng dân gian cũng như những tôn giáo khác, tạo nên bản sắc riêng. Hệ tư tưởng Phật giáo chịu ảnh hưởng của triết học Khổng Lão tác động đến nhiều mặt trong đời sống vật chất và tinh thần, góp phần hình thành nếp sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng, đặc biệt là trong việc tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống và môi trường sống.

#### 1.4.3.4. Tín ngưỡng dân gian

Tín ngưỡng dân gian xuất hiện trước các tôn giáo ngoại nhập. Bên cạnh việc thờ cúng gia tiên, tín ngưỡng dân gian sùng bái tự nhiên thông qua việc thờ đa thần và các hiện tượng tự nhiên khác như Mây-Mưa-Sấm-Chớp, trong đó chủ yếu là thờ Mẫu. Có thể nói tín ngưỡng thờ Mẫu là bản sắc văn hóa của người Việt và là đối trọng với những tín ngưỡng du nhập từ bên ngoài. Thần linh không chỉ là đáng tối cao mà còn có sự sáng tạo phục vụ con người. Tín ngưỡng dân gian gắn bó sâu sắc với đời sống tinh thần, tâm linh của người Việt như tín ngưỡng *Vạn vật hữu linh* còn thờ cả động vật và thực vật là những con thú sống trên cạn như hươu, nai, trâu, cóc... các động vật dưới nước cá, rắn... thờ các con vật có tính biểu trưng, hư cấu như rồng, phượng. Thực vật thì thờ cây lúa, cây đa, cây cau... *Tín ngưỡng phồn thực* sùng bái sự sinh sôi nảy nở của tự nhiên và con người, thông qua việc thờ các sinh thực khí nam và nữ, các loại cột đá, hốc cây, kẽ nứt... và cả hành vi giao phối nam nữ trên mặt trống đồng Đông Sơn, một dạng tín ngưỡng phồn thực đặc trưng của cư dân nông nghiệp lúa nước vùng Đông Nam Á.

Trong nhà ở truyền thống, bên cạnh việc thích nghi, ứng xử với môi trường sinh thái ở mặt nào đó cũng chính là thực thi các yếu tố tín ngưỡng tôn giáo, qua đó thể hiện đặc trưng văn hóa và mối quan hệ giữa các tộc người. Nhiều tư tưởng triết học và tôn giáo ảnh hưởng lớn đến nền văn hóa, nghệ thuật Việt Nam trên cơ sở cộng sinh giữa văn hóa bản địa với các dòng tư tưởng và văn hóa, tôn giáo du nhập từ bên ngoài... thể hiện khá đa dạng trong các hình thái kiến trúc, tổ chức không gian, yếu tố trang trí mỹ thuật, ứng xử với thiên nhiên trong nhà ở của người Việt.

#### ***1.4.3.5. Một số đặc trưng về tính cách, phong tục, tập quán của người Việt***

Hoàn cảnh lịch sử, cơ cấu kinh tế và tổ chức xã hội, phương thức sản xuất và hệ tư tưởng là những yếu tố có ảnh hưởng quyết định đến lối sống và tập quán. Nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp phụ thuộc hầu hết vào thiên nhiên nên mức sống thấp. Nền văn minh lúa nước tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong thiết chế làng xã, duy trì những khuôn phép và chịu tác động của cộng đồng. Nền tảng tín ngưỡng phức hợp, chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo cùng với tín ngưỡng thờ tổ tiên và thờ Thần, Thánh, Trời, Phật đã tác động lên nếp suy nghĩ và nếp sống.

Theo các nhà nghiên cứu văn hóa thì do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, ít ổn định, nền sản xuất nhỏ lẻ, tự cung tự cấp, chiến tranh triền miên nên tính cách người Việt có những nét đặc trưng như tinh thần cộng đồng cao, chịu khó, cần cù, tiết kiệm. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Hượu đã nêu một nhận xét về lối sống của người Việt truyền thống: “Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn đi trước, lội nước theo sau, biết thủ thế, giữ mình, gỡ được tình thế khó khăn”. Trong cuốn *Văn hóa lối sống và môi trường* [47], nhóm tác giả đã khắc họa khá rõ những tính cách của người Việt, có thể tóm tắt như sau:

*Sống hòa đồng, thích nghi với thiên nhiên, tận dụng tối đa thiên nhiên.* Trong quá trình xây dựng nhà ở, người Việt tìm cách thích ứng và tích lũy được nhiều kiến thức về tự nhiên để khai thác thuận lợi và ứng phó với những bất lợi.

*Chăm lao động, cần kiệm, dễ thích nghi, chịu đựng khó khăn thiếu thốn.* Do mức sống bấp bênh, mùa màng năm được, năm mất nên người



Việt phải tìm mọi cách để khắc phục. Tiết kiệm là nếp sống đã ăn sâu vào tiềm thức mỗi người, hình thành cách nghĩ “tích tiểu thành đại”, sẵn sàng “ăn đói mặc rách” để giành dụm tiền bạc cho những việc lớn như “làm nhà, tậu trâu, lấy vợ”.

*Coi trọng đạo hiếu, lễ nghĩa, luật tục, tôn ti trật tự.* Người Việt tôn thờ, chiêm bái những đấng bề trên đã cho dòng họ mình và bản thân mình cuộc sống. Gian chính giữa trang trọng nhất trong nhà dành để thờ cúng Ông Bà, tổ tiên. Vào các dịp giỗ chạp, lễ tết, ma chay, cưới hỏi, các thành phần trong ngôi nhà đều trở nên cần thiết, từ gian chính đặt bàn thờ cho đến hàng hiên, nhà ngang, sân, bếp. Đặc biệt là với những người giữ vai trường họ, trưởng tộc thì không gian nhà ở và khuôn viên trong ngôi nhà của họ càng quan trọng.

*Trọng cái đẹp, tính thẩm mỹ, tính bình dị, bền vững của hình thức.* Người Việt xưa dù sống khó khăn vẫn luôn tìm kiếm cái đẹp, được tạo nên từ sự khéo léo của đôi tay cùng với khả năng sáng tạo thẩm mỹ. Ngoài ra, mỗi vùng miền lại có những đặc thù địa phương, làm phong phú thêm cho tính cách người Việt. Điều này ít nhiều cũng tác động và ảnh hưởng đến cách nghĩ và cách xây dựng kiến trúc nhà ở truyền thống.

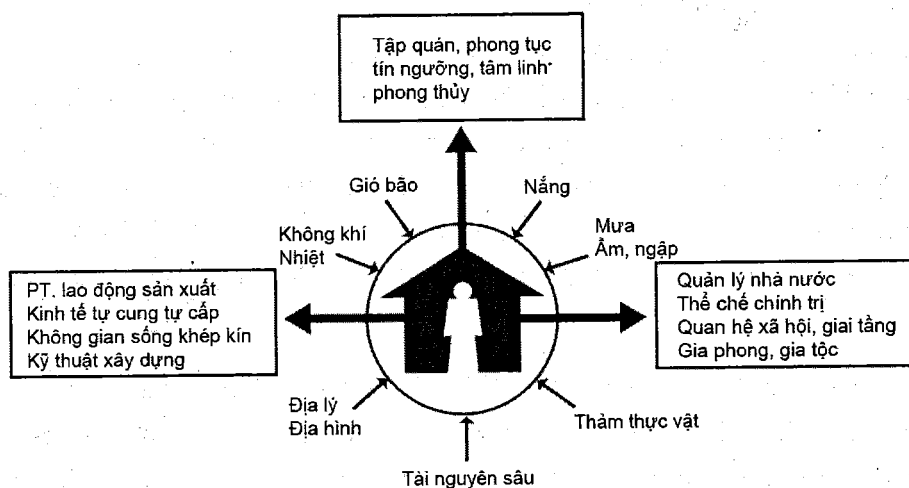
#### ***1.4.3.6. Một số phong tục tập quán trong nếp nhà của người Việt***

Người Việt quan niệm “có an cư mới lạc nghiệp”, “sống mỗi người mỗi nhà, già mỗi người mỗi mò”. Mỗi con người được sinh ra, lớn lên, học hành và lao động kiếm sống. Đến khi xây dựng gia đình thì cần một nếp nhà, hình thành một mái ấm. Nhiều gia đình hợp thành đơn vị cư trú. Nhà ở do con người tạo nên, là loại hình kiến trúc gắn bó mật thiết nhất với con người, chứa đựng mọi giá trị vật chất và tinh thần. Do vậy nó là một không gian mang chức năng văn hóa, biểu tượng cho sự ổn định lâu bền, cho sự chung lưng đấu cật để sinh tồn phát triển, đáp ứng nhu cầu về thể chất và tâm hồn con người Việt Nam.

Nhà ở nông thôn, chủ yếu là các gia đình thuần nông, thường gắn liền với nơi sản xuất và đồng ruộng. Cách tổ chức nơi ở và ngôi nhà phù hợp với nếp sống và thói quen lao động. Mặt khác, do kỹ thuật và vật liệu khá đơn giản nên tự người nông dân cùng gia đình, người thân, láng giềng có

thể trực tiếp tham gia xây dựng. Họ khai thác những vật liệu thông dụng dễ kiếm trong vùng hoặc tận dụng những sản phẩm dôi thừa từ sản xuất nông nghiệp như rơm rạ, tre nứa, đất đá... sẵn có để làm nhà và chống lại một cách hiệu quả những tác hại của môi trường thiên nhiên.

Ngôi nhà, ngoài mục đích là phương tiện cư trú đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống cho mỗi người sống trong đó, còn thể hiện giá trị tinh thần, tình cảm, phong thái riêng của mỗi con người, mỗi gia đình, mỗi thế hệ... từ lúc sinh ra, lớn lên, định hình nhân cách, trưởng thành cho đến lúc nằm xuống. Nơi “chôn nhau cắt rốn”, nuôi nấng ấp ủ những hoài bão đời người do vậy trở nên gắn bó, thiêng liêng. Gia đình, (với dấu ấn ngôi nhà) có ý nghĩa rất sâu sắc trong lòng mỗi người.



**Hình 1.1.** Sơ đồ Những yếu tố tác động đến quá trình tổ chức kiến trúc nhà ở truyền thống

Làng xã của người Việt được hình thành và vận hành dựa trên những luật lệ truyền từ đời này sang đời khác, được thể hiện trong các *hương ước*. Đó là hệ thống “thuần phong, mỹ tục”, những quy tắc và giáo huấn về lối sống. Hương ước được ghi thành văn bản trong đó nêu rõ các quy định về chế độ ruộng đất, khuyến nông, bảo vệ môi trường, về tổ chức xã hội và trách nhiệm của các chức dịch trong làng. Trong xã hội, mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng luôn tìm cho mình một môi trường sống thích hợp để sinh tồn. Lâu dần thành nếp, thành thói quen dẫn đến khái niệm không

gian cư trú thích hợp với từng nhóm người, từng cộng đồng, từng dân tộc, từng vùng miền. Trên những khu vực địa lý nhất định, họ tạo nên các địa bàn cư trú với những đặc trưng, sắc thái riêng về lối sống trên cơ sở mối quan hệ trong gia đình thân tộc và quan hệ làng xóm, cộng đồng.

Nội dung chương này đề cập làm rõ một số đặc điểm về lịch sử, kinh tế, xã hội, tín ngưỡng tôn giáo và điều kiện địa lý, khí hậu, địa hình, cũng như nếp sống, phong tục tập quán... Chịu ảnh hưởng của triết lý âm dương, ngũ hành và quan niệm về phong thủy là những vấn đề mấu chốt quyết định cách người Việt lựa chọn phương thức ứng xử. Chi phối, tác động đến Nhận thức, quan niệm và ứng xử với môi trường, thiên nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống xây của người Việt. Các yếu tố nêu trên có những đặc trưng riêng do địa lý, khí hậu, kinh tế, xã hội, phong tục, tập quán... cũng như ảnh hưởng từ các nền văn hóa ở mỗi vùng miền. Dựa trên cơ sở này, chúng tôi xác định ba vùng văn hóa *Đồng bằng Bắc Bộ*, *đồng bằng Duyên hải Trung Bộ* và *Đồng bằng Nam Bộ*, có tính chất tiêu biểu cho ba miền, có nhiều người Việt sinh sống để đi sâu khảo sát về ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống mỗi vùng miền trong phần tiếp theo.



## Chương 2

# THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI BA MIỀN

Người Việt Nam sinh sống trên dải đất trải dài hơn 2000km từ Bắc vào Nam. Sự khác nhau về điều kiện tự nhiên đã hình thành những phong tục, tập quán, lối sống có phần khác biệt, thể hiện rõ nét qua kiến trúc nhà ở mỗi vùng miền. Trong nhiều trường hợp, hành vi, ý chí của con người có vai trò quyết định, kể cả khi thiên nhiên khắc nghiệt với bao thiên tai như triều cường, đất sạt lở, bão lũ, dịch bệnh v.v... Ở vào vị trí địa lý của nền văn minh lúa nước vùng Đông Nam Á, cuộc sống của người Việt Nam bị lệ thuộc phần lớn vào thiên nhiên, do thiên nhiên quyết định, để tồn tại và phát triển Người Việt đã phải: “*Trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm*”.

Trong quá trình ngàn năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta không ngừng ứng phó với môi trường thiên nhiên một cách kiên trì, linh hoạt và sáng tạo. Trí tuệ hành vi của người Việt trong xử lý không gian và ngôi nhà ở của mình đã được chọn lọc dần qua thời gian để loại bỏ những gì là không phù hợp, không thuận lợi, biết tận dụng chính môi trường tự nhiên ấy để sinh sống và tạo dựng ngôi nhà. Điều này được thể hiện khá rõ nét khi nghiên cứu sát thực trạng trong đó biểu lộ đầy đủ các khía cạnh về sự tận dụng, ứng phó, tích lũy kinh nghiệm trong quá trình đấu tranh sinh tồn với môi trường tự nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt tại ba miền.

Trong các năm 2010 - 2012, chúng tôi đã tham gia cùng các đoàn khảo sát điền dã thực tế gần 50 ngôi nhà ở truyền thống ở ba miền Bắc, Trung, Nam, xem xét và mô tả yếu tố thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống thông qua các đặc điểm về *tự nhiên, xã hội và đặc điểm về tổ chức không gian và ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống* của người Việt ba miền.

## 2.1. ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA CƯ DÂN ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Năm 2010, tiến hành một số đợt khảo sát, điền dã tại các làng cổ xã Đình Bảng và Phù Lãng thuộc tỉnh Bắc Ninh, thôn Mông Phụ và làng cổ Đường Lâm thuộc tỉnh Hà Tây (cũ), hai thôn Đồng Long và Lai Hạ thuộc xã Hùng An tỉnh Hưng Yên, đồng thời thu thập tài liệu “Nghiên cứu điều tra và hồ sơ vẽ ghi các nhà cổ truyền thống Việt Nam” tại Cục Di sản Văn hóa, bộ VH - TT & DL. Những địa danh được lựa chọn có thể đại diện cho văn hóa ứng xử với thiên nhiên của vùng lúa nước châu thổ sông Hồng.

### 2.1.1. Đặc điểm tự nhiên - xã hội

Vùng châu thổ sông Hồng có diện tích khoảng 15.000km<sup>2</sup>, diện tích đất nông nghiệp 760.000 ha trong đó có gần 70% là đất phù sa màu mỡ. Không gian cư trú nằm trong vùng văn hóa đồng bằng Bắc Bộ (có tam giác nổi sông Hồng, sông Thái Bình và sông Mã), đất đai trù phú nhờ phù sa các con sông bồi đắp (sông Đáy, sông Đuống, sông Đào Phủ Lý).

Địa hình có độ nghiêng nhỏ, cao độ tối đa 15m so với mặt nước biển. Đất canh tác có vùng khô ráo tránh được lụt lội, có vùng gần như ngập quanh năm. Đồng bằng thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam với rất nhiều ao hồ.

Hầu hết cư dân là người Việt, sống quần tụ thành làng nằm đan xen quanh những cánh đồng lúa bạt ngàn, trên các dải đất trong đê, ngoài đê (bãi) dọc sông Hồng. Ngoài ra, người Việt còn mở rộng địa bàn cư trú tới các vùng trung du, đồng bằng duyên hải.

*Những khác biệt về khí hậu:*

Khí hậu Bắc Bộ thuộc nhiệt đới gió mùa với nhiều biến động đột ngột và phức tạp trong năm. Có bốn mùa rõ rệt là xuân, hạ, thu, đông. Lượng mưa lớn gấp hai lần lượng nước bốc hơi, dao động từ 600 - 900mm/năm. Phân bố mưa chia làm 3 kỳ: Tháng 10 - 12 ít mưa, mát mẻ, độ ẩm dưới 80%. Tháng 1 - 4 mưa ít nhưng độ ẩm cao do mưa phùn kéo dài, khí hậu ẩm ướt. Tháng 5 - 9 mùa mưa chính gắn liền với dông bão. Do đặc điểm địa hình và khí hậu như vậy nên vùng này dư thừa nước, việc đắp đê ngăn lũ quan trọng hơn tát nước chống hạn, trị thủy cần hơn thủy lợi.

Như vậy, ba đặc tính quan trọng của khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ là tính chất nhiệt đới gió mùa tiêu biểu, biên độ dao động lớn, tính phân hóa đa dạng. Nơi đây có lịch sử khai phá lâu đời, mật độ dân số cao. Phần lớn diện tích đất phải dành làm nông nghiệp, đất xây nhà rất hạn hẹp.

## **2.1.2. Đặc điểm về tổ chức và ứng xử với thiên nhiên kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Bắc Bộ**

### **2.1.2.1. Khuôn viên ở**

Mặt bằng khuôn viên thường được bố trí các chức năng đáp ứng những nhu cầu cơ bản của cuộc sống, phù hợp tập quán, tục lệ trong vùng và thuận tiện cho sản xuất trong mối quan hệ giữa chỗ ăn ở - làm nghề nông - kinh tế phụ.

Mỗi khi chuẩn bị làm nhà, mối quan tâm đầu tiên của người chủ (có khi là của cả dòng họ, nếu chủ nhà là trưởng họ) phải là hướng nhà. Vì nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa có hướng gió mát thổi từ phía Nam nên nhà thường được mở cửa về hướng Nam để đón gió mát, tránh gió rét từ phía Đông Bắc, trên thực tế không phải tất cả các ngôi nhà đều đạt được điều này. Thống kê một vài trường hợp cụ thể dựa theo số liệu trên hồ sơ nghiên cứu giai đoạn năm 2002 của Cục di sản cho thấy: [12]

*Trường hợp 1:* trong 36 ngôi nhà tại các xã trong tỉnh Thanh Hóa có 25 nhà quay hướng Nam (8 chính Nam, 12 Đông Nam, 5 Tây Nam) 8 nhà quay hướng Bắc, 3 nhà quay hướng Tây.

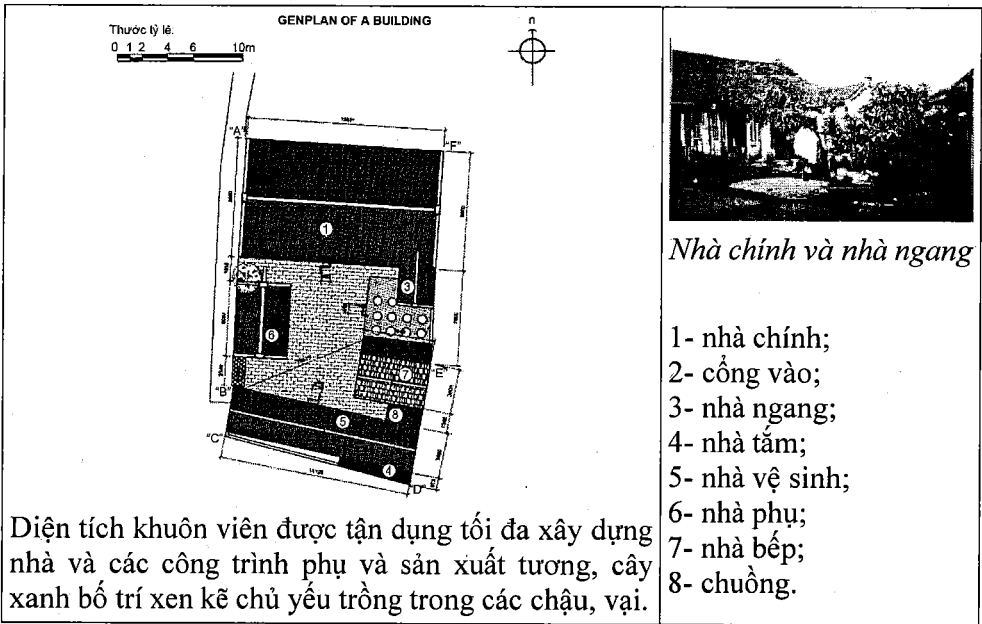
*Trường hợp 2:* chọn ngẫu nhiên 8 nhà ở của tỉnh Nam Định thì cả 8 đều quay hướng Nam (6 Đông Nam, 2 Tây Nam).

Như vậy, ở Bắc Bộ khá nhiều nhà chọn hướng Nam. Người ta cũng xem hướng phù hợp, tùy theo tuổi của gia chủ hay trưởng dòng họ cầu mong sự thành đạt và thịnh vượng. Thường thì hướng nhà cốt sao hứng được nhiều gió mát, đối với phong thủy thì hướng nhà (cổng vào và cửa chính) là quan trọng.

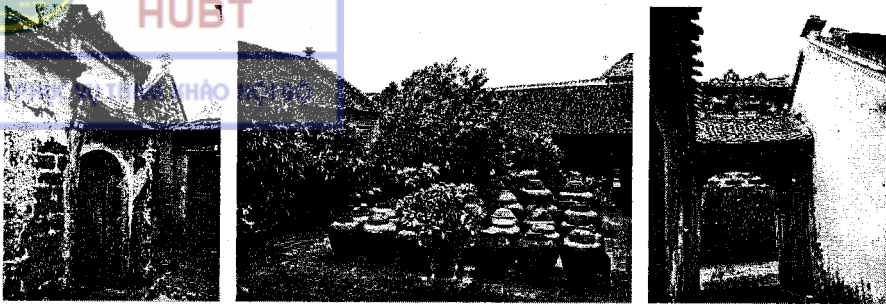
Khuôn viên cư trú nông thôn vùng châu thổ sông Hồng xưa khá giống nhau, do diện tích khuôn viên không lớn nên người dân phải cân nhắc tính toán bố trí sao cho hài hòa, cân đối giữa đất dành cho làm nhà - đất cho sản xuất nông nghiệp (ruộng đồng có thể cách xa nhà) - nghề phụ gia

đình, với đầy đủ các thành phần; cổng tường rào, vườn rau, sân, nhà chính, nhà phụ (gồm bếp, kho), chuồng nuôi trâu bò, gia súc, ao thả cá...

Có thể hình dung qua mô tả về kiến trúc nhà ở truyền thống thôn Mông Phụ: “Không gian thổ cư thường được tổ chức theo một mô hình khá thống nhất: nhà chính nằm giữa, lưng nhà thường dựa vào ranh giới của vườn, hai bên nhà chính là nhà ngang và bếp, trước nhà chính là sân phơi thóc, tiếp đến là vườn, chuồng bò (nếu có) ở trong vườn, chuồng gà ở gần bếp...” [53, tr.162]. Một số bản vẽ kèm dưới đây từ khảo sát thực tế cho thấy cách bố cục khuôn viên nhà của vùng đồng bằng Bắc Bộ.



Hình 2.1. Mặt bằng nhà ông Hà Nguyên Huyền, xóm Xui, thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm. Nguồn: [12]



Hình 2.2. Cổng ngõ vật liệu gạch nung và đá ong, sân trong, các dãy nhà phụ, cạnh hông

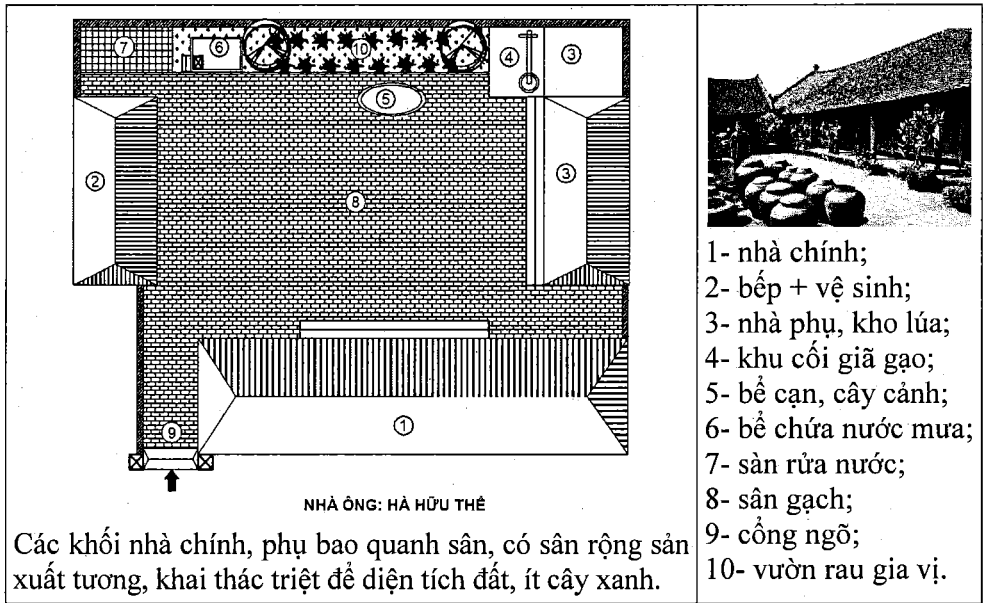
Nhà ông Hà Nguyên Huyền, ở xóm Xui, thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm dạng chữ Công, khu nhà chính và nhà phụ bao quanh, sân ở giữa, cổng vào và tường xây bằng gạch nung với đá ong. Diện tích đất khuôn viên chỉ dành một phần để xây nhà và các công trình phụ. Phần sân giữa và các hiên xung quanh đặt vài chục lu sành ngâm tương bần (sản phẩm đặc trưng của làng này). Một số loại cây phải trồng xem kẽ với tường rào, còn lại chủ yếu trồng trong chậu, vại sành đặt trước hiên. Bố cục khuôn viên hài hòa với thiên nhiên và cảnh quan với các cao độ khác nhau; nơi thấp nhất là mặt ao để thu nước, kế đến là mặt sân. Nền nhà được tôn cao nhất. Các thành phần nhà có sự gắn kết chặt chẽ giữa bên trong và bên ngoài. Toàn bộ kiến trúc nhà ở đều ẩn mình, hòa quyện với thiên nhiên, hình thành hệ sinh thái khép kín ổn định.

Mỗi ngôi nhà đều bắt đầu từ cái cổng; lối vào này khá đa dạng, khác nhau tùy vùng thường thì cổng đơn giản, cánh gỗ cài then nhẹ nhàng, có cổng gạch lợp ngói, cánh gỗ dày và nặng, có nơi cổng làm bằng tre, giữa cánh cổng có một cây cọc để ban ngày chống lên, ban đêm hạ xuống. Cùng với cổng là bức tường rào bằng những cây có gai như tre ken dày hoặc có hoa như dâm bụt, găng, duối v.v... hay gạch chạy quanh nhà. Tường các nhà ở thôn Mông Phụ đều có cổng có mái lợp ngói, trụ và tường xây bằng gạch gốm hay đá ong, có dàn dây leo tạo bóng mát. Sau cổng là sân là trung tâm mở của ngôi nhà; chỗ phơi thóc lúa rom rạ, nơi cả gia đình quây quần quanh chiếu hay chõng tre những đêm hè trắng thanh gió mát, nơi diễn ra đám cưới, tang chế, giỗ chạp... Sân gạch có giàn cây leo như bầu, bí, mướp, thiên lý... vừa làm rau ăn, vừa có bóng mát. Ở bên rìa sân, đối diện với cửa chính thường khi có tấm bình phong hay bể cá, hòn non bộ, chơi chim cảnh (nhà ông Nguyễn Văn Hùng, ô Hà Hữu Thế, làng Đường Lâm).

Trước sân có hàng cau. *Chuối sau, cau trước* là cách ứng xử lâu đời của người nông dân Bắc bộ để đón gió mát mùa hè (nhờ cây cau thân mảnh, tán cao) và cản gió lạnh mùa đông (nhờ thân chuối thấp lá to và rậm). Đặt cạnh cây cau thường có chum hứng nước mưa chảy từ thân cau xuống. Nằm gần sân là ao, có thể to hoặc nhỏ. Ao, vườn là những thành phần chủ yếu khép kín chu trình khai thác thiên nhiên của người nông dân. Ao là công cụ sản xuất: nuôi tôm cá, nuôi vịt, thả sen. Ao để ngâm



tre làm nhà. Ao thu giữ nước thải, nước mưa, là cái máy trời sinh để điều tiết vi khí hậu. Ao là nơi giặt giũ, chỗ cho trẻ ngụp lặn. Bờ ao là chỗ mọi người thường đến ngồi hóng mát về mùa hè...



*Hình 2.3. Mặt bằng nhà ông Hà Hữu Thế, thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm, Hà Tây*



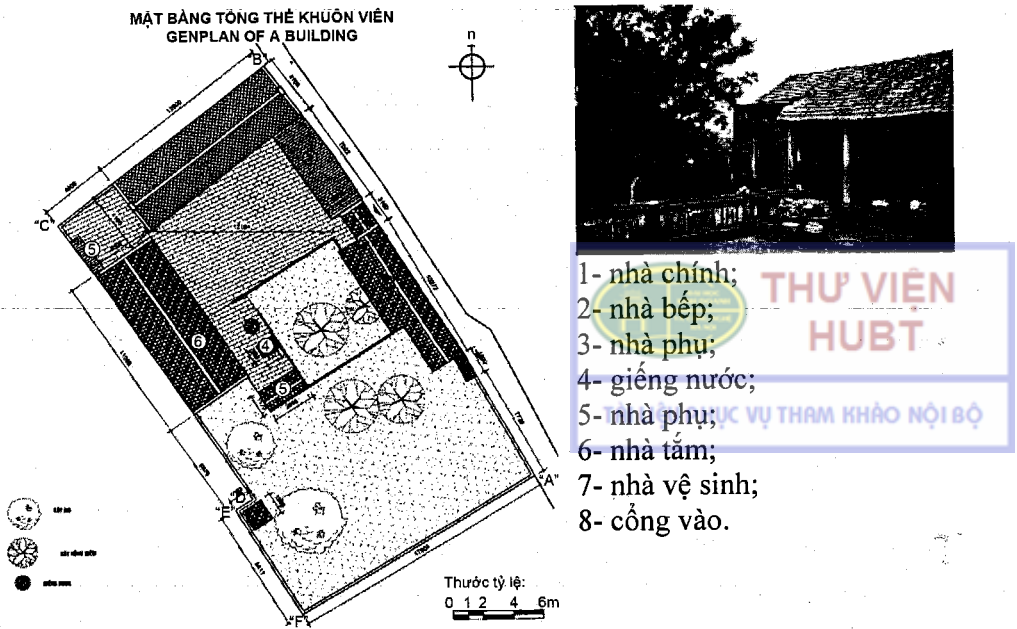
*Hình 2.4. Cổng ngõ, tường rào và mặt đứng nhà và sân phơi*

Nhà phụ (hoặc nhà ngang) là thành phần không thể thiếu trong mỗi hộ nông dân. Nhà phụ thường được đặt vuông góc với nhà chính để tiện đi lại, tuy không được đầu tư nhiều về kỹ - mỹ thuật, nhưng đủ chắc chắn và rộng rãi để có thể làm nghề phụ: nghề hàng xáo, dệt cửi nuôi tằm, đan lát, đóng cối xay, làm tương, làm bánh v.v... Ngay trong nhà phụ hoặc liền với nhà phụ là cái bếp đun. Chất đốt chủ yếu của người đồng bằng là rơm rạ. Bếp thường được bố trí ở cuối hướng gió để khói không tạt vào

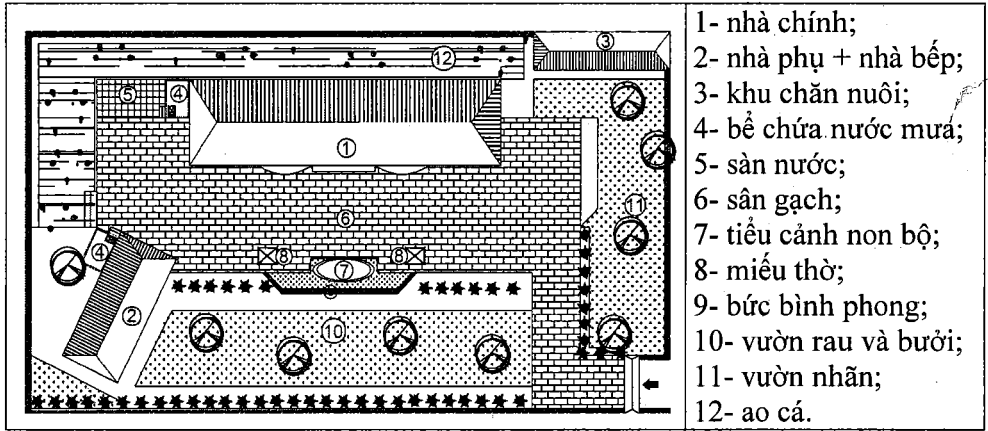
nhà chính. Giếng nước được đặt gần bếp, thường có một ô nhỏ quây gạch gần đáy để làm chỗ tắm. Chuồng trại chăn nuôi đứng riêng hoặc sử dụng một phần mái kéo dài của nhà bếp... Các công trình phụ như kho, vệ sinh được đặt cách xa ngôi nhà chính nhưng thường khá luộm thuộm, tạm bợ.

Vườn nhà được tổ chức trồng trọt đa dạng; rau màu cho bữa ăn hàng ngày như rau như rền, muống, mùng tơi, đay, rau thom, ớt. Vườn rộng có thêm cây ăn trái như khế, ổi, mít, xoài, cam, chanh, đu đủ. Các loại các loại cây lấy gỗ như xoan, mít, tre trúc v.v... Ngoài ra trong vườn còn có các loại cây hoa, cây cảnh, cây thuốc. Vườn cây tạo bóng mát, điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan, che phủ công trình kiến trúc.

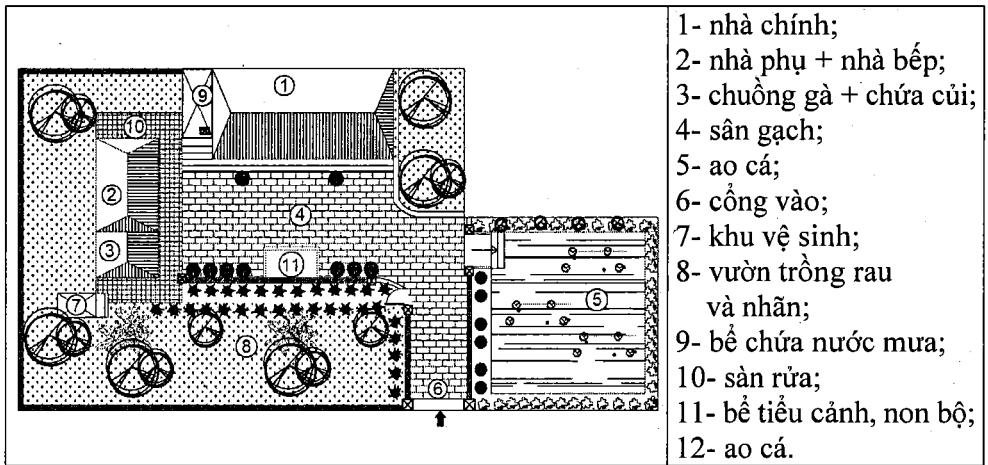
Tổng hợp các thành phần nhà ở từ các bản vẽ khảo sát cho thấy khu vực công, nhà chính, bếp nhà phụ, sân vườn, chuồng trại, bể chứa nước là những thành phần cơ bản gần như nhà nào cũng có. Ao, giếng, khu vệ sinh, nhà tắm thường không đầy đủ, nếu có thì cũng sơ sài ở những gia đình nghèo. Cách sắp xếp nhà cửa, sân vườn trong các khuôn viên nhà ở truyền thống còn cho thấy có phần nghèo khó về vật chất, hạn chế về điều kiện sống tiện nghi, vệ sinh, cảnh quan môi trường.



**Hình 2.5.** Nhà ông Phan Văn Vệ, xóm Xui, thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm  
Nguồn: [12]



Hình 2.6. Mặt bằng nhà ông Đỗ Đình Nhạ, thôn Ngọc Đồng Lai Hạ, xã Hùng An, Hưng yên

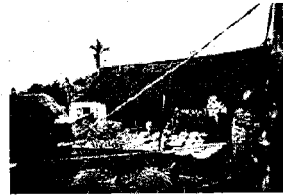
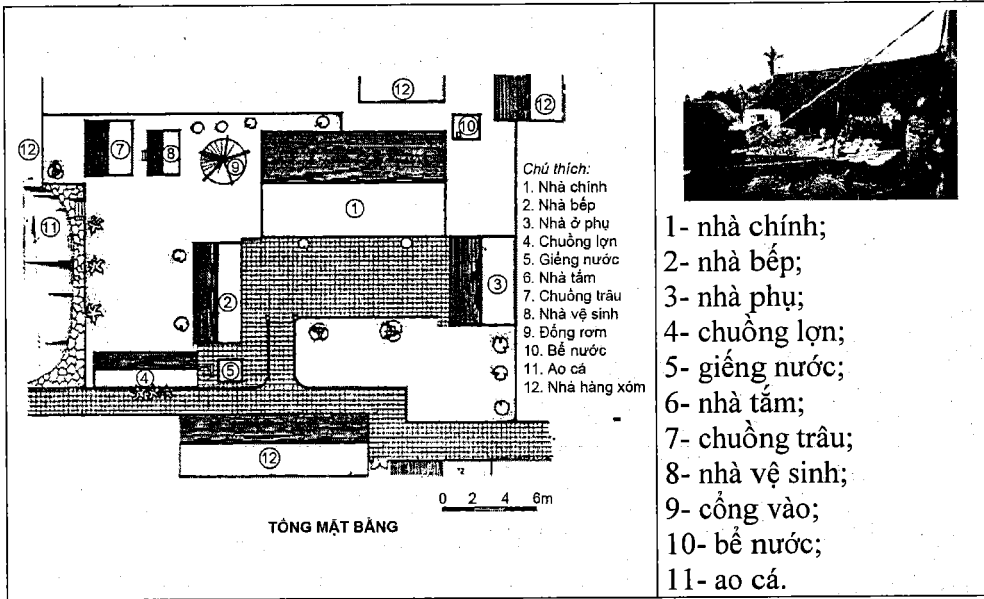


Hình 2.7. Mặt bằng nhà bà Phạm Thị Mùi, thôn Lai Hạ, xã Hùng An, huyện Kim Động, Hưng Yên

### 2.1.2.2. Kiến trúc ngôi nhà

Diện tích khu đất làm nhà ở có sự rộng hẹp khác nhau, cách tổ chức mặt bằng, vật liệu dựng nhà và mái lợp cho thấy khá rõ sự khác biệt giữa các tầng lớp giàu nghèo. Nhà thường dân hầu như bằng nguyên liệu khai thác tại chỗ: cột nhà bằng tre hoặc gỗ xoan, vách đất, mái lợp rơm rạ, đồ đạc bằng gỗ, mây tre... là những thứ có sẵn ở quanh vườn hoặc gần nhà. Nhà khá giả làm nhà bằng gỗ, gạch, mái lợp ngói.

Ngôi nhà chính của mỗi gia đình thường chiếm vị trí trung tâm trong khuôn viên, ít khi dính liền nhà phụ. Mặt bằng ngôi nhà Bắc Bộ đa phần hình chữ nhật, chiều dài thường gấp rưỡi đến gấp đôi chiều rộng. Nhà chia thành ba gian, ba gian hai chái hoặc năm gian hai chái, có hàng hiên chạy suốt chiều dài trước nhà. Bên trong nhà có ba gian thông nhau, tạo khoảng không gian khá rộng, là nơi thờ cúng gia tiên, tiếp khách, nơi ngủ của chủ nhân và những người đàn ông trong nhà.



- 1- nhà chính;
- 2- nhà bếp;
- 3- nhà phụ;
- 4- chuồng lợn;
- 5- giếng nước;
- 6- nhà tắm;
- 7- chuồng trâu;
- 8- nhà vệ sinh;
- 9- cổng vào;
- 10- bể nước;
- 11- ao cá.

**Hình 2.8.** Mặt bằng nhà ông Nguyễn Văn Thân, thôn Lạc Thổ, xã Song Hồ, Bắc Ninh

Nguồn: [12]

Bức tường phía sau nhà, còn gọi là lưng nhà, thường được bịt kín. Nếu sau lưng nhà có vườn rộng thì phía tường này cũng có thể được trở cửa sổ để thông gió. Bàn thờ tổ tiên đặt ở gian chính giữa, ngay sát lưng nhà, mặt hướng về cửa vào. Nơi tiếp khách thường đặt bàn hình chữ nhật và hai ghế dài, quay một đầu về phía bàn thờ. Đôi khi thay vào đó là sập gụ, tủ chè. Phía trên bàn thờ là bức hoành phi, có thể do vua ban. Hai bên cột có treo câu đối được sơn son thếp vàng hoặc khảm trai.

Ngoài gian giữa là chỗ tiếp khách, ở hai gian bên thường có hai cái phản để ngủ. Mọi lễ lạt, cỗ bàn của gia đình cũng thường diễn ra tại đây.

Nền nhà phần lớn làm bằng đất đầm chặt, cán phẳng nên mát về mùa hè và hút được ẩm trong những ngày có gió nồm mang hơi nước. Đôi khi nền nhà được lát gạch Bát Tràng. Hai gian ngoài cùng ở hai đầu nhà (chái nhà) có nơi để thông, có nơi ngăn lại thành buồng dành cho giới nữ hoặc vợ chồng trẻ. Có nơi dành một gian chái làm kho chứa thóc và áo quần, đồ đạc.

Hiên trước nhà là không gian điều tiết khí hậu rất ý nhị trong điều kiện nóng ẩm. Tầm phen, liếp đan bằng tre hoặc ghép bằng gỗ có tác dụng ngăn nắng và thông gió rất hiệu quả. Nó làm dịu đáng kể độ nắng chói chang và cái nóng gay gắt về mùa hè, nhất là nắng hắt từ mặt sân những lúc ngang chiều. Có nơi, tầm phen này còn có thể chống lên hạ xuống tùy theo thời tiết. Đôi khi người ta còn cạp thêm một đoạn mái bằng vật liệu nhẹ để che cho phần hiên được nở rộng. Hiên này trở thành không gian hoạt động nửa kín nửa thoáng, rất phù hợp với khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ.



*Hình 2.9. Hàng hiên trước nhà (nhà ông Nhã, thôn Đông Long, Hưng yên)*



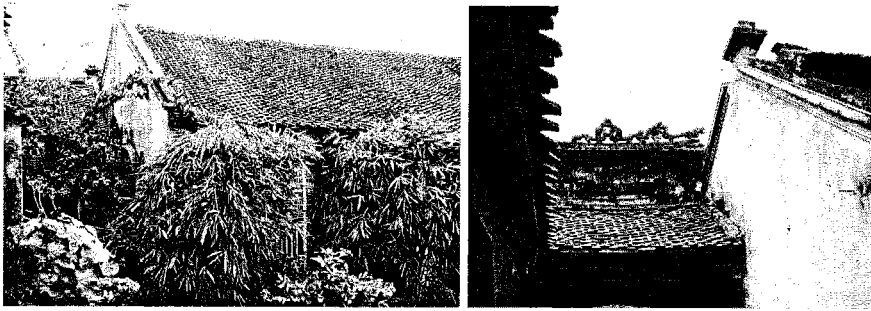
*Hình 2.10. Các bức giại che nắng của một số nhà xóm Sui, thôn Mông Phụ, làng Đường Lâm*

Mái nhà là thành phần rất đặc biệt của ngôi nhà. Bộ phận mái nhà có truyền thống chiếm tỉ lệ khá lớn, đôi khi quá nửa so với phần chính diện nhà. Với loại nhà có hệ khung sườn bằng tre, bương vầu hoặc gỗ xoan thì vật liệu lợp mái chỉ có thể là lá gồi, lá cọ, cỏ tranh, rom, rạ để rồi hoặc ken sẵn thành vòm. Mái nếu lợp dày có độ bền 15 đến 20 năm, loại mái này mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Người nông dân bình thường chỉ có đủ khả năng kinh tế để làm nhà loại thông dụng này.

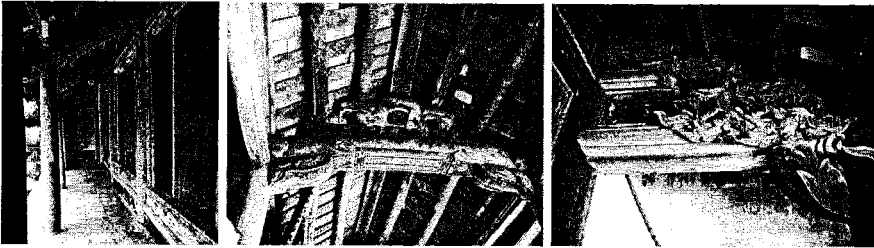
Nếu là nhà khung gỗ thì bộ mái là cả một kỳ công, một tài sản lớn, thậm chí là một tác phẩm nghệ thuật. Tùy vị thế của gia chủ mà các cột, kèo xà, bẩy được chạm trổ thêm hình con vật linh. Những hình chạm khắc thật tinh vi sống động, những đường gờ soi uốn lượn uyển chuyển, mềm mại. Khi gia công những cấu kiện cho một bộ mái nhà, mỗi tốp thợ đều đem hết kinh nghiệm và tài hoa ra để thể hiện. Mái thường được lợp bằng thứ ngói âm dương hay ngói ta. Diềm đỉnh mái được trát vuông vức, đôi khi có trang trí hình rồng phượng hoặc Mặt trời.

Tường ngăn cách ba gian giữa với hai gian đầu hồi phần nhiều được làm bằng gỗ (với nhà giàu sang) hoặc đơn giản hơn là trát vách. Tường bao quanh nhà có thể trát vách, xây gạch hay thưng bằng các loại gỗ tốt như lim, trò, sến, táu. Bài trí trong nhà, chú trọng nhiều nhất là khu vực thờ. Bàn thờ đủ rộng để bày hương án, bài vị ông bà tổ tiên, bát hương, đỉnh đồng, lư hương, cò vạc, bình hoa v.v...

Cửa đi, cửa sổ các loại có kích thước và cách bố trí khác nhau ở các vùng miền khác nhau. Nếu như miền Nam chỉ cần thông gió và giảm nắng thì ở miền Bắc phải vừa tránh sức nóng mùa hè vừa kín để chống gió lạnh mùa đông. Cửa sổ không mở hướng Bắc để tránh rét, không bố trí cửa thẳng hàng sau trước để tránh gió lùa. Cửa đi có nhiều cánh ván ghép, ván lùa, tạo sự thông thoáng, ngăn nắng chói mà vẫn lấy được sáng vào nhà. Cửa ra vào chính là loại cửa *bức bàn* đặc kín hoặc “thượng song hạ bản” (trên chấn song, dưới gỗ đặc, như nhà ông Hà Hữu Thế, làng Đường Lâm; nhà ông Nhã, Hưng Yên). Bậu cửa là một kiểu ứng xử với khí hậu khá độc đáo: phía dưới các bức tường có một khe nhỏ tách khỏi mặt đất để gió có thổi qua được. Kết cấu ngôi nhà Bắc Bộ cũng khá đặc biệt; tất cả mọi liên kết đều nhờ vào con số (nếu là nhà tre) hoặc mộng khớp (nhà làm bằng gỗ), được tạo bằng tràng đục và các công thức truyền miệng từ đời này sang đời khác.



*Hình 2.11. Chi tiết bộ mái nhà và ngói*



*Hình 2.12. Hệ khung sườn, các cột, kèo xà, bẩy được chạm trổ hoa văn trang trí*



*Hình 2.13. Hệ thống cửa bức bàn mở hết mặt tiền nhà*



*Hình 2.14. Khoảng hở giữa chân đố cửa với sàn nhà tạo sự khô thoáng*

Mỗi vì kèo nhà có từ ba đến bốn cột, cột gỗ xoan hoặc lim đường kính không lớn (thường từ 18 đến 25cm), nhưng có thể chống đỡ được cả bộ mái rất nặng, (nhà ông Nguyễn Đình Nhã thôn Đống Long, Hưng yên). Các ngôi nhà Bắc Bộ phần nào bị những tiết chế bởi quy định hà khắc về phân biệt giai cấp của chế độ phong kiến chi phối, hơn nữa cũng bộc lộ những căn tính nông dân đặc trưng của nền sản xuất tiểu thủ công, đó là sự tản mạn, đôi chỗ chắp vá tạm bợ. Mặt khác do đời sống khó khăn nên người dân không có điều kiện đầu tư công sức tiền của vào xây dựng nhà ở, phần lớn theo kinh nghiệm truyền lại nên quy mô và chất lượng ít thay đổi, chỉ quanh quẩn một số kiểu nhà dân gian có biến thể.

### ***2.1.2.3. Các mặt tích cực và hạn chế của thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở***

Thiên nhiên thân thiện và khắc nghiệt, thuận lợi và khó khăn luôn là đối tượng mà con người ứng phó trong công cuộc mưu sinh. Với kiến trúc nhà ở truyền thống, thiên nhiên ban cho con người không ít thứ, đồng thời cũng lấy đi của họ khá nhiều.

Đất là phương tiện mưu sinh quan trọng nhất. Đất cung cấp vật liệu xây dựng như gạch ngói, cho chỗ làm nhà, làm vườn, làm đường đi. Người nông dân phải toan tính chi li chặt chẽ, phân bố hợp lý từng mét vuông đất, chỗ nào trồng cây gì để đáp ứng nhu cầu thiết thực tối thiểu. Việc quy hoạch nhà cửa và cây trồng trên đất vườn còn đóng vai trò điều tiết khí hậu: nơi nào trồng cây cao, cây thấp, cây thưa, cây bụi.

Đất phì nhiêu màu mỡ được tận dụng làm ruộng vườn, đất xấu, đất trũng thì đào ao, vượt nền làm nhà. Nhà ở thường chỉ được dành một phần khiêm tốn nào đó so với diện tích khuôn viên. Phần lớn diện tích được dành trồng nhiều cây bóng mát, điều hòa khí hậu, che nắng, chắn gió, trồng rau màu, cây ăn quả, cây gia vị, cây hoa cúng, cây thuốc... Về vấn đề này P.Gourou đã viết: “Nhà ở của người Bắc Kỳ không phải là những túp nhà dị dạng mà là những công trình tuân theo một kiểu cách và những quy tắc kiến trúc đã được thời gian thử thách, hài hòa với cảnh quan tự nhiên... Người nông dân đã biết sắp đặt những bờ đềm ao, trồng những cây chuối, cây ăn quả... một cách hợp lý...” [16, tr.523].



Nước là nguồn sống từ thiên nhiên: ăn uống, tắm giặt, tưới cây, làm mát mọi vật, nhưng nước cũng làm ngập trồng vườn, trồng đồng, gây dịch bệnh, tắc nghẽn giao thông. Vùng chiêm trũng, “sống ngâm da, chết ngâm xương” nước ngập úng lâu ngày cây chết, thối gốc hàng loạt. Người Việt dựa vào thế đất để có những giải pháp chống ngập úng cũng như tận dụng nguồn lợi từ mặt nước, dùng hệ thống máng thu nước mưa, chọn mạch nước tốt đào giếng dùng cho sinh hoạt và tưới tiêu.

Mưa tưới xanh đồng ruộng. Mưa làm sạch ngõ, sạch đường, nhưng mưa cũng gây lũ lụt, làm thối chân lúa, chân mạ. Nắng làm cho xanh lá, quả chín, nắng để phơi rơm rạ, thóc lúa, nắng vào nhà diệt vi khuẩn, làm khô sạch áo quần. Nhưng nắng cũng làm cho ruộng nứt nẻ, cây vườn khô héo, không khí nóng bức, ngột ngạt... Người dân bao đời chung sống thiên nhiên đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm, cách thức ứng xử để tận dụng lợi thế, chế ngự bất lợi của thiên nhiên ngay tại nơi ở của mình.

Do diện tích có hạn, lại phải ưu tiên cho sản xuất nên có nhiều ngôi nhà thiếu vắng cây xanh, trợ trụ phơi mình dưới mọi thời tiết. Nghiên cứu vấn đề này tác giả Nguyễn Tri Nguyên cho rằng: “Nhà ở Bắc Bộ thiên nhiên do diện tích chật hẹp nên hầu như rất hạn chế. Mọi ứng xử đều có tính mục đích qua các thành phần ao, sân gạch, phá vỡ cái hoang sơ, được xây lát sạch sẽ. Sân trở thành nơi thu lấy nước mưa và là nơi phơi phóng thóc lúa. Ngõ gạch, tường gạch, sân gạch, giếng gạch... cho thấy sự can thiệp của cư dân vào thiên nhiên rất mạnh” (Huế 8/2010).

Cây trồng trong vườn ngoài chức năng tạo bóng mát, điều hòa khí hậu, tăng tính thẩm mỹ cho ngôi nhà... còn được khai thác giá trị kinh tế. Mặc dù khuôn viên ở rất eo hẹp nhưng vườn tược vẫn được đặc biệt ưu tiên về diện tích và sự chăm sóc để tự cung tự cấp rau quả, thực phẩm, nếu có chút dư thừa thì mang bán. Nhìn chung, cách bố trí vườn ở những gia đình thuần nông phần lớn vẫn có tính chất manh mún, tùy tiện, kết hợp nhiều loại cây, đan xen nhiều tầng lớp, hình thành loại vườn tổng hợp, có qui mô nhỏ với nhiều loại cây của 4 mùa, vườn cây được trồng đan xen tối đa: cây thực phẩm: rau, củ, quả, hoa...; cây lấy gỗ làm nhà, làm đồ đạc, vật dụng như xoan, mít, tre; cây làm thuốc, gia vị, hương liệu; cây làm chất đốt...

*Chuối* là loại cây dễ trồng rất phổ biến trong vườn, có ích và được sử dụng toàn bộ nên có giá trị kinh tế rất cao. Chuối thường được trồng sau hoặc bên mặt nhà phía Bắc để ngăn gió lạnh, cản bức xạ mặt trời và giữ ẩm vào mùa hè. Lá chuối to che phủ rộng giữ ẩm cho đất, thân chuối làm rau nuôi lợn. *Cây tre* gắn bó mật thiết với mọi nhà. Tre mọc khắp nơi, tạo bóng mát, cung cấp nguồn vật liệu quan trọng để làm nhà và đồ đạc vật dụng, rào làng.

Các yếu tố thiên nhiên kể trên cho thấy vai trò và tác động rất lớn đến không gian nhà ở truyền thống, thể hiện rõ ứng xử của con người với thiên nhiên ở hai mặt: tận dụng tối đa nguồn lợi cũng như ứng phó với những bất lợi, tai ương từ thiên nhiên. Trong điều kiện sống thiếu thốn, hạn hẹp về nhiều mặt, cư dân Bắc Bộ và châu thổ sông Hồng đã chủ động, linh hoạt và sáng tạo nhiều cách thức xây dựng ngôi nhà thích nghi với điều kiện vùng đất phù sa, đầm lầy và vùng chiêm trũng, giảm thiểu những tác động của gió mùa Đông Bắc và nắng nóng oi bức, biết tận dụng ao hồ, thể hiện khả năng xử lý tổng hợp nhiều vấn đề cùng một lúc, nhằm tận dụng những nguồn lợi do thiên nhiên mang lại.

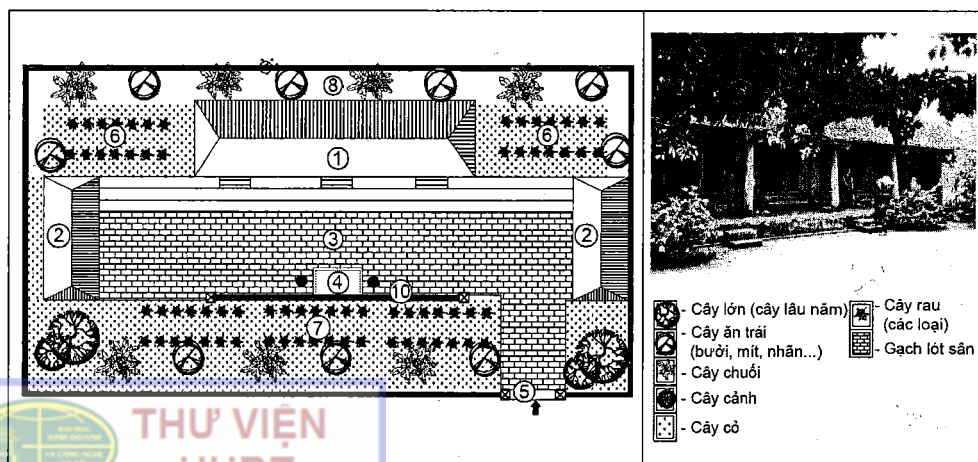
### 2.1.3. Các yếu tố tập tục gắn với thiên nhiên

Trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc, người dân đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa phương Bắc mà yếu tố phong thủy là một trong những ảnh hưởng đó. Một số thầy địa lý người Trung Hoa đã truyền cho người bản địa và lâu dân, người Việt đã sáng tạo ra một số cách thức riêng phù hợp với môi trường, điều kiện sống của mình.

Phong thủy có nghĩa là gió và nước - hai trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc làm nhà. Người ta chọn những nơi cao ráo, sẵn mạch nước ngầm để đào giếng, có đất xốp để trồng cây, gần sông nước để đi lại, vận chuyển, có hồ trước mặt để đón gió mát, núi sau lưng để ngăn gió lạnh. Trong mỗi khuôn viên thì hướng nhà là quan trọng. Trong nhà tìm hướng tốt đặt bàn thờ, bếp đun nấu, giường ngủ, kích thước cửa đi. Ngoài sân tìm nơi đặt bình phong, non bộ. Trong vườn thì chọn loại cây trồng cao thấp, tán to nhỏ, trồng hoa thơm nơi đầu gió... Nhiều nơi dựng các am thờ thổ thần, thổ địa ngay trong vườn nhà để

cầu mong bình yên cho phần đất mình sinh sống, dùng những kinh nghiệm được đúc kết từ lâu đời trong phong thủy để mong phần nào chế ngự thiên nhiên.

Cư dân phía Bắc quan tâm khá nhiều đến thờ cúng tổ tiên, thần thánh, thể hiện sự gắn bó dòng họ, kết nối xóm làng. Các làng có lệ rước thành hoàng, ông tổ nghề, các danh nhân, các đấng quân vương, tể tướng. Tục thờ các vị thần nông nghiệp, thần đất đai, thần giữ cửa nhà, cúng rằm... cầu mong mọi sự hanh thông tốt đẹp cho mùa màng và cuộc sống. Hàng năm trong mỗi gia đình, ngoài ngày giỗ tết ra còn khá nhiều những lần họp mặt, cưới hỏi, tang chế, lên lão, khao khoa bảng v.v... Ngày tết có tục trồng cây nêu cho thóc gạo đầy kho, ao chuôm đầy cá, phúc lộc vào nhà. Trong các kiến trúc nhà ở truyền thống, sân rộng, cổng lớn, vườn rợp bóng cây, trồng nhiều hoa trái để phục vụ cho các sự kiện, tập tục này.



Mặt bằng bố trí các mảng xanh, vườn cây  
nhà bà Dương Thị Lan, Mông Phụ, Đường Lâm

Quá trình xây dựng nhà ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ xưa được xem là điển hình về loại hình nhà ở truyền thống của người Việt, là sự tích lũy kinh nghiệm sống và ứng xử với môi trường tự nhiên từ nhiều đời truyền lại cho các thế hệ sau và có ảnh hưởng đến cách ứng xử, tổ chức và tạo dựng không gian cư trú ở Trung và Nam Bộ sau này.

## 2.2. ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI TRUNG BỘ

Năm 2010 và 2011, đã khảo sát điền dã trên 15 nhà tại các làng cổ Phước Tích, Kim Long, Nguyệt Biều và Thành Nội - Huế, thu thập tài liệu, hồ sơ về các nhà cổ truyền thống tại Phân viện Nghiên cứu Nghệ thuật Việt Nam tại Huế và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế. Những địa danh được lựa chọn kiến trúc nhà ở biểu hiện khá rõ ứng xử với thiên nhiên vùng duyên hải miền Trung.

### 2.2.1. Đặc điểm thiên nhiên - xã hội

Trung Bộ là phần hẹp nhất của lãnh thổ nước ta theo chiều Tây - Đông, kéo dài từ 16° đến 18° vĩ Bắc, nơi hẹp nhất khoảng 50km. Địa hình phức tạp, độ cao biến đổi mạnh từ Tây sang Đông, địa mạo thu hẹp dần từ Bắc vào Nam. Đất đai cằn cỗi, phù sa nhỏ, ít thuận lợi cho trồng trọt. Tổng diện tích toàn vùng khoảng 15.000km<sup>2</sup> nằm ở cao độ 25m. Nằm giữa vùng núi cao và bờ biển chạy dọc miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, vùng đất này có nhiều người Việt sinh sống. Đặc điểm địa hình sinh thái Trung Bộ là tổng hòa của nhiều loại địa hình: vùng đồi, núi, vùng cồn bãi, bãi phù sa, sông suối, vùng đầm phá. Núi nhiều lớp, gò đồi, cồn, bãi, suối, khe, đầm, ao, hồ, tràm, lạch... được sắp xếp thành những vùng địa hình cư trú, giới hạn bởi hàng trăm con sông đổ theo hướng Tây - Đông. Xuống đến vùng đồng bằng duyên hải, đất tương đối bằng phẳng nhưng khô cằn, nằm giữa núi cao và bờ biển, nhiều nơi toàn cát trắng. Con người nơi đây phải tìm cách hóa giải để biến khó khăn thành thuận lợi, tìm kiếm hình thức cư trú phù hợp với môi trường khắc nghiệt.

*Khí hậu* Trung Bộ mang tính chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam, thường xuyên có thiên tai bão lũ từ tháng 9 đến tháng 11; hạn hán từ tháng 5 đến tháng 7. Có mùa đông khá lạnh và ẩm ướt, mùa hè nóng, khô, mùa mưa lệch so với mùa mưa phía Bắc. Mưa nhiều vào mùa đông. Có lượng mưa lớn nhất trung bình 2.500 - 3.000mm /năm, độ ẩm trung bình cao nhất nước. chịu ảnh hưởng mạnh của gió bão nên thường xuyên xảy ra thiên tai “Nhìn chung, khí hậu miền này có tính chất khắc nghiệt nhất lãnh thổ Việt Nam” [56, tr.39].

Hiện tượng khí hậu đặc trưng là “phơn Trường Sơn” (phơn - gió Lào) thường xuất hiện vào tháng 5 đến tháng 7 từ hướng Tây Nam. Gió khô và nóng, thổi từng cơn kéo dài 2, 3 ngày đến nửa tháng, làm nền nhiệt độ tăng lên 37° - 39°C, trực tiếp ảnh hưởng đến Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Dưới chế độ phong kiến, do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, kinh tế rất khó khăn nên kiến trúc nhà ở dân gian nơi đây cũng bị ảnh hưởng. Người dân quan niệm ngôi nhà không chỉ là nơi chốn ăn ở mà còn là sự kế thừa truyền thống dòng tộc gia đình. Tất cả tình cảm, tâm huyết của nhiều thế hệ đã cùng nhau tạo nên những giá trị về công năng, thẩm mỹ và sự thích nghi với thiên nhiên được thể hiện trên những mặt bằng được bố trí quy củ, mạch lạc, tuân theo một số qui tắc của nhà nước phong kiến, tục lệ của làng xã và yếu tố luật phong thủy sâu đậm hơn các vùng miền khác.

Thuận Hóa vốn là vùng đất hoang vu, nhìn lên thấy rừng, nhìn xuống thấy cát. Thú rừng, giặc giã luôn rình rập. Từ khi nhà Nguyễn định đô vào đầu thế kỷ thứ XIX, đây là nơi hội tụ của nhân lực bốn phương với rất nhiều tục lệ được kiểm soát chặt chẽ. Sự cầu kỳ, mực thước trong nếp sống không chỉ đóng khung trong giới hoàng thân quốc thích, mà còn lan rộng ra các nếp nhà dân gian. Ban đầu, nhà xứ Huế cần vườn rộng như một cách tự vệ vì vườn càng rộng, khoảng cách với rừng núi và sự đột nhập của thú rừng càng xa, con người càng cảm thấy được an toàn. Lâu dần, cảnh quan quanh nhà đã gợi ra ý muốn sử dụng vườn nhà như một thú chơi tao nhã, thường ngoạn cảnh đẹp.

So với vùng châu thổ sông Hồng là nơi định cư lâu đời của người Việt, sinh hoạt của người miền Trung, nhất là từ Huế trở vào, cũng có sự khác nhau rõ rệt. Điều đó thể hiện trong cách tư duy, cảm nhận, chiêm nghiệm cuộc sống của người miền Trung, đặc biệt là người Huế trong ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống. Như vậy, chính thiên nhiên và tổ chức xã hội nơi đây là tiền đề cho sự ra đời và hưng thịnh của những ngôi nhà vườn Huế đặc sắc.

Theo dòng lịch sử, cộng đồng người Việt đã chuyển dịch từ Bắc vào, sống định cư, hòa nhập với các dân tộc thiểu số, tạo thành vùng văn hóa đa sắc tộc, lâu ngày đã có sự gắn kết về tinh thần rất mật thiết. Sự hòa

nhập, đan xen giữa các cư dân Việt, Chăm, dân tộc thiểu số, là nguyên do khiến nhiều vùng ở miền Trung bảo lưu được nhiều yếu tố, tập quán, tín ngưỡng của nhiều dân tộc. Có lẽ phong cách văn hóa đã được hình thành từ sự pha trộn, dung nạp lẫn nhau giữa các nền văn hóa đó.

Trung Bộ cũng là vùng đất giàu truyền thống văn hóa. Bên cạnh những nét bình dân, mộc mạc, pha chút kiêu cách của người Huế, còn có nhóm cư dân với bản tính chất chiu, cần kiệm của người xứ Nghệ, tính khí khái, hào hiệp, can trường của người xứ Quảng, cùng với tính chịu thương chịu khó của những lớp người di cư từ Đàng Ngoài vào đã tạo nên tính cách đa sắc thái của cư dân miền Trung. Những đặc tính này ít nhiều ảnh hưởng đến việc tạo lập kiến trúc nhà ở, chi phối cách lựa chọn ứng xử với thiên nhiên trong không gian cư trú. Sự gắn bó mật thiết với thiên nhiên mang biểu tượng, triết lý, tâm linh, văn hóa phong phú, sự tinh tế và tính nghệ thuật, thẩm mỹ - là những tố chất góp phần tạo nên nét văn hóa mang đậm dấu ấn của người dân Huế, người dân Trung bộ.

## **2.2.2. Đặc điểm về tổ chức và ứng xử với thiên nhiên kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Trung Bộ**

### **2.2.2.1. Khuôn viên ở**

Trên dải đất miền Trung, nhất là từ Thừa Thiên - Huế trở vào, đất ở có phần rộng rãi hơn so với đồng bằng Sông Hồng. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân thì “Lúc ban đầu nhà cửa... dựng ở gần sông. Trước hoặc sau các nhà đều có bến sông. Môi trường sống không chỉ có cảnh quan nhà vườn mà còn có cả sông nước. Thiên nhiên hiện hữu trong đời sống rất đậm” [65, tr.68].

*Nhà vườn Huế* là sự kết hợp hài hòa giữa nhà và vườn, được hình thành do nhu cầu làm đẹp nơi cư ngụ, tạo sự tĩnh lặng, tách biệt với môi trường bên ngoài. Bố cục nhà vườn được tổ chức chặt chẽ, vận dụng phong thủy, thường đối xứng theo trục công - nhà chính để nhấn mạnh sự trang trọng, vẻ tĩnh lặng của ngôi nhà. Trên trục này từ trước ra sau thường có cổng - lối vào - bình phong - bể cạn - sân - nhà chính - vườn rau - ao cá - hàng rào. Bức bình phong (hay còn gọi là trần phong) đặt trước nhà hay trước lối vào có tác dụng chặn tà ma, có giả sơn phụ họa.

Khuôn viên nhà vườn được rào bằng hàng cây, phía trước là hàng dâm bụt, chè tàu. Cổng ngõ, bình phong với cây bụi, thảo mộc được xén tỉa cầu kỳ, lối vào trước nhà thường có hàng cau (Nhà ông Hồ Văn Tề ở làng Phước Tích).

Hướng dựng nhà: vùng đồng bằng nằm giữa hai miền, lưng tựa vào rừng núi mặt hướng ra biển, môi trường sinh thái là rừng, biển và những cồn cát trắng. Trung Bộ có tính chất khí hậu cả hai miền và chịu ảnh hưởng của gió nóng, mưa bão thường xuyên nên chọn hướng nhà để tránh những bất lợi, khắc nghiệt của điều kiện thiên nhiên là hết sức cần thiết, bên cạnh đó qua phong thủy chọn hướng, xem đất là vấn đề khá hệ trọng trước khi làm nhà của cư dân Trung Bộ. Dựa theo số liệu hồ sơ nghiên cứu giai đoạn năm 2002 của Cục Di sản [12], thống kê 25 nhà ở truyền thống Trung Bộ tại các xã thuộc Thừa Thiên Huế và các vùng lân cận thì có 15/25 nhà thuộc hướng Nam (3 chính Nam, 8 Đông Nam, 4 Tây Nam) 8 nhà thuộc hướng Bắc, 3 nhà thuộc hướng Tây.

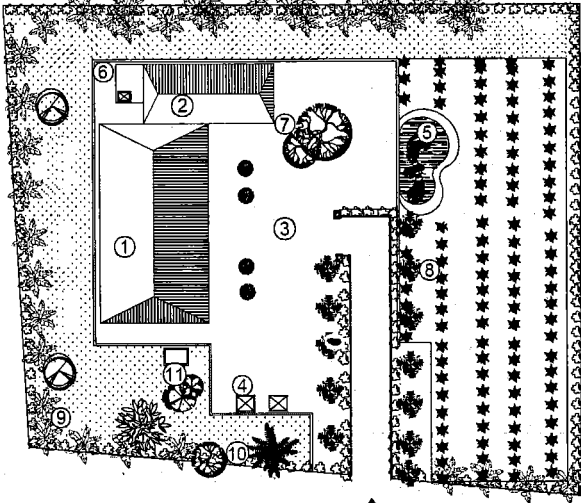
Như vậy, chọn nhà quay về hướng Nam vẫn chiếm số đông hơn cả. Trường hợp như làng Phước Tích, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế là một ví dụ. Một người cao tuổi trong làng Ông Hồ Văn Tề, chủ ngôi nhà cổ đã hơn 130 năm tuổi nói rằng: “Cả làng Phước Tích này nhà đều quay mặt về hướng Nam”.

Đặc trưng trong bố cục mặt bằng nhà ở dân gian Trung Bộ và vùng duyên hải phụ cận thường là *nhà kiểu chữ Đinh* (“đòn đôn” của nhà trên và nhà dưới nằm vuông góc với nhau). Nhiều nếp nhà mái liền kề, mặt hướng về sân phơi phía trước, rồi khoảng sân lát gạch hay chỉ là nền đất nện để phơi sấy, đan lát, làm nghề phụ và tổ chức các sự kiện trong gia tộc như lễ tết, tang tế, cưới hỏi... Chuồng trại gia súc được bố trí ở một đầu của *nhà ngang*, với vài ụ rơm dự trữ thức ăn cho trâu bò vào mùa rét vừa làm chất đốt thay củi, dự phòng cho những khi có biến động của thời tiết.

Tùy vào hoàn cảnh kinh tế, địa vị xã hội và sở thích của chủ nhân mà có hình thức ngăn cách giữa khuôn viên bên trong với bên ngoài qua các hệ thống tường, hàng rào, cổng ngõ với quy mô khác nhau. Khuôn viên của các gia đình trung nông hay khá giả có nhà ngang, nhà dọc vây quanh một sân gạch ở giữa, xung quanh là vườn cây. Cổng ngõ xây bằng trụ biểu, thường có mái lợp.

Nhà ông Hồ Văn Tê, làng Phước Tích, xã Phong Hòa, Phong Điền, Huế. Nhà xây dựng khoảng 130 năm, 3 gian 2 chái trên diện tích 2 sào, hướng Đông Nam

Khảo sát 6/2010



NHÀ ÔNG: HỒ VĂN TÊ

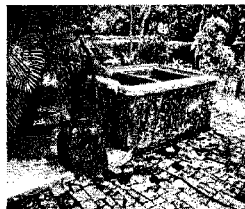


- 1- nhà chính;
- 2- nhà phụ + bếp;
- 3- sân đất nện;
- 4- miếu thờ ngoài trời;
- 5- bể cảnh, non bộ;
- 6- bể nước;
- 7- cây Giáng châu;
- 8- vườn rau, cây ngăn ngày;
- 9- vườn cây tạp, lâu năm;
- 10- rào chèo tàu bao quanh;
- 11- bể chứa nước.

*Hình 2.15. Bố trí mặt bằng nhà ông Hồ Văn Tê trên diện tích 2 sào, nhà hướng Đông Nam*



*Hình 2.16. Cổng ngõ và sân trước bằng đất nện*



*Hình 2.17. Cây xanh, bể chứa nước bên hông nhà*



Ngoài nhà chính, trong khuôn viên của mỗi gia đình còn có chuồng trại chăn nuôi, vườn cây... Các thành phần này được bố trí hợp lý để có thể tận dụng triệt để các nguồn lợi sẵn có từ thiên nhiên (trong đó một số nhà có ao), chủ yếu là vườn - đối tượng khai thác quan trọng nhất, cũng là đầu mối liên kết với các yếu tố thiên nhiên còn lại. Cây xanh gắn bó mật thiết ngôi nhà với môi trường thiên nhiên để giảm thiểu những khắc nghiệt của khí hậu nóng khô của vùng đồng bằng gần biển.

Nhà ông Hoàng Đình Phương, Thôn Long Hồ Hạ, phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, Huế. Nhà thường dân làm bằng gỗ mít, vật liệu được tích cóp hơn trăm năm đến 1960 xây cất

Khảo sát 6/2010



*Hình 2.18a. Mặt trước nhà và hiên với cây cảnh và vườn tạp phía hai bên hông nhà*



*Hình 2.18b. Sân vườn tiểu cảnh ngõ dẫn vào với bình phong từ cây xanh, nhìn từ trong nhà*

Người dân Huế ở mọi tầng lớp xã hội đều nhận thức sâu sắc về vai trò khuôn viên ở của mình. Họ quan niệm vườn là yếu tố trung hòa giữa âm và dương, giữa đất và trời, giữa tạo hóa và con người. Vườn hợp thể với kiến trúc che bớt những đường nét khô cứng của công trình, tạo sự hòa hợp với cảnh quan, thể hiện nếp sống theo quan niệm của người Huế.

Tạo lập một khu vườn chính là xây dựng một công trình có hoạch định nghiêm túc qua đó thể hiện nếp sống phong lưu pha chút kiêu cách. “Những gì mà vườn cây mang lại có thể để giải quyết khó khăn trên thực tế bữa ăn hàng ngày của người ở đây, nhưng đó vẫn là cái thú như cổ tình, nhằm thưởng thức đặc sản của nhà, lấy cái thanh tao và tiểu vẻ làm trọng” [46, tr. 89]. Một khu vườn không chỉ hiệu quả kinh tế mà còn cho thấy nếp nhà có thanh thế từ nhiều đời.

#### 2.2.2.2. Kiến trúc ngôi nhà

Nhà vườn và ngôi nhà rường là hai đặc trưng đáng tự hào của người miền Trung. Kiến trúc *nhà rường* truyền thống có ở nhiều nơi, song tiêu biểu nhất vẫn là nhà rường Hội An và xứ Huế. Đây là dạng kiến trúc nhà ở có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt và đáp ứng được thói quen, tập tục ăn ở, sinh sống của cư dân địa phương.

Gian nhà chính tọa lạc ở khá sâu so với cổng vào. Vùng Kim Long, Nguyệt Biều gần Đại Nội, nhà thường có mặt bằng hình chữ Nhất, chữ Đinh, đôi khi chữ Khẩu với 1 gian 2 chái hoặc 3 gian 2 chái, mặt bằng gần như vuông. Có hai lý do để nhiều nhà có mặt bằng hình vuông. Một là do có nhiều gió to, bão lớn nên ngôi nhà hình vuông dễ vững chãi hơn, chống bão tốt hơn. Hai là do quy định của nhà nước. Năm 1882, vua ra đạo dụ cấm dân xây nhà vượt quá 3 gian 2 chái, dài không quá 8m. Do bị hạn chế về chiều dài nên lòng nhà phải mở sâu mới đủ diện tích sử dụng. Ở những nơi xa hơn như Phước Tích (cách Huế 40km), nhà có thể dài 15m.

Kết cấu ngôi nhà miền Trung tuy là dạng khung cột nhưng trong khi thi công được chau chuốt trở thành một sản phẩm nghệ thuật có giá trị về văn hóa và nghệ thuật. Một ngôi nhà 3 gian 2 chái thường có tới dăm chục cây cột với hàng trăm kèo, xà, đòn tay... Từ số lượng cột để tính ra xà thượng, xà ngói, quá giang, xà nách. Các hiệp thợ căn cứ theo những công thức được truyền miệng mà gia công riêng lẻ số lượng cấu kiện lớn, nhưng khi ghép lại thì chúng khít chặt với nhau, không thừa không thiếu.

Cột nhà được kê trên những phiến đá tảng, có nơi đá được đục chạm hoa văn. Hầu như tất cả các xà, quá giang đều được chạm trổ rất công

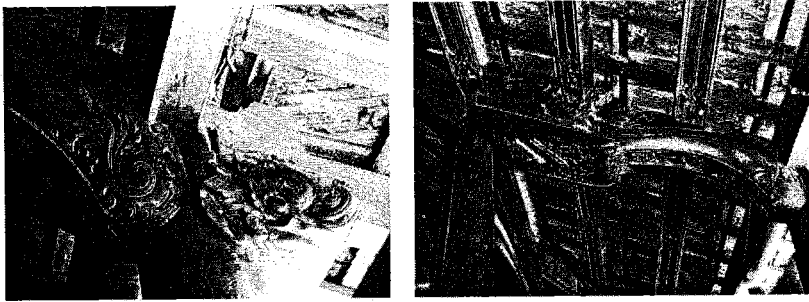
phu với các họa tiết hình mây cuộn, hoa lá với các đường soi, đường diềm trang trí rất mềm mại, tinh xảo. (Nhà bà Lê Thị Tuyên, làng Phú Mộng, Kim Long).

Đề dựng một ngôi nhà, trước hết phải xác định được điểm trung tâm (gọi là Giáp Chuông). Đó là điểm giao nhau giữa hai trục trung tâm của nhà: trục Bắc - Nam và trục Đông - Tây. Từ đây mà tính ra các phía Nam (trước), Bắc (sau), tả (trái - Đông), hữu (phải - Tây). Các cấu kiện thuộc bộ giàn trò bao gồm cột, kèo, xuyên, trên, xò đều được định vị theo nguyên tắc này. Một bộ khung nhà như vậy, một tốp 4 thợ mộc và 4 thợ chạm có khi phải làm tới 1,2 năm mới xong. Điều này cho thấy nếp nhà không chỉ là nơi ăn chốn ở, mà còn thực sự là một không gian văn hóa, một sản phẩm nghệ thuật.

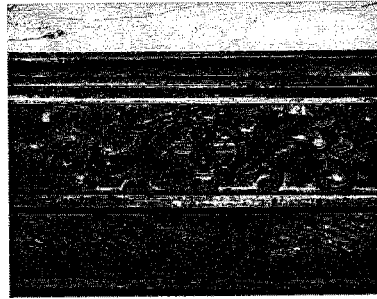
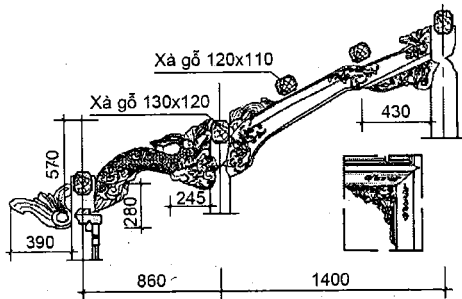
*Không gian chức năng* trong nhà được chia ra 4 phần chính: gian giữa để tiếp khách và thờ Thần, Phật, tổ tiên; gian phía Đông dành cho chủ nhà là nam giới; gian phía Tây - cho mẹ hoặc vợ chủ nhà. Phía sau, từ Đông sang Tây là Hậu hiên - nơi ngủ của con hoặc nhà kho. Trong ngôi nhà rường còn có một không gian thứ 5 đặc biệt quan trọng, đó là *Cái tra*, hay còn gọi là rằm thượng. Tra là một kiểu kho đóng kín bằng ván được đặt ngay trên trần của gian giữa hoặc chạy suốt các gian, của cạp, lương thực đều chứa ở đây. Ở những vùng trũng, tra còn là nơi nướng náu của gia đình trong những ngày lũ lụt. Một số nhà ở Kim Long, thành phố Huế.

(Nhà ông Lê Hồi đường Nguyễn Hoàng, ông Lê Quang Dinh, đường Hương Bình), ở Phước Tích, ngoài ba gian nhà chính còn có thêm một hàng hiên phía trước dài suốt các gian, rộng tới 1/3 lòng nhà, tạo nên một không gian chuyên tiếp đa chức năng rất cơ động, dễ thích ứng với mọi loại thời tiết.

*Bộ mái* có vị trí quan trọng trên mặt chính và tổng thể kiến trúc. Mái nhà là một bộ khung (gọi là giàn trò) có kết cấu chắc chắn, thấp nặng nhiều lớp, dày dặn, phần diềm mái chia ra khá xa. Mái thường chiếm quá nửa chiều cao nhà, che bớt một phần cột, tạo sự vững chãi, bám chắc vào mặt đất - là đặc trưng khá phổ biến, dấu ấn kiến trúc rõ nét của một vùng nóng ẩm, thường xuyên có gió bão.

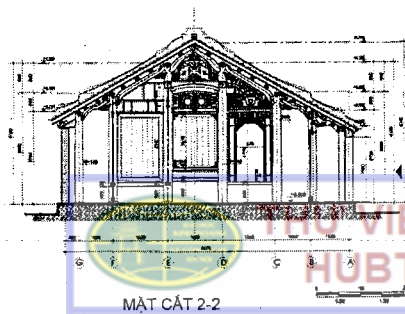
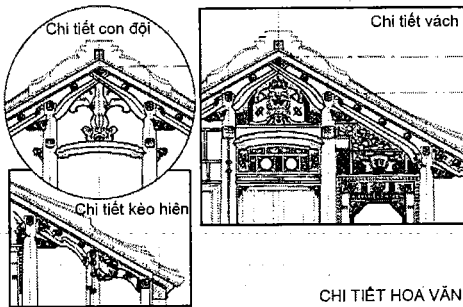


**Hình 2.19.** Chi tiết hoa văn trang trí vì kèo, xà mái nhà ông Phương  
thôn Long Hồ Hạ, Hương Trà, Huế



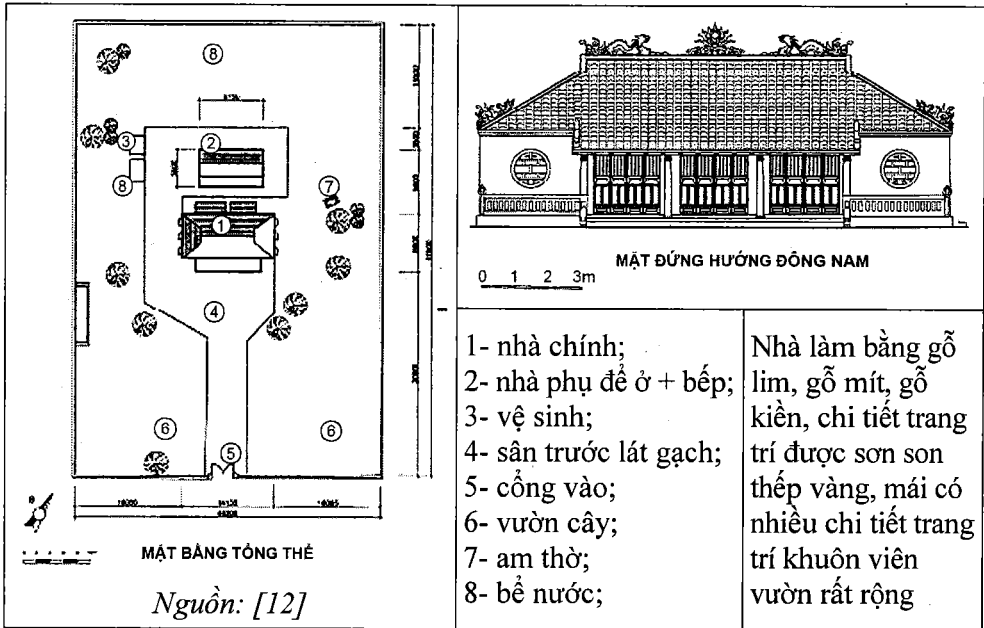
**Hình 2.20.** Trang trí liên ba, đầu mái

Nguồn [73], [12]

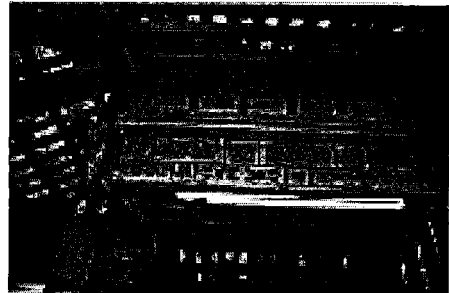


**Hình 2.21.** Chi tiết trang trí trên vì kèo nhà ông Võ Đệ,  
xã Tam Dân, Đản Trung, Quảng Nam

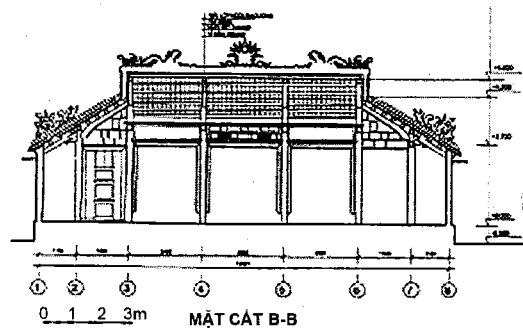
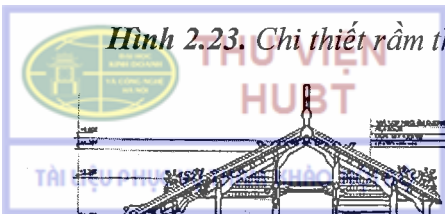




Hình 2.22. Bố trí mặt bằng và mặt đứng nhà ông Vũ Hữu Minh, số 3 Lê Trực, Thuận Thành, Huế



Hình 2.23. Chi tiết rầm thượng trong cấu tạo vì kèo mái nhà ruộng



Hình 2.24. Các mặt cắt dọc và ngang thể hiện chi tiết rầm thượng

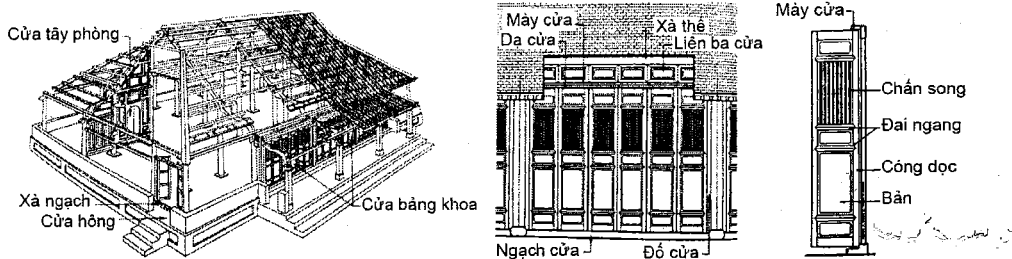
Mái có độ dốc lớn vươn khỏi chân tường từ 0,6 - 0,8m, thoát nước nhanh, chống chọi với những đợt mưa bão kéo dài. Chiều cao giọt mái so với thềm hiên thường từ 1,8m - 2m. Mái vươn rộng bảo vệ tường, chân cột, thềm hiên khỏi mưa nắng, tránh ẩm ướt, rêu mốc, tăng tuổi thọ cho công trình. Các nhà ở Phước Tích, Kim Long đã khảo sát đều như vậy; mái được lợp bằng ngói liệt hoặc ngói móc gồm hai lớp, lớp trên có hai móc nhỏ gắn với đầu mép dưới để móc vào nền mái cho chắc. Giữa hai lớp ngói có lớp đệm trung gian bằng vôi hồ tạo độ kết dính, đồng thời chống nóng tốt cho ngôi nhà. Mái lợp kiểu này thích ứng với thời tiết khắc nghiệt, chống gió bão mưa dầm và áp thấp nhiệt đới.

*Nền nhà* thường được xử lý khá kỹ bằng đất trộn vôi và tro đầm chặt thành nhiều lớp để chống ẩm mốc. Vía hè được bó bằng đá ong, đá núi hoặc gạch, nhà giàu bó via bằng đá cẩm thạch, lát nền gạch Bát Tràng hay gạch hoa tráng men.

*Hệ thống cửa* đi, cửa sổ các loại có kích thước và cách bố trí khác nhau. Người làm nhà rất coi trọng kích thước (thông thủy) của chiều cao và chiều rộng cửa. Càng về sau, người ta càng chuộng dùng thước Lỗ Ban đã được vua Gia Long sửa đổi để ấn định kích thước của cửa khi làm nhà.

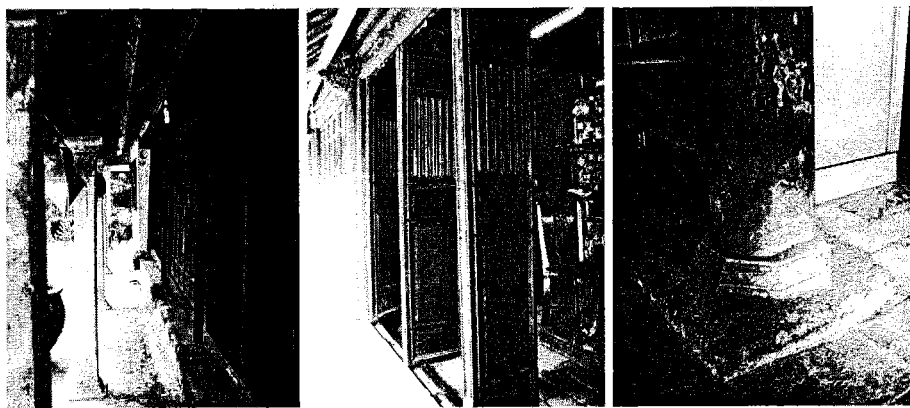
Nằm giữa hai miền Nam Bắc, bên này cửa dãy Hải Vân, thời tiết Huế có cả mùa nóng và lạnh. Do vậy, cần thông thoáng để chống nóng về mùa hè và kín để chống gió lạnh về mùa đông. Hàng năm, khi nước dâng cao trong mùa bão lũ, nhà và ruộng vườn đều được phòng bị để “sống chung với lũ” như kết cấu khung sườn nhà chắc chắn, không gian trong nhà nhiều cửa, ô thoáng mở ra các phía để gió thoát nhanh và tạo sự thông thoáng, chống ẩm mốc. Cửa tránh mở hướng Bắc. Không bố trí cửa thẳng nhau để tránh gió lùa về mùa đông. Phía trước cửa sổ thường có cây xanh để tránh nắng, làm mát không khí, giới hạn tầm nhìn từ bên ngoài. (Xem minh họa dưới)

Vật liệu làm nhà có nguồn gốc tự nhiên sẵn có ở địa phương. Mít là loại gỗ làm khung nhà được ưa chuộng nhất, rồi đến các loại gỗ kiền, gỗ và mít rừng Quảng Trị. Những vật liệu tự nhiên có độ bền cao, dễ thay thế, thích ứng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt như đất, đá, gôm, mây tre... qua sáng tạo của con người đã trở thành những tường vách với nhiều lỗ rỗng, khe hở có tác dụng thông gió, chống nắng, chống ẩm.



*Hình 2.25. Một số thức cửa và chi tiết cửa đi kiến trúc nhà rường*

*Nguồn: [64, Tr. 72,73]*



*Hình 2.26. Hiên và hệ thống cửa đi mở rộng hết mặt trước, cánh cửa thượng song hạ bản*



*Hình 2.27. Khoảng hở giữa sàn và ngạch cửa mặt trước và vách ngăn hai bên trái nhà (nhà ông Hồ Văn Tê, Phước Tích - Huế)*

Màu sắc tự thân của bề mặt vật liệu với gam nóng ấm của nâu tím, tía vàng, có độ sáng phản xạ ánh nắng và ít hút nhiệt. Sống trong nhà tuy kín (để tránh nắng và giông bão) nhưng không ngột ngạt, thấp mà không ẩm,

ngôi nhà giao hòa với thiên nhiên cây xanh một cách sinh động, khiêm nhường ẩn mình trong nền cảnh của thiên nhiên.

### **2.2.2.3. Các mặt tích cực và hạn chế của thiên nhiên đối với kiến trúc nhà ở**

Trong khuôn viên nhà ở, việc sử dụng cây xanh rất quan trọng để điều tiết luồng khí, ứng phó với các tác hại từ bên ngoài, nâng cao tính thẩm mỹ, thúc đẩy sinh khí hưng vượng nơi cư ngụ, giảm sự khắc nghiệt của môi trường. Khu vườn được tạo trong khoảng không gian khá khiêm tốn, ít phô bày. Mỗi bụi cây, khóm hoa, cây trồng, đều được cân nhắc tỉ mỉ, hợp lý về phương vị, màu sắc, ẩn đi sự can thiệp của con người, hình thành nên các cảnh quan thiên nhiên thu nhỏ, nuôi dưỡng lại những loại cây có sẵn. Nhà nghiên cứu văn hóa Phan Thuận An cho rằng “Người Huế thực thụ trong tâm thức vẫn tâm niệm và tạo dựng ngôi nhà sống hài hòa với thiên nhiên do nhu cầu và vì cách sống, cách suy nghĩ và cuộc sống của mình chứ không vì muốn khoe khoang, hay làm đẹp vì yếu tố trưng bày nào khác”. Đây đó trong vườn thường trồng các loại cây lấy gỗ (xoan, mít), cây ăn quả (xoài, ổi, cam, chanh) cùng với hàng tre phía sau vừa có tác dụng chắn gió bão, tạo bóng mát, vừa là vật liệu làm nhà và phục vụ sinh hoạt.

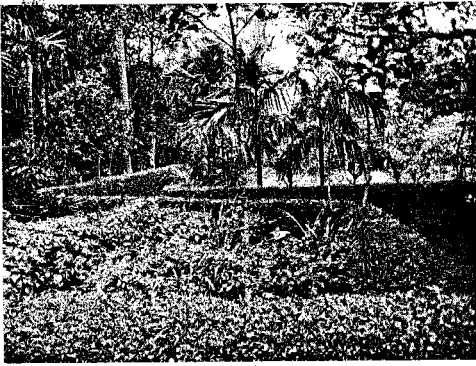
Trong chuyến khảo sát ở làng Phước Tích, chủ ngôi nhà truyền thống 3 gian, 2 chái được xây dựng 130 năm [73] - một trong những địa chỉ quen thuộc hàng ngày tiếp nhận khách tham quan - ông Hồ Văn Tê Tê (người làng Phước Tích, Phong Điền) cho biết vai trò của vườn cây trong ngôi nhà: “*Người Trung ưa thiên nhiên, gắn với cái vườn gắn với đời sống của con người. Ăn uống, cây thuốc ốm đau, các loại cây đều có ý nghĩa và chức năng sử dụng, cây nghi lễ, cây gia vị... Vườn không chỉ là vườn thơ mộng, vườn Huế có nhiều loại cây và không đặt nặng mục đích kinh tế. Bộ tứ bản” xim, me, tràm, ổi” bộ tứ quý thích hợp phần đất trảng. Mít là loại cây cứu đói. Người Huế có sự gắn bó với vườn, cúng vườn vào tháng 3,8, gắn bó tâm linh. Để tang cho cây, (ở Bắc thì quét vạch vôi) nhất là những cây liên quan hoặc được người đó trồng, cây chết cũng là điềm báo có sự, con người liên quan đến cả tâm linh, gắn với bản mệnh con người, thành tín ngưỡng, tâm linh.*



Các loại rau, hoa, cây ăn trái, cây thuốc... được bố trí có chủ định, đan xen vào nhau... Rau và hoa được trồng trong những khoảnh riêng, và ngay trong các luống hoa cũng phân ra loại nào dùng để ngắm, loại nào dùng ướp trà. Cây tạo nguồn thực phẩm: có rau, củ, quả; hoa, trái dành cho thờ cúng, thưởng ngoạn hoặc ướp trà; cây làm thuốc, gia vị, hương liệu; cây lấy gỗ như xoan, mít, tre là vật liệu làm nhà, đóng đồ đạc, đặc biệt mít là loại cây lưu niên thân gỗ tán rộng nhiều bóng mát, có mặt hầu như trong mọi nhà vườn ở Trung Bộ. Cây dễ trồng, chịu được khô hạn và ít cần sự chăm bón. Gỗ mít mềm và chắc thớ, màu vàng nhạt, được chọn để tạc tượng Phật. Vì gỗ mít đặng, chống được mối mọt nên hay được dùng làm cột chính và khung nhà rường.

Nguồn hoa lợi thu hoạch từ cây trái trước tiên để thờ cúng tổ tiên và dùng trong gia đình. Việc mang bán không quan trọng, mà nếu có thì cũng vừa bán vừa cho. Đây là nét ứng xử nặng về tình, một nét rất khác biệt của cư dân Trung Bộ. Với sự hiện diện phong phú về chủng loại, hệ cây trồng đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của cuộc sống ngoài kinh tế như lễ nghi, phong tục, nhu cầu thẩm mỹ... cho thấy chất phi chuyên canh trong vườn và "... ần tàng một kho tích trữ, bảo đảm sinh hoạt cho một cộng đồng nhỏ (đại gia đình) về cả vật chất lẫn tinh thần, nếu như vì một lý do nào đó, họ không muốn hoặc không giao tiếp được với bên ngoài khuôn viên nhà vườn" [46, tr.86].

Thiên nhiên mang lại giá trị quan trọng về thẩm mỹ cho không gian cư trú và con người với nhiều loại cây hoa cây cảnh màu sắc phong phú, cây tạo thế với núi non bộ, bề cảnh cá vàng, chuồng chim cảnh, khuôn viên nhà vườn Huế là một không gian sinh động, vừa có lợi ích kinh tế, vừa có hiệu quả nghệ thuật. Đây là nơi con người tu dưỡng tinh thần và chiêm nghiệm cuộc sống, thể hiện tính cách, trình độ thẩm mỹ và tình yêu của mình với thiên nhiên. Bên cạnh khả năng ứng phó với những bất lợi từ thiên nhiên, với cách sống có phần nội tâm và ưa chuộng cái đẹp, người miền Trung đặc biệt chú trọng chuyển tải vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên vào kiến trúc và không gian nội thất. Tác giả Ngô Đức Thịnh nhận xét "... ta thấy trong văn hóa và con người cái chân chất lắm lúc có phần thô phác nhưng cũng thật tinh tế, nhuần nhụy và cả cầu kỳ. Người Huế có ý thức và có khả năng làm đẹp mọi thứ của đời sống thường ngày, nâng cái bình thường, bình dị thành nghệ thuật". [45, tr. 33]



a) Hàng rào bằng cây chề tàu, xã Phước Tích, Phong Hòa, Phong Điền, Huế



b) Hàng rào tre mặt sau phủ thờ Công Chúa Ngọc Sơn, Hiệp Thành, Huế



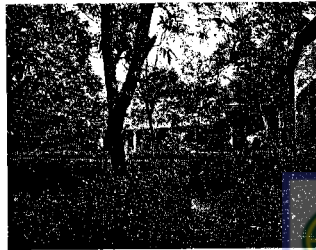
c) Cây bản vườn sau nhà ở



d) Vườn cây tạp phía trước và xung quanh nhà



e) Chuối, sung, mít trồng kế cận hàng rào chề tàu



f) Bình phong, bể cạn, công ngõ nhà ở làng Nguyệt Biều, Kim Long - Huế



Hình 2.28

Do khí hậu Huế nắng nóng, mưa nhiều, cây thâm canh khó tồn tại nên người ta phải trồng nhiều loại cây khác nhau phù hợp với thời tiết khắc nghiệt. Kiểu vườn rừng sơ dĩ còn tồn tại trong các khu vườn Huế là nhờ có sự chú trọng đến các đặc điểm sinh học của mỗi chủng loại. Khi tạo vườn, người ta vẫn duy trì những cây sẵn có, chỉ trồng thêm nên cây cối mọc chen nhau một cách hài hòa để chúng cùng phát triển. Để giữ tính đa chủng, đa tầng, người ta đã phân tầng chúng từ cao đến thấp theo kiểu “*cây không chạm lá - cá không chạm vây*”. Theo tác giả Nguyễn Hữu Thông thì “Với đặc điểm khí hậu xứ Huế, nắng nức nẻ, nhưng mưa thối đất, không có một loại cây chuyên canh nào có thể tồn tại trong điều kiện khí hậu ấy mà phải nhiều loại sinh trưởng cạnh nhau, bổ sung, che mát cho nhau, tựa vào nhau để giữ độ ẩm cho đất trong mùa nắng và hút nước để khỏi ngập úng trong mùa mưa. Có thể nói rằng vườn Huế điển hình của một loại không gian quy phạm trong hoang dã” [46, tr.85].

Thực tế một số nhà vườn trên 130 năm tuổi ở các làng Kim Long, Nguyệt Biểu và làng Phước Tích huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế cho thấy có thể phân thành các lớp cây xanh theo chức năng tính từ ngoài cổng vào đến trong nhà như sau: lớp ngoài cùng nằm ở vị trí tường rào quanh khuôn viên gồm các loại cây duối, cây chè tàu, cây trúc hoặc bụi tre (hàng rào phía sau nhà). Hàng rào bằng cây xanh được trồng và cắt tỉa ngang thẳng cao khoảng 1,2m, rộng 0,5 - 0,7m, hoặc kết hợp một phần tường đất, gạch xây và dàn dây leo bao quanh khuôn viên nhà.

Ở vùng đồng bằng duyên hải Trung Bộ, người dân phải vật vả ứng phó với hiện tượng cát bồi, cát lấp, thau chua rửa mặn từ vùng đất phèn ven biển. Đất thì nắng hóa đá, mưa hóa bùn. Nước thì không chỉ có nước mưa, mà còn thác lũ từ trên rừng, triều cường từ biển. Không chỉ có nước ngọt, mà còn có cả nước mặn, nước lợ. Không chỉ đón được gió mát từ biển, mà còn phải hứng chịu những đợt gió nóng từ hướng Tây. Dù có bị những tác động hà khắc của thiên nhiên như vậy thì người dân vẫn luôn phải cố gắng tránh né và cảm hóa nó một cách thân thiện.

Ứng xử của người dân Trung Bộ thể hiện tính sáng tạo, thích nghi, tự điều chỉnh của con người trong kiến trúc nhà ở truyền thống với môi trường tự nhiên thông qua việc tạo lập nhà vườn, làm tôn giá trị các công trình kiến trúc trong sự hài hòa với thiên nhiên. Có thể nói cách tổ chức

không gian cư trú và hình thức kiến trúc nhà Rội nhà Ruồng, nhà Vườn, những giải pháp về cấu tạo khung sườn là nét đặc trưng của nhà ở truyền thống người Việt ở miền Trung, thích ứng với địa hình đất dốc, xói mòn và khô cằn, vũng vàng trước mưa bão, lũ lụt, giảm bớt tác động của gió Lào nắng nóng, khô hạn về mùa hè và gió Bắc về mùa đông, tận dụng cây rừng để làm vườn và điều hòa khí hậu cho ngôi nhà.

### 2.2.3. Các yếu tố tập tục gắn với thiên nhiên

Người dân Trung Bộ nói chung và Huế nói riêng rất coi trọng việc vận dụng phong thủy. Đây là công việc phải làm đầu tiên trước khi tính toán xây dựng cơ ngơi cả đời người. Ông Hồ Văn Tề người làng Phước Tích, Phong Điền cho biết: “Ở nhà Huế có điều chỉnh phong thủy bằng bình phong, non bộ, chỉnh hướng nhà dùng giả sơn, tư duy phong thủy “sơn triều thủy tụ”, tạo bể nước như minh đường, ngõ vào nhà không bao giờ chạy thẳng vào nhà. “Gia môn nhất hướng” phải có bình phong, thành nếp lâu dần nâng lên thành luật tục”. Bởi đó cũng là yếu tố mang tính tâm linh, phong tục nếu biết vận dụng có thể mang lại sinh khí hưng vượng và sự may mắn cho cả gia đình.

Xét trên năm yếu tố dưới đây, ta thấy người miền Trung đã coi thiên nhiên như một thực thể sống, có tình cảm, có linh hồn, đồng thời xây dựng cho mình một hệ thống thần linh, có các lễ hội ứng với các yếu tố đất, nước, nắng gió và cây xanh trong tinh thần “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”:

**Đất:** thần đất, thổ công (thần nền nhà), Thổ Địa (thần long mạch). Miền Trung và miền Nam, trước ngôi nhà phía ngoài khoảng sân thường có một ngôi miếu (am thờ) để thờ Thổ thần (thần đất) - vị thần cai quản, giám sát đất đai.

**Nhà:** Thần Hộ (thần nhà ở), Thần Môn (thần cửa cái), Trung Lự Thần (thần gian giữa) khi làm nhà có các lễ cúng động thổ, cúng thần hoàng bản thổ.

**Nước:** Thần nước (Bà Thủy, Hà Bá) thủy thần... có lễ hội cầu mây, cầu mưa.

**Nắng:** Thờ Viên Đê, thờ thần Mặt trời.

*Cây xanh*: thân cây, thân nông (thân dạy trồng lúa), Ngũ Cốc Tôn Thân, tục thờ cây, lễ hội cầu mùa màng hay cúng tạ được mùa...

Cây xanh hình thành cảnh quan, cải thiện môi trường, điều chỉnh luồng sinh khí, chống lại các tác động xấu từ bên ngoài, nâng cao tính thẩm mỹ. Các hình thức bình phong, tường rào quanh co, giả sơn, bể cạn... chắn trước mặt để chặn tà khí, âm khí có hại cho con người và ngôi nhà.

Đây có thể xem là yếu tố văn hóa trong ứng xử với thiên nhiên mức độ cao, hình thành tín ngưỡng và đức tin trong con người. Trong một dịp hướng dẫn tham quan khảo sát địa bàn phường Kim Long, ông Huỳnh Đình Kết (phòng VH TT Huế) cho biết thêm nhiều chi tiết về tín ngưỡng dân gian hay những kinh nghiệm, điều kiêng kỵ khi chọn gỗ, đặc biệt là những cây cột cái, cột chính để làm nhà ở Huế. *Làm nhà là một sự lớn trong đời, hao tổn rất nhiều công sức, tâm trí và tiền bạc, thế nên có câu: "Có còn mới biết thương cha, có cửa có nhà mới biết thương ông" và người ta phải bằng nhiều cách để có thể xây dựng ngôi nhà và sinh sống bình yên ở đó, do vậy tín ngưỡng, thờ cúng thần linh hay vận dụng phong thủy là trong những giải pháp tâm linh mang lại niềm tin cho họ. Nhà xưa toàn bộ sinh lực, tình cảm dành cho làm nhà, không dám ăn dám mặc, tích góp từ từ. Các hình thức phong thủy rất có ý nghĩa trong ngôi nhà cũng như quá trình xây cất ngôi nhà từ khởi công đến khi vào ở. Ông nói: "Làm nhà kỵ thứ nhất bìm leo, nhì là đầu bịnh (gỗ khai thác xong bị đục 2 lỗ xoắn dây để cho gia súc kéo về, để trong nhà rất nguy hiểm, phải cắt đoạn này khi sử dụng làm nhà) mua cây tại vườn xem cây có tươi tốt, có quả, hay bị gãy cành, có bị dây leo quấn cổ hay không, nếu bị những lỗi đó thì cho cũng không lấy. Bình phong và bể nước có non bộ đi kèm, dùng trấn thủy (theo ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), bình phong chắn gió, chắn những uế tạp mang theo vào nhà mình. Trước nhà, lối cổng vào còn trồng cây môn tím, xương rồng để trấn trừ tà, vía, vong xấu". Huế 6/2012)*

Có thể thấy, bên cạnh việc nỗ lực tận dụng và chế ngự thiên nhiên, cư dân Trung Bộ đã thiêng liêng hóa, tạo nên tín ngưỡng về việc ứng xử để củng cố niềm tin và sức mạnh trong quá trình chung sống, hòa hợp với thiên nhiên thông qua kiến trúc nhà ở truyền thống của mình.

## 2.3. ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA CƯ DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

Khảo sát điền dã 8 ngôi nhà vườn tại hai ấp Phú Hòa và An Lợi thuộc xã Đông Hòa Hiệp huyện Cái Bè, xã Bình Phan, xã Chợ Gạo huyện Gò Công tỉnh Tiền Giang thuộc miền Tây Nam bộ; 7 nhà cổ tại ấp Bến Cam, xã Phước Thiên, xã Phú Hội huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ, đồng thời chụp hình ảnh thực tế nhà dân tại huyện Đất Mũi, Cà Mau. Những địa danh được lựa chọn có thể tiêu biểu về ứng xử với thiên nhiên trong khu dân cư, kiến trúc nhà ở vùng đồng bằng Nam Bộ.

### 2.3.1. Đặc điểm thiên nhiên - xã hội

Đồng bằng Nam Bộ được hình thành, phát triển bởi hệ thống sông Mê Kông lớn nhất Đông Nam Á bồi đắp phù sa, có địa hình bằng phẳng, thấp ngang mực nước biển. Có nhiều vùng đất trũng bùn lầy, ngập sâu vào mùa mưa. Có hệ thống sông ngòi chằng chịt. Sự tác động lẫn nhau của các sông, rạch, biển, đất đã tạo nên sự đa dạng về sinh thái cho vùng đất này. Trong đồng bằng có nhiều loại hình cư trú như ở ven sông, rạch, giữa vườn cây, trong đồng, cư trú trên giồng và cù lao... Tại đó, người dân có nhiều điều kiện khai khẩn, phát triển và có nhiều cơ hội mở mang sinh sống. Địa bàn cư trú Nam Bộ gồm hai tiểu vùng; Đông Nam Bộ (lưu vực sông Đồng Nai và sông Sài Gòn), Tây Nam Bộ (lưu vực đồng bằng sông Cửu Long).

Về địa hình có ba dạng chính: dạng cồn bãi (cù lao) ở giữa cao và thấp dần về các bên. Dạng lòng chảo với địa hình hai bờ sông cao hơn, thấp dần vào giữa đồng. Vùng đồng bằng là các khu đất được bồi tụ, nhô cao hơn khu vực đồng nội.

Địa hình sông nước, với khoảng 2500km kênh tự nhiên. Hệ thống sông, kênh đào nối với hai sông chính là sông Cửu Long và Vàm Cỏ, thuận lợi cho giao thông bằng đường thủy. Hệ thống này nhanh chóng lan tỏa khắp các vùng tạo thành nguồn cung cấp hơi ẩm. Sự bốc hơi dưới tác động của ánh nắng Mặt trời hình thành các cột áp thấp di chuyển theo sông ngòi và hai bên bờ, giúp điều hòa vi khí hậu.

Khác với cư dân Bắc Bộ đào đất đắp đê ngăn nước lụt ở vùng chiêm trũng, người Nam bộ ứng phó với thiên nhiên sông nước bằng cách tạo ra những hệ thống kênh mương liên hoàn. “Trong quá trình hình thành và phát triển, đồng bằng châu thổ sông Cửu Long chịu ảnh hưởng chủ yếu của hai yếu tố cấu tạo: *sông* và *biển*. Chúng luôn tác động lẫn nhau trong từng thời kỳ địa chất lâu dài và mãi cho đến ngày nay những yếu tố này vẫn còn đang tham gia gây khó khăn cho con người trong quá trình khai thác châu thổ” [65, tr.73].

Nam Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm điển hình, ẩm áp quanh năm, chia làm hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ bình quân trong năm cao đều. Tuy gần xích đạo nhưng mùa hè không quá nóng và ẩm như miền Bắc. Ở sâu trong lục địa nhưng không quá khô và quanh năm ít bị bão lớn như miền Trung.

Tây Nam Bộ có *gió chướng*. Gió chướng là cách người Nam Bộ gọi tên gió mùa Đông Bắc. Gió thổi báo hiệu mùa mưa sắp hết, mùa khô về. Gió thổi từ biển chủ yếu là hướng Đông và Đông Nam vào mang hơi lạnh, bắt đầu hoạt động từ tháng 10 kết thúc vào cuối tháng 4 đến trung tuần tháng 5 năm sau. Đây là loại gió có cường độ mạnh, tuy không duy trì tốc độ cao liên tục, thường thổi về chiều là lúc có sự chênh lệch nhiệt độ giữa đất liền và biển lớn nhất trong ngày. Gió *chướng* gây ngập mặn sâu vào đất liền, gây những bất lợi, trở ngại cho việc sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Vào khoảng tháng 9, 10 hàng năm, trùng với đỉnh lũ sông Mê Kông, tình trạng ngập lụt càng trầm trọng. Nước lên chậm, tốc độ dòng chảy không cao, gọi là “mùa nước nổi” tạo nên đặc thù miền sông nước.

Những vùng gần cửa biển, vùng ngập nước quanh năm, lượng đất phù sa được bồi đắp hàng năm nhưng luôn có nguy cơ làm xói mòn, lở đất dọc bờ sông. Giữ đất ổn định là việc hết sức quan trọng đối với cư dân vùng sông nước. Đây là vấn đề cấp thiết phải giải quyết để định cư lâu dài sau khi đã khai hoang.

Về mặt xã hội, tính cách người dân Nam Bộ được định hình chủ yếu bởi lưu dân từ miền Trung vốn xuất thân từ nhiều địa phương khác nhau. Họ mang theo tố chất của những con người đầy dũng khí, gan góc, khao khát sống vào công cuộc khai hoang mở đất, hình thành

những tính cách, năng lực mới. Đó là sự năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất, sự thích ứng, nhanh nhạy hòa nhập với môi trường mới, nơi có điều kiện thiên nhiên thuận lợi “trên bờ có lúa, dưới sông có cá”. Lối làm ăn nhanh nhẹn, dứt khoát, làm ra làm, chơi ra chơi, ưa khai phá, cõi mở, hào phóng của người dân Nam Bộ đã được phản ánh chân thực qua ngôi nhà ở của họ, hình thành nên những phẩm chất văn hóa của cả một vùng đất sông nước.

Theo sử sách thì Nam Bộ là một trong những địa bàn có con người sinh sống rất sớm như cư dân văn hóa Đồng Nai, văn hóa Óc eo từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ VII. Lịch sử vùng đất này cũng cùng một thời với các nền văn hóa Đông Sơn ở Bắc Bộ, Sa Huỳnh ở Trung Bộ và Xam-rông-xen ở Campuchia. Tiếp đến là người Chăm từ Trung Bộ chuyển đến vào thế kỷ XVI, người Việt và người Hoa - vào cuối thế kỷ XVIII. Như vậy, đây là vùng đất cộng cư lâu đời của nhiều dân tộc thiểu số như Khmer, Chăm, Hoa bên cạnh đa số người Việt, nên có sự giao thoa, hội tụ tinh hoa văn hóa của các dân tộc.

Người Việt Nam Bộ sinh sống với các dân tộc anh em cùng chung lưng đấu cật chống thiên tai, giặc dã, cùng lao động sản xuất, sinh hoạt... đã có công khai phá và thích ứng được với thiên nhiên cảnh vật nơi đây. Sự tổng hòa của các đặc trưng riêng của mỗi tộc người, sự đa dạng về văn hóa, tiềm năng phát triển và tính năng động mạnh mẽ, ảnh hưởng lẫn nhau, thể hiện qua phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, tạo nên sự gắn kết, hòa nhập, hình thành nên văn hóa Nam Bộ phong phú đa sắc thái. Trong kiến trúc thể hiện khả năng thích nghi nhanh với điều kiện khí hậu và phong cách địa phương.

Thiên nhiên hoang sơ, lăm thú rừng khiến cho con người cần đến sự gắn bó hợp lực để bảo vệ nhau. Cùng là dân di cư từ miền Bắc hoặc miền Trung vào nên ngoài tình làng nghĩa xóm, họ còn có tình đồng hương. Bối cảnh xã hội đã tạo cho tính cách người Nam Bộ có lối sống, cách giao tiếp khoáng đạt có chút ngang tàng, trọng tình nghĩa, ít vụ lợi. Là lớp người đi khai hoang mở đất, trải qua cuộc đấu tranh cải tạo thiên nhiên, xã hội, hình thành những tính cách, năng lực khá tiêu biểu: *tính sông nước, tính bao dung, tính năng động, tính trọng nghĩa, tính thiết*



thực. Mặt khác, sống trong điều kiện thiên nhiên thuận lợi “chim trời cá nước” hào phóng, ưu đãi con người, việc canh tác lúa nước, thời gian nông nhàn nhiều, tác phong từ tốn thong thả, không có thói quen tích cực, căn cơ như người nông dân Bắc Bộ.

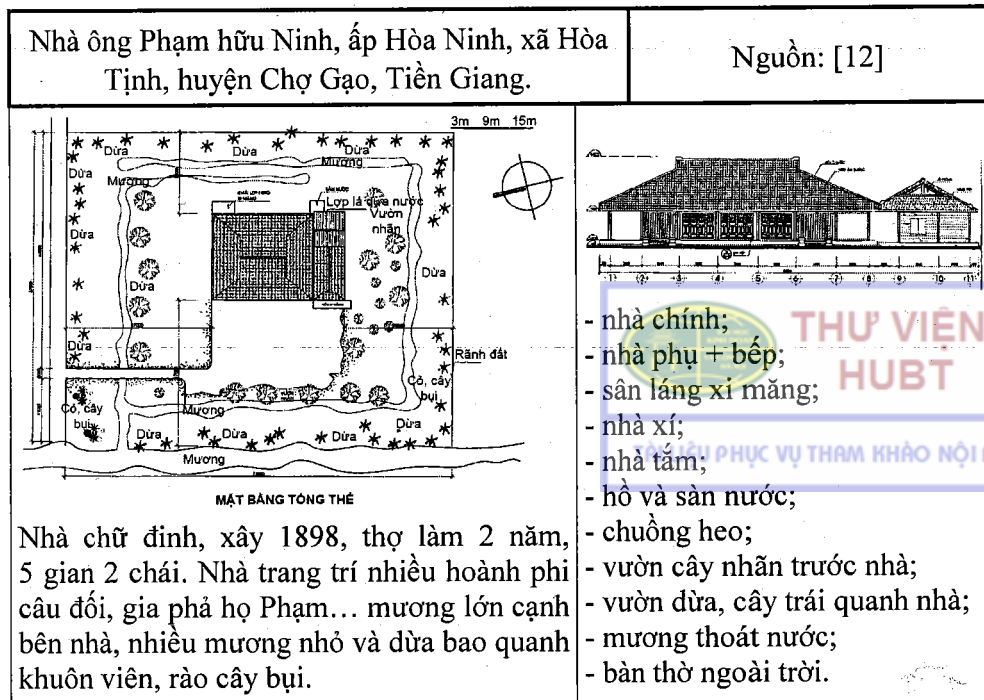
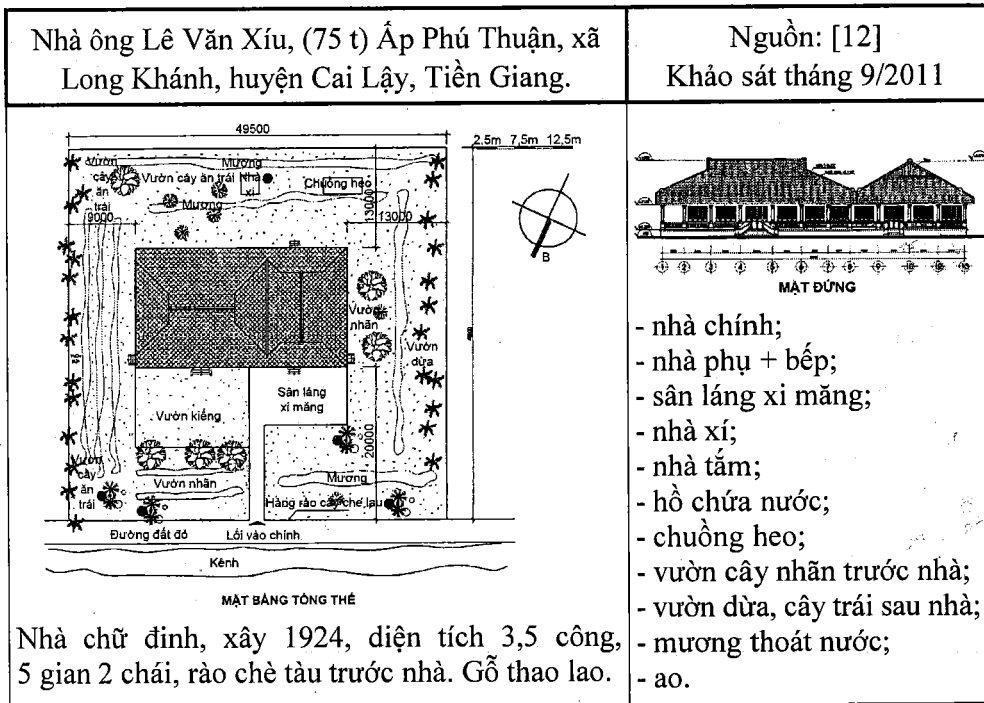
### **2.3.2. Đặc điểm về tổ chức và ứng xử với thiên nhiên kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Nam Bộ**

Khác với vùng châu thổ Sông Hồng, nơi người đông đất chật, dân sống quây tụ thành từng cụm, làng xã Nam Bộ không có giới hạn không gian một cách chặt chẽ. Đất đai rộng, sinh lầy, ít có điều kiện ngăn chia. Làng Nam Bộ thường bám theo dọc sông hoặc kênh mương, quay mặt ra sông. Trước nhà có sân để phơi thóc lúa. Phía sau nhà là sân nước, nơi nuôi gia súc. Ngoài đó là ruộng hoặc rẫy. Có nơi nhà ở kẹp giữa đường giao thông và sông rạch. Thường nhà nào cũng có thuyền để đi lại. Có nơi nhà ở trên cánh đồng ngập nước để tiện coi ruộng, coi rừng.


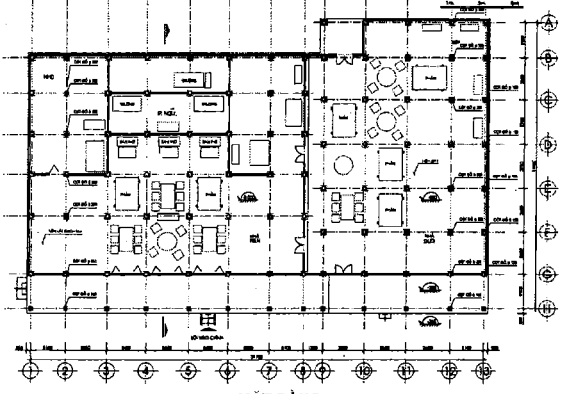
#### **2.3.2.1. Khuôn viên ở**

Người Nam Bộ đa phần làm nhà bám dọc kênh rạch, do vùng đất mới khai phá, người ít nên khuôn viên ở cho mỗi gia đình khá rộng rãi. Đất làm nhà, đất làm vườn đều thoải mái. Địa điểm vị trí làm nhà ưu tiên chọn “nhất cận thị, nhị cận lân, tam cận giang, tứ cận lộ, ngũ cận điền” (chợ - hàng xóm - sông - đường - vườn ruộng), từ đó mà hình thành nên các cụm dân cư cũng như những không gian cộng đồng truyền thống. Một số cư dân vùng nước ngập thường chọn chỗ cất nhà tốt nhất là nơi “sông sâu nước chảy” vì nước chảy giúp ghe thuyền di chuyển thuận lợi.

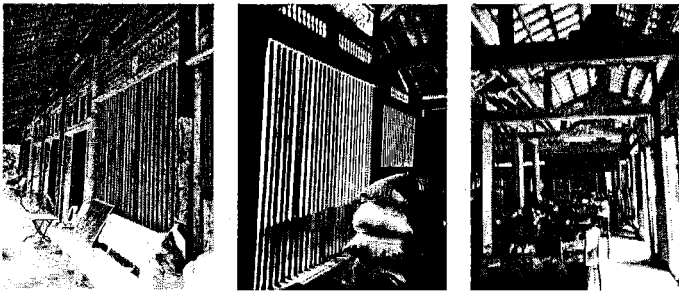
Cách tổ chức và cấu trúc mặt bằng khuôn viên ba miền tuy cơ bản gần giống nhau, nhưng mỗi miền cũng lại có những khác biệt do đặc tính địa hình, khí hậu, môi trường thiên nhiên, phương thức sản xuất và yếu tố xã hội. Kiến trúc nhà ở truyền thống có sự liên kết với thiên nhiên và mở ra với xóm ấp, láng giềng một cách phóng khoáng, cởi mở trong giao tiếp cũng như hòa nhập cộng đồng. Đây cũng là một trong những thuộc tính văn hóa đặc trưng góp phần hình thành nên tính cách con người Nam bộ. Nhà ba gian truyền thống nằm giữa khu vườn trồng nhiều cây xanh, trước sân trồng hoa, cây kiểng, tạo thành bức “bình phong” thiên nhiên.



Hình 2.29. Một số tổ chức mặt bằng tổng thể nhà ở vùng Tiền Giang

<p>Nguồn: [12]</p>	<p>Chi tiết kiến trúc nhà bà Nguyễn Thị Thu Hương, ấp Bình Ninh, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang</p>
	 <p>MẶT BẰNG</p>

*Hình 2.30. Nhà 7 hàng cột, mặt trước cửa chớp và vách lam gỗ thông thoáng, lợp sáng*



*Hình 2.31. Các chi tiết lam, ô thông, bông gió lấy sáng tự nhiên, tạo thông thoáng trong, ngoài nhà*



*Hình 2.32. Cửa chớp mở hết mặt nhà, hiên rộng, cao, vách sau mặt ngoài ốp gỗ trong xây vách tường*

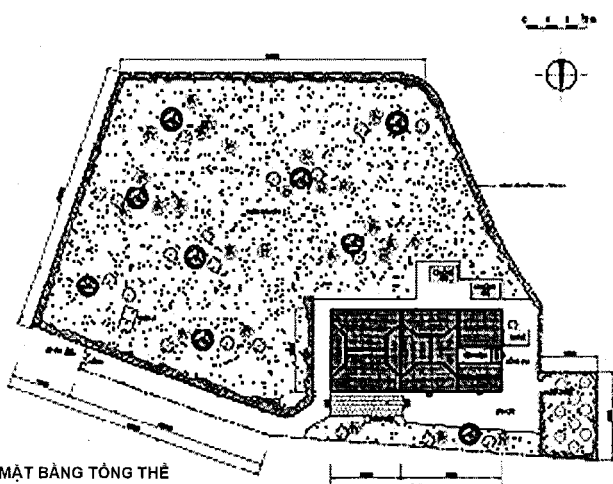

Ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Thu Hương được xây dựng vào khoảng năm 1915 ở ấp Bình Ninh, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang - một vùng đất thấp nhiễm phèn nặng. Đất thấp, phần lớn trồng dừa, xung quanh có nhiều ruộng rãnh để thau chua rửa phèn. Khu vực đất cao phía trước trồng nhãn. Mé phải và sau nhà đất thấp trồng dừa có ruộng chống ngập rửa phèn. Bên cạnh trái nhà có ao nước nuôi gia cầm. Đất lấy từ ao để trồng vườn cây ăn quả. Do nước nhiễm phèn nên nhà có nhiều bể lớn chứa nước mưa. Sân trước trái hết chiều dài nhà, mặt láng xi măng. Nền nhà được nâng cao khoảng 60cm so mặt đất và bó vỉa bằng đá ong, trên lát gạch nung. Xung quanh nhà và sân trong cũng đặt nhiều lu trữ nước, nhiều nhà khác cũng chứa nước như vậy (Nhà Bà Hương, nhà ông Kiệt ở Tiền Giang).

Tùy theo điều kiện địa hình, diện tích điền thổ, khả năng kinh tế mà nhà dân ở đồng bằng sông Cửu Long thường gồm công, sân, nhà ở, vườn cây, khu làm kinh tế phụ, khu chăn nuôi (chồng trâu, bò, nuôi gia súc), khu nhà phụ (bếp, nhà vệ sinh, kho để nông cụ). Công vào nhà thường có lối đi lát đá xanh hay gạch tàu. Công thường nằm lệch bên so với mặt tiền nhà, tránh mở thẳng vào cửa chính, nơi có không gian thờ cúng, xung quanh nhà có hàng rào hoa dâm bụt hoặc xương rồng. Ruộng, rạch nước hoặc hàng rào cây leo, tường rào phần lớn chỉ tương đối hay có tính ước lệ, ít phân định và không kiên cố, công phụ như hàng rào Bắc hoặc Trung Bộ.

Ở vùng Tây Nam Bộ, mặt trước, mặt sau nhà thường có sông rạch, đi lại và buôn bán bằng thuyền đều thuận tiện. Nền đất phía sau là nhà sàn lán ra mặt sông. Phần sàn này dùng cho sinh hoạt của các thành viên trong gia đình, như nấu bếp, đặt lu chứa nước, khu vực nhà tắm, vệ sinh. Nhiều nhà cất thêm một chái bên làm chỗ đậu ghe xuồng, tuy có thuận tiện cho đi lại song lại tạo nên sự nhếch nhác. Họ không sa vào triết lý phong thủy phức tạp mà bằng kinh nghiệm thực tế và thói quen, tập tục, miễn sao có được sự thuận lợi cho sinh hoạt.

Vùng Đồng Nai, Nhơn Trạch miền Đông Nam Bộ đất cao, các chức năng trong kiến trúc nhà ở truyền thống về cơ bản không mấy khác biệt so với miền Tây. Đất rộng, diện tích các nhà khá lớn nên môi trường

thiên nhiên xanh tốt, vườn cây trái và cây công nghiệp đều rộng rãi và trù phú. Hệ thống mương rạch trong vườn làm chức năng cấp nước tưới tiêu, trữ nước cho mùa khô hạn.

<p>Nguồn: [12]</p>	<p>Nhà ông Đào Mỹ Ngọc (tù đường họ Đào), ấp Phú Mỹ 2, xã Phú Hội, huyện Nhon Trạch, Đồng Nai</p>
 <p>MẶT BẰNG TỔNG THỂ</p> <p>Xây trước 1900, nhà 3 gian 2 chái và nhà ngang, có công trình phụ vệ sinh, bếp hồ nước, kho, chuồng heo... Treo bát quái theo phong thủy trước mặt nhà và bàn thờ ngoài trời. Rào kẽm gai</p>	 <ul style="list-style-type: none"> <li>- nhà chính;</li> <li>- nhà phụ + bếp;</li> <li>- sân trước lát gạch tàu;</li> <li>- sân trong;</li> <li>- nhà xí;</li> <li>- nhà tắm;</li> <li>- chuồng heo;</li> <li>- vườn chuối;</li> <li>- vườn dừa, cây trái;</li> <li>- bàn thờ ngoài trời;</li> <li>- cổng ngõ.</li> </ul>

*Hình 2.33. Tổ chức mặt bằng tổng thể*



*Hình 2.34. Cổng, lối vào, vườn cây trái phía trước, hiên, sân vườn và cây cảnh, thờ ngoài trời*

### 2.3.2.2. Kiến trúc ngôi nhà

Nam Bộ có điều kiện địa lý, khí hậu ổn định, ít giông bão, nắng mưa thuận hòa, đất đai rộng lớn, màu mỡ. Những loại hình nhà ở truyền thống ven sông, ven núi, bìa rừng, trên hồ... Bên cạnh những nhà nổi, nhà bè có các loại nhà lững cư, nhà quần cư khá phổ biến bám theo địa hình sông nước, kênh rạch.

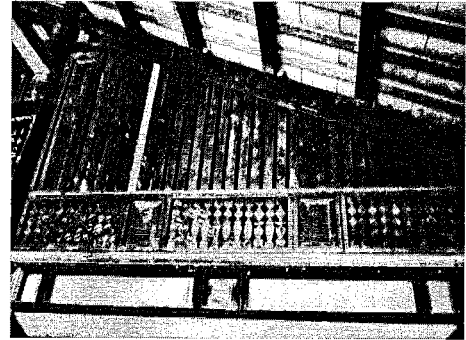
Quy mô ngôi nhà Nam Bộ thường lớn hơn nhiều so với nhà Bắc Bộ. Đa số các nhà được xây với bốn mái có đầu hồi. Một số dạng kiến trúc nhà ở phổ biến là nhà 3 gian, thường có thêm 1 hoặc 2 chái, nhà thảo bạt ven sông, nhà chữ Đinh, nhà Xếp Đọi, nhà Bát Dàn, có nhiều ảnh hưởng từ nhà ở Trung Bộ. Nhà Thảo Bạt có hàng hiên rộng được nối về phía trước hoặc sau nhà để buôn bán. Nhà xếp đọi quy mô lớn, nhà trước nối với nhà sau qua bức tường ngăn. Nhà trước để thờ cúng và tiếp khách. Nhà sau là nơi ở, kho, bếp ăn và sản xuất phụ. Nhà bát dàn có hai phía chái nhà được mở rộng làm nơi ngủ, bếp ăn, kho lương thực.

So với miền Bắc và miền Trung thì người dân nơi đây có quan niệm khá đơn giản về nhà ở. Quy mô không gian ở tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi gia đình, không bị bó buộc bởi luật lệ, quy ước của tầng lớp quan lại phong kiến như ở miền Bắc và miền Trung. Đất ở của mỗi nhà thường rất rộng, diện tích mặt bằng các nhà chính phụ không bị hạn chế, có vườn cây bao quanh, phát triển về chiều sâu phía sau nhà. Ở vùng sông nước như Tây Nam Bộ, muong lạch thường cập sát mép nhà, tường rào phân chia ranh giới chỉ mang tính ước lệ. Đó là những nét đặc trưng trong tổ chức mặt bằng nhà ở Nam Bộ.

Có nhiều cách tổ chức mặt bằng, hướng nhà, biện pháp che nắng, chống ngập lụt, sử dụng vật liệu dân dã, thân thiện môi trường. Khu vực nhà sau gắn liền với sinh hoạt, lao động sản xuất nên có nhiều cửa; cửa ra vườn, ra khu vệ sinh, cửa dành cho việc cập xuồng, cửa mở ra sà nước, cửa trở ra trái bếp... Hiên rộng, vách bằng song gỗ tạo khe thông gió và lấy sáng. Mái nhà cao thông gió tốt, lợp bằng vật liệu đan dày, có độ dốc khá lớn để thoát nước nhanh. Mặt bằng được phân chia trước sau, nhà trên có qui mô từ năm đến bảy gian, nhà dưới từ 3 đến 5 gian.

Khảo sát: 9/2010  
Nguồn: [12]

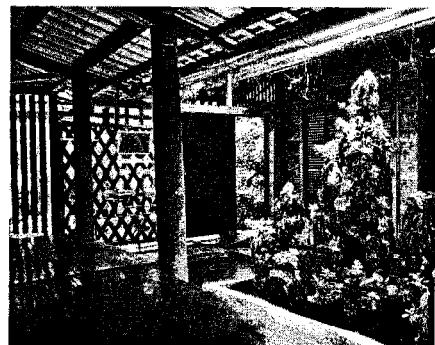
Nhà ông Trần Tuấn Kiệt, 22 ấp Phú Hòa, xã Đông Hòa Hiệp, Tiền Giang. Xây 1838. Nhật Bản phục chế năm 2003



*Hình 2.35. Lam gỗ chạy suốt mặt tiền nhà tạo thông thoáng và lấy sáng*

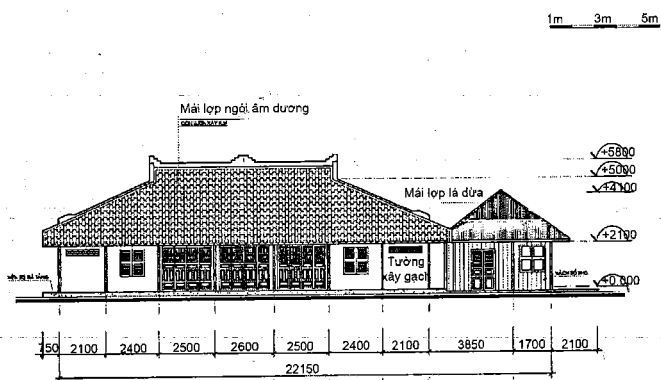


*Hình 2.36. Các vách ngăn bên trong, đầu mái, nhà sau trang trí hoa văn chạm lõng hình kỷ hà, kết hợp lấy sáng, tạo thông thoáng*



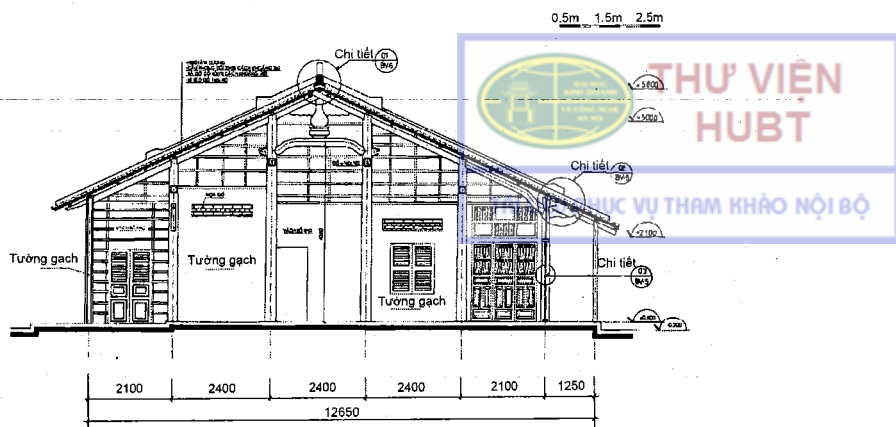
*Hình 2.37. Lam gỗ (song) chạy suốt mặt tiền, khuôn bông hoa văn trang trí sát mái và lấy sáng*

Nhà ông Trần Tuấn Kiệt Ấp Phú Hòa, xã Đông Hòa Hiệp có 5 gian. Vách bao quanh, vách ngăn giữa các gian và phần phía trên vách sát mái nhà được ốp những mảng lam gỗ có chạm trổ họa tiết hình kỷ hà khá đẹp. Nhà bà Nguyễn Thị Thu Hương có kiến trúc hình chữ Đinh dạng Thảo Bạt, cất cao ráo (đỉnh mái 5,2m) cân đối với chiều dài nhà chính, tạo sự thoáng mát cho bên trong. Nhà bốn mái lợp ngói âm dương, các đầu hồi ốp gạch thông gió vừa kết hợp lấy sáng. Kết cấu vì chính và vì mái khá đơn giản, độ dốc mái không nhiều. Vật liệu làm nhà bằng gỗ căm xe, thao lao, keo và gỗ dầu. Các vách bao quanh nhà trên, nhà dưới đều bằng gỗ Thao lao có nhiều khe hở nên vào mùa nước ngập, trong nhà rất nhanh khô khi nước rút đi.



**Hình 2.38.** Mặt đứng bằng với hệ cửa chính thượng song hạ bản nhà ông Lê Văn Thắng Ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang

Nguồn: [12]



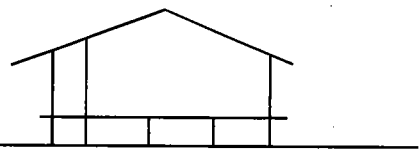
**Hình 2.39.** Mặt cắt ngang nhà với khoảng cách cột gian chính 2,40m và hiên rộng 1,26m



Mặt trước nhà là hệ cửa lá sách mở hết 3 gian chính. Phần còn lại là hệ thống song gỗ đứng, vừa lấy sáng vừa tạo thông thoáng cho không gian bên trong. Hiên rộng 2,15m và khá cao. Nhà chính, nhà phụ liền kề nhau hoặc xây dựng vây quanh khu vực sân chính. Một số nhà còn có ao nằm lệch phía trước hoặc bên hông nhà. Xung quanh và bên trong khuôn viên đào mương lên líp, chống ngập úng cho nhà và vườn cây. Khu sản xuất phụ hoặc kho chứa lúa, củi, kho nông cụ... gần nhà bếp, nhà phụ. Khu vệ sinh (bằng vật liệu tạm) nằm biệt lập phía sau, xa với nhà chính. Kết cấu trong ngôi nhà Nam bộ thường có bước cột lớn, chiều sâu của nhà nhiều khi gấp đôi so với các địa phương khác. Với những kiểu nhà 3 gian khi liên kết với môi trường thiên nhiên ta thấy phổ biến có hai dạng cư trú:

*Dạng đơn cư*, nhà bám theo địa hình bao gồm nhà đất, nhà sàn, nhà nổi trên sông. Kết cấu khung sàn liền cột hoặc tách biệt nhau được nâng cao hơn hẳn để tránh ngập nước.

*Dạng lưỡng cư* ở Cao Lãnh, Tháp Mười, có một phần nhà bám vào nền đất, một phần sàn vươn ra mặt sông. Lốp nhà ngoài mé sông dùng để đi lại, sinh hoạt trên sông nước. Tổ chức mặt bằng có hướng nhà quay ra mé sông nước hay trục giao thông. Nhà ven sông rạch có bến, cầu phía trước để neo ghe thuyền. Nếu phía trước nhà có kênh rạch thì đào mương thông đến cạnh nhà để ghe thuyền tiện vận chuyển thóc lúa, nông sản từ ruộng vườn vào đến tận nhà.



**Hình 2.40.** Mô hình loại nhà lưỡng cư

*Vật liệu xây dựng* ở Nam Bộ hầu hết từ những lâm thổ sản có ở môi trường sinh thái trong vùng: phần nhiều là loại gỗ tuy không bền chắc nhưng giá rẻ. Cây tràm, lá dừa nước, cây gõ tạp... vốn là nguyên vật liệu sẵn có tại chỗ, chịu được nước và mau khô, thích hợp với môi trường ẩm ướt vùng ngập lụt, phù hợp với điều kiện môi sinh và khả năng kinh tế

của cư dân nơi đây. Có lẽ người xưa cũng đã tìm nhiều loại lá lợp nhà, cuối cùng mới chọn lá dừa nước là vật liệu phù hợp, thích nghi được ở cả môi trường nước ngọt và nước lợ, “Tiếp theo rừng tràm là rừng dừa nước, mà nơi nào dừa nước mọc được thì đất nơi đó đã được thuần hóa, có thể làm nhà, lập xóm canh tác lúa” [60, tr.12]. Từ cây dừa nước, người ta có thể dùng lá để lợp nhà hay làm vách, lấy bẹ hoặc chồi lá non làm dây buộc. Vào mùa khô, lớp lá dừa này trở thành lớp vật liệu cách nhiệt rất tốt.

Vùng Đông Nam Bộ, nơi đất đồi gò cao, nhà cửa cần bền vững. Vật liệu xây dựng phần lớn là cây gỗ, gốm và đất nung từ những lò tự nung hay từ các vùng gốm truyền thống như Biên Hòa, Đồng Nai, Bình Dương.

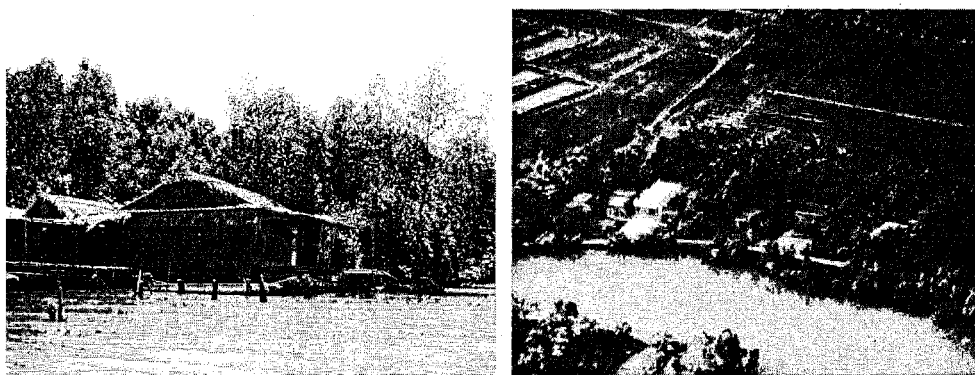
Cư dân Nam Bộ biết cách tạo dựng nhà ở có cấu trúc gọn nhẹ trên nền đất yếu, bằng nguồn vật liệu sẵn có, thích ứng với khí hậu hai mùa nắng mưa đan xen. Khai thác vườn cây trái cùng với trồng cây giữ đất trên nhiều loại địa hình đất giàu phù sa, tạo bóng mát và làm vườn cây lưu niên. Đây là những giải pháp nhằm tận dụng tối đa nguồn lợi cũng như thích ứng linh hoạt với điều kiện thiên nhiên.

### ***2.3.2.3. Các mặt tích cực và hạn chế của thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở***

Đất Nam Bộ rộng, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển cây trồng, vật nuôi. Người dân có thể dễ dàng khai khẩn và sở hữu ruộng vườn với diện tích rộng. Những vườn cây ăn trái quy mô lớn theo kiểu chuyên canh, hiệu quả kinh tế cao. Đây cũng là một nét đặc trưng của miệt vườn Nam Bộ.

***Yếu tố nắng:*** Nam Bộ có cường độ nắng nóng cao, giờ nắng kéo dài, ảnh hưởng nhiều đến đời sống. Có nhiều giải pháp chống nắng cho ngôi nhà như tấm che, vách, cửa, mái hiên rộng, cây xanh... Tận dụng năng lượng tự nhiên từ nắng bằng những khoảng hở trên phần mái gian giữa để lấy sáng. Các tường gần mái xung quanh nhà là những mảng trống để tạo sự thông thoáng cũng như giảm độ chói của ánh sáng vào nhà. Trước nhà có sân rộng để phơi thóc lúa và cho các nhu cầu sinh hoạt khác.

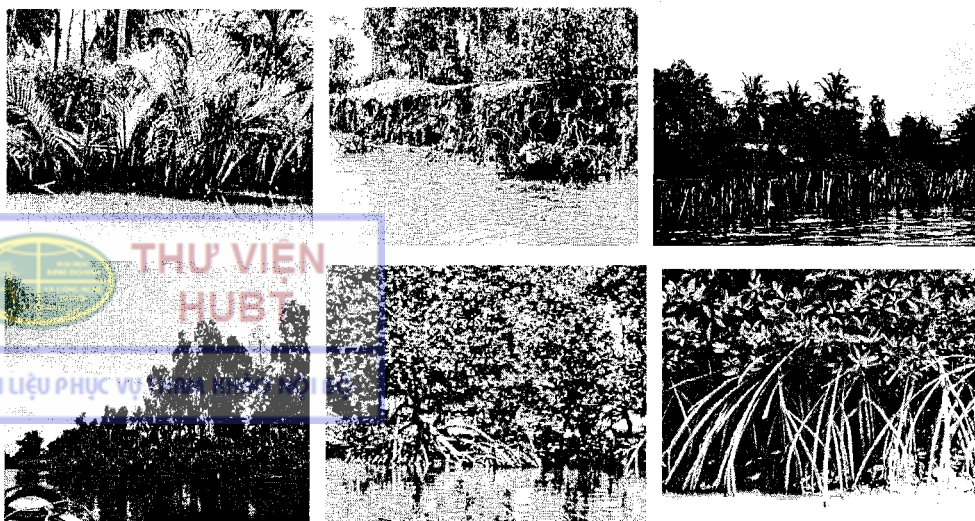
***Yếu tố gió:*** nhiều giải pháp điều tiết gió vào nhà để chống ẩm ướt (do không khí có độ ẩm cao) mau khô ráo vào mùa nước ngập.



*Hình 2.41. Chọn phương hướng cất nhà tùy thuộc vào địa hình sông nước*



*Hình 2.42. Hệ thực vật trên mặt nước*



*Hình 2.43. Trồng cây phân theo tầng, giữ đất lớp từ lòng sông, nhân rộng cây có bộ rễ khỏe*

*Nguồn: tác giả, chụp 8/2011 tại Cà Mau*

Nhà thường quay về hướng Nam, Đông Nam, Tây Nam, Đông hay tùy theo địa hình để đón gió mát. Tường bao thường có lam gỗ để giảm nắng chói, ngăn tầm nhìn từ ngoài vào mà vẫn thoáng gió. Nhà nhiều cửa, vách lũng thấp với cửa sổ có cánh chống lên được hoặc có hàng hiên che phía sau nên rất mát mẻ, nhiều khoảng hở trên vách với sàn để thoát nước và nhanh khô thoáng, không khí luôn được luân chuyển.

*Yếu tố cây trồng và thảm thực vật:* nhà miệt vườn nằm trên khu đất rộng, xung quanh là vườn ao, rạch nước, trước sân trồng nhãn, bưởi, cam, hàng cau, cây kiếng, cây bụi hoặc trồng rau khoai, hoa màu (một số nhà chỉ trồng cây kiếng). Sân trước khá rộng, chậu kiếng đặt sát hiên có các loại mai vàng, mai chiếu thủy, thiên tuế, bông trang... Cổng vào nhà không nằm trực diện cửa chính mà đặt lệch một phía. Sân trong có hồ cạn trang trí non bộ, trồng sen... Sân sau có giàn dây leo bầu bí, mướp, vừa tạo bóng mát vừa là nguồn cung cấp rau màu, hoa trái cho gia đình. Mỗi vườn cây đều có hệ thống mương, rạch để thoát nước, thau phèn rửa mặn, điều tiết tưới tiêu vào mùa khô. Vườn cây trong khuôn viên nhà trước tiên phục vụ cho nhu cầu thường ngày như rau màu củ quả, cây gia vị, cây thuốc chữa bệnh, các loại lá gói, cây củi đốt và nguồn gỗ làm nhà... Phần lớn diện tích đất vườn còn lại được dành trồng các loại cây chuyên canh, trồng đại trà làm kinh tế, người dân Nam Bộ năng động, dám nghĩ dám làm.

*Yếu tố nước:* mặc dù có nhiều ưu đãi của thiên nhiên như nói trên, nhưng người dân vùng đồng bằng Nam Bộ cũng phải đối mặt với nhiều thử thách hà khắc từ thiên nhiên, tiêu biểu là những đợt lũ lớn, khi hàng triệu khối nước từ đầu nguồn sông Cửu Long tràn về. Để giữ đất, chống xói lở đất nhà và vườn người ta phải trồng các loại cây phân tầng, theo lớp từ lòng sông trở vào bờ, nhân rộng những loại cây Tràm, Đước trong tự nhiên có bộ rễ khỏe, chịu nước lợ dọc bờ sông, kênh mương.

Như vậy, cư dân Nam Bộ chịu ảnh hưởng của thủy triều, khí hậu thời tiết luôn thay đổi. Từ vùng đất hoang hóa chỉ mọc toàn cỏ lau, qua bàn tay lao động, cư dân nơi đây tận dụng nguồn lợi từ thiên nhiên, tìm giải pháp thích nghi với vùng đất phù sa có nền đất yếu và vùng ngập nước để xây dựng không gian cư trú và sinh sống. Thích nghi nhanh với điều kiện thiên nhiên vùng sông nước hình thành các loại hình nhà, các loại vật liệu, kỹ thuật xây dựng đặc trưng của vùng Nam Bộ.

### 2.3.3. Các yếu tố tập tục gắn với thiên nhiên

Từ những quan niệm về tâm linh, người dân gửi gắm niềm tin vào vũ trụ, tôn trọng những nguyên tắc phong thủy trong xây dựng. Bên cạnh đó là thực hiện những lễ nghi, điều cấm kỵ, cầu khấn thần linh, sự tôn kính tổ tiên, ông bà... giữ gìn phong tục, tu dưỡng đạo đức. Tính khai phá, cởi mở, hào phóng của người dân Nam Bộ được thể hiện, phản ánh chân thực qua ngôi nhà ở của họ, hình thành nên những phẩm chất văn hóa của vùng đất lâu đời, thờ cúng tổ tiên là một nét đẹp văn hóa trong đời sống tinh thần của người Nam Bộ, luôn quan tâm chăm chút việc thờ cúng ông bà tổ tiên, nhớ về nguồn cội, tạ ơn tổ tiên đã gây dựng nên những nếp nhà và chuyển lại cho nhiều đời con cháu. Trong mỗi gia đình đều có không gian thờ gia tiên, thờ thần, thờ phật đặt nơi trang trọng nhất.

Việc thờ cúng các vị gia thần (nhất là thờ Ông Táo và Thổ Công - Thổ Địa) thường được tiến hành kết hợp với những dịp giỗ kỵ. Mỗi lần giỗ chạp hay lễ hội, người ta đem dâng những sản phẩm hoa quả bánh trái lấy từ vườn. Thông thường là mâm ngũ quả, bánh ú, bánh tét, các loại trầu cau, rau củ, quả...

Cũng do điều kiện khí hậu thuận hòa, ít khắc nghiệt nên ngoài số nhà ở bề thế của tầng lớp trung lưu với kết cấu nhà rường truyền thống, ngôi nhà của tầng lớp bình dân Nam Bộ thường đơn giản, mộc mạc. Điều đó phần nào có sự ảnh hưởng từ tính cách và quan niệm về lối sống của đa số người dân. Có lẽ vì vậy mà việc vận dụng phong thủy trong kiến trúc nhà ở truyền thống có phần đơn giản. Việc xây cất nhà bên cạnh yếu tố phong thủy, tâm linh còn phải mở rộng diện tiếp xúc với thiên nhiên, hình thành các giải pháp “sống chung với lũ”, thích ứng với khí hậu.

### 2.4. NHỮNG NÉT TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT CỦA KHÔNG GIAN Ở TRUYỀN THỐNG BA MIỀN TỪ YẾU TỐ THIÊN NHIÊN

Những mô tả ở phần trên đã khái quát các đặc điểm về thiên nhiên thể hiện trên cấu trúc không gian ở và những chi tiết thích ứng với môi trường. Các thành phần kiến trúc nhà ở cũng như các yếu tố thiên nhiên tự nhiên và thiên nhiên có con người tác động đều chịu sự chi phối của các điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội. Người dân phải bền bỉ ứng phó

với thiên nhiên, tận dụng những ưu điểm, ứng phó với những tác hại của tự nhiên để tồn tại và phát triển, qua đó hình thành những hình thái cư trú và kinh nghiệm sống.

Cách tổ chức và cấu trúc mặt bằng khuôn viên ba miền Bắc, Trung, Nam cơ bản gần giống nhau, gồm công trình chính, phụ, sân vườn, công ngõ, ao, chuồng... Song ba miền cũng có một số nét khác biệt về địa hình, khí hậu, phong tục tập quán, thói quen, tính cách... phương thức sản xuất và yếu tố xã hội, các thành phần xã hội khác nhau dẫn đến những khác biệt trong mô hình và cách tổ chức không gian cư trú truyền thống.

*Bắc Bộ* với đặc trưng vùng chiêm trũng đất phù sa, đầm lầy, việc kiến tạo ngôi nhà và cách thức xây dựng cần phù hợp với đặc trưng thiên nhiên này. Cách bố trí khuôn viên, nhà, vườn phải thật hợp lý để đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của cuộc sống: đất màu làm vườn, đất xấu, đất trũng đào ao, vượt đất tôn nền làm nhà. Tàn tiện, chi li, chắt chiu là tính cách tiêu biểu, *nhà ngói cây mít* là hình ảnh phổ biến của một nếp nhà dân gian trung lưu Bắc Bộ.

*Trung Bộ* với đặc trưng đất dốc, khô cằn, nhiễm mặn nên phải “thau chua rửa mặn”. Mưa to bão lớn nên nhà phải chắc. Nắng gắt nên phải trồng nhiều cây tạo bóng mát để điều hòa khí hậu. Khu vực đồng bằng duyên hải, đầm phá, vùng đất pha cát nhiễm mặn, cư dân phải thường xuyên chống chọi với cát bồi, cát lấp, đất chua phèn. Người Trung Bộ khéo ứng xử với thiên nhiên. Từ khó khăn của thổ nhưỡng, địa hình, khí hậu, họ đã chuyển hóa thành loại đất vườn đa dạng như vườn đồi, vườn dốc, vườn đất trắng, vườn cồn, vườn đất cát... đáp ứng nhu cầu trồng trọt và tạo dựng nơi cư trú, hình thành những ngôi nhà vườn xứ Huế nổi tiếng. Sự tinh tế, chỉnh chu, tao nhã trong những ngôi nhà rường là thành quả nổi bật thể hiện cách ứng xử với thiên nhiên của người miền Trung.

*Nam Bộ* với địa hình thấp và hệ thống sông rạch chằng chịt, người dân cư trú trải dài theo các tuyến giao thông thủy bộ liên tỉnh, liên xã dọc hai bên bờ sông hoặc kênh rạch. Sau khi đã khai khẩn, giữ đất là việc hết sức quan trọng và cần thiết để định cư lâu dài. Vì vậy, người Nam Bộ đã nhân rộng các loại cây có bộ rễ khỏe, chịu nước mặn, đồng thời làm bờ bao, bờ kè bằng những cách rất hiệu quả từ thô sơ đến kiên cố. Nhà ở

trên kênh rạch, nhà miệt vườn là những giải pháp kiến trúc đặc thù trong cách ứng xử với thiên nhiên của người Nam Bộ.

Như vậy, trên cả nước với địa hình địa mạo đặc trưng đa dạng đã hình thành nên hai vùng đồng bằng châu thổ (Sông Hồng và Sông Cửu Long) và một vùng duyên hải ven biển miền Trung. Ngôi nhà truyền thống ở ba vùng đó đã thể hiện hàng loạt biện pháp ứng phó, khắc phục những bất lợi của tự nhiên, dần thu hẹp khoảng cách chuyển tiếp giữa môi trường bên ngoài với bên trong nhà.

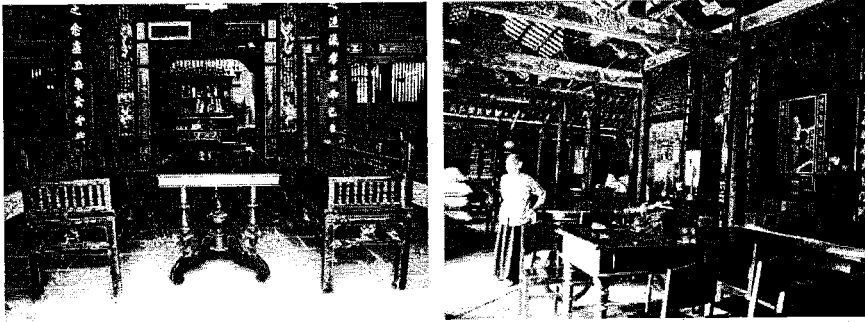
Một số hình thức hiện diện trong kiến trúc nhà ở truyền thống như: tổ chức mặt bằng, cấu tạo khung gỗ; hiên rộng, có vách liếp kết hợp với mặt nước cây xanh làm giảm nhiệt độ; sử dụng vật liệu tại chỗ; sân và hiên nối tiếp nhau như một không gian sinh hoạt chính, đáp ứng được bốn yêu cầu cơ bản: *thực tế, bền chắc, tiết kiệm và có tính thẩm mỹ.*

Bên cạnh giải pháp chung đồng nhất về hệ thống khung sườn chịu lực trong kết cấu nhà ở truyền thống ba miền thì để thích nghi với điều kiện thiên nhiên thay đổi 4 mùa, thời tiết nhiều giông bão, nhà ở đồng bằng châu thổ Sông Hồng dùng các bộ *vì kèo suốt - giá chiêng, vì chông rường - giá chiêng* chịu lực rất chắc chắn. Miền Trung thiên nhiên và khí hậu khắc nghiệt hơn nên “... nhà ở có kết cấu” *kèo chữ thập*”, có cột cái chống đỡ nóc nhà (nhà Rội) hoặc kiểu kèo bốn cây cột có cây “trính” và cây “trông” cầu kết hai cột cái và các cây “xuyên” nối giữa các vì lại với nhau (nhà Rường). Đây là một tổ hợp kết cấu vững chắc có thể đương đầu với bão biển và những cơn lũ lớn.” [60, tr.27].

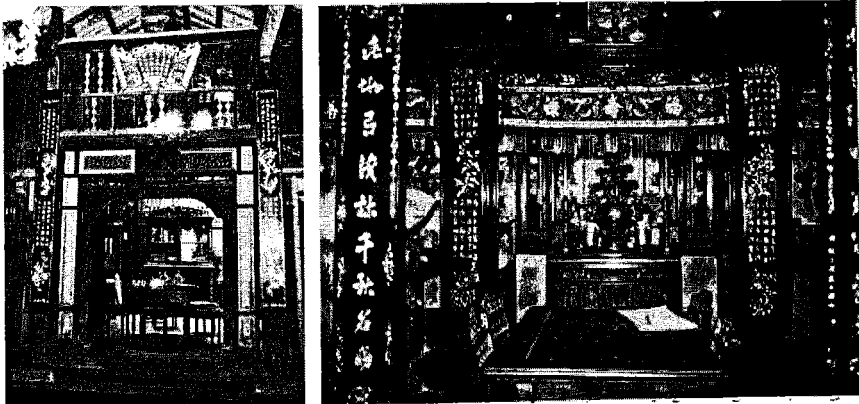
So sánh cấu tạo nhà thích ứng với điều kiện tự nhiên các vùng miền, tác giả Hoàng Đạo Kính viết: “Cấu tạo nhà ở Bắc Bộ và Nam Bộ có sự khác biệt: nhà ở phía Bắc có kết cấu bao che lưỡng tính, bởi nó phải vừa mở tối đa vào mùa hạ và lại vừa khép kín ở chừng mực có thể vào mùa đông. Trong khi đó, kết cấu bao che của nhà ở phía Nam lại mỏng manh, bốn phận của nó chỉ thuần túy che mưa chắn nắng và cản trở mắt nhìn của đồng loại” [22, tr.191].

So sánh giữa các tầng lớp xã hội người nghèo và người giàu cũng có nhiều khác biệt về quy mô, hệ thống khung sườn, vật liệu và yếu tố trang trí... trong nhà ở. Hai tầng lớp tiêu biểu cho xã hội cho thấy cách tổ chức

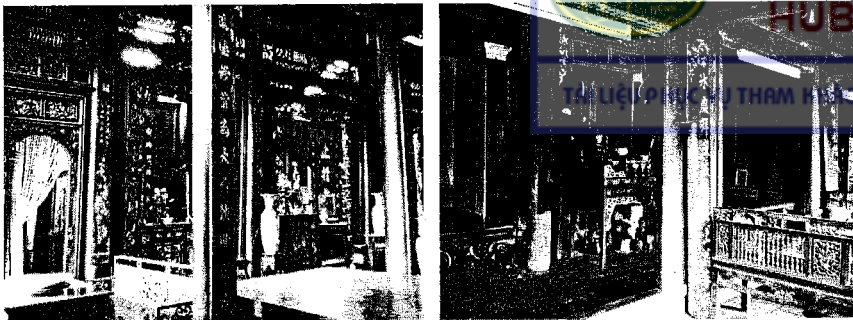
và tiếp cận với thiên nhiên ở mức độ khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế và ý thức, trình độ.



*Hình 2.44. Không gian thờ có hoành phi, câu đối, liễn nhà ông Kiệt - Không gian thờ ở chính Bà Hương, Huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang*



*Hình 2.45. Các chi tiết liễn, hoành phi, câu đối trong gian chính trong nhà ở Tiền Giang và Bình Định*



*Hình 2.46. Không gian thờ với hoành phi, câu đối nhà ông Mỹ, Nhơn Trạch, Đồng Nai và nhà ông Huyền, thôn Mông Phụ, Đường Lâm, Hà Nội*

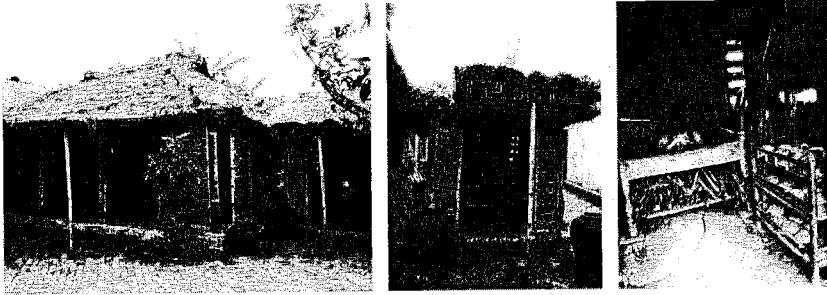


*Nhà ở của người giàu* thường nằm trong khuôn viên có diện tích rộng từ 3 - 5 sào (1.000 - 3.000 m<sup>2</sup>) được bao bọc bởi tường gạch hoặc rào đâm bụi cắt tía, cổng ra vào có mái che lợp ngói, cánh bằng gỗ, bên trong gồm có nhà chính, các nhà phụ, nằm giữa khuôn viên, quay mặt về hướng Nam hoặc Đông, có hiên rộng. Trước có sân gạch, ao cá, vườn cây, các công trình chuồng trại, nhà vệ sinh... Phía vườn trước trồng cây cau, giàn trầu. Kết cấu khung gỗ cao ráo, cửa, đồ đạc có thêm chi tiết hoa văn chạm khắc trang trí. Vật liệu làm nhà có độ bền chắc, bằng gỗ quý.

*Nhà ở người nghèo nông thôn* khuôn viên khu đất nhỏ, diện tích thường chỉ khoảng 1 - 2 sào (350 - 700 m<sup>2</sup>). Phía trước nhà là sân bằng đất đầm chặt, nhà có ao nhỏ hoặc cây ăn trái, trồng rau phía trước sân xung quanh khuôn viên nhà ở trồng các loại cây, hàng rào được làm sơ sài bằng các thanh tre hoặc đẽ trông. Nhà ở cũng chia thành hai không gian nhà chính và nhà phụ. Nhà ở lợp bằng rạ, cối với tường trình bằng đất nhưng có hiệu quả điều hòa nhiệt độ, mát mẻ về mùa hè và ấm áp vào mùa đông. Nhà ít có hiên nếu có thì rất hẹp, chiều cao của ngói nhà khá thấp, các cửa sổ thường nhỏ, hẹp nên thiếu ánh sáng. Nhà ở người nghèo kém tiện nghi, ít chăm chút, nhà cửa, vườn cây so với nhà giàu. Nhà phụ cũng dựng bằng tre nứa, mái lợp rạ, vách phen trát bùn, nền đắp bằng đất. Chuồng trại chăn nuôi sử dụng một phần mái kéo dài của nhà bấp xuống thấp gần mặt đất.

Hiện nay, tại khu trưng bày “Không gian nhà Việt”<sup>1</sup> còn lưu giữ, tái hiện được một số nhà cổ của người giàu có và người nông dân nghèo trong đó đặc biệt có kiến trúc nhà tranh vách đất và phục dựng toàn bộ khuôn viên của bà Phạm Thị Số ở huyện Điện Bàn, Quảng Nam đã tồn tại hơn 102 năm tuổi. Có thể thấy rằng mọi hình thức, giải pháp ứng xử với thiên nhiên trong không gian cư trú ba miền nêu trên đều nhằm mục tiêu thích ứng những thói quen trong lao động và sinh hoạt phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc trưng môi trường thiên nhiên mỗi miền: Bắc Bộ thích ứng với địa hình đất trũng, Trung Bộ thích ứng với vùng khí hậu nắng nóng, nhiều gió bão, Nam Bộ thích ứng với điều kiện sông nước.

<sup>1</sup> Công trình *Bảo tàng - Làng Nghề - Trạm dừng chân* của công ty Vina House, Km 950, Quốc lộ 1A, Điện Minh, Điện Bàn, Quảng Nam.



Hình 2.47. Hiên cửa mở hết mặt nhà, bếp có hiên, vách trát đất pha rơm



Hình 2.48. Bố trí đồ đạc nội thất, cột gỗ xoan, vách tre trát đất, sàn đất nện



Hình 2.49. Cột gỗ, vì kèo tre, mái lợp rơm rạ. Vách phên đan bằng tre



Hình 2.50. Góc bếp và các ô thông khí kết hợp lấy sáng vách sau bếp

Với việc khảo sát và phân tích một số không gian ở truyền thống tiêu biểu của ba miền, có thể rút ra một số đặc điểm về tổ chức mặt bằng, bố cục khuôn viên ở, các thành phần kiến trúc trong ngôi nhà, trang trí nội ngoại thất cũng như các yếu tố thiên nhiên tự nhiên và thiên nhiên có con người tác động, khắc chế các yếu tố đất, nước, nắng, gió, cây xanh, thảm thực vật... trong không gian ở nhằm điều hòa khí hậu, khai thác những giá trị kinh tế, đời sống tinh thần cho cư dân. Mặt khác cũng phản ánh những sắc thái đa dạng trong diện mạo kiến trúc truyền thống bởi những khác biệt về văn hóa, tư duy, phong tục tập quán sinh hoạt... của cư dân ở các vùng miền trong việc ứng phó với nghịch cảnh bất lợi, tính chất cân bằng, khép kín và tự điều chỉnh trong khai thác thiên nhiên để đáp ứng nhu cầu thiết thực của cuộc sống.

Bản thân các yếu tố thiên nhiên luôn chứa đựng tính chất lành và họa, thuận lợi và hiểm nguy, tác động thường xuyên đến cuộc sống con người. Nếu mặt nước từ sông ngòi, ao hồ hàng ngày, giúp tưới tiêu, điều hòa khí hậu, giao thông... thì nước nhiều lại tiềm ẩn nguy cơ gây lụt lội, lũ quét, đi lại khó khăn nên phải làm nhà nổi, làm cầu qua sông ngòi... Con người tiếp nhận, chuyển hoá tự nhiên, khai thác những mặt tích cực - mặt lành, hạn chế tối đa mặt tiêu cực, tác hại - mặt dữ, ứng phó một cách hợp lý, khai Chính từ sự tương hợp hay khắc chế này mà con người tích lũy được nhiều kinh nghiệm và tiến tới thuần phục thiên nhiên.



## Chương 3

# MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN QUA KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

### 3.1. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THIÊN NHIÊN SẴN CÓ

#### 3.1.1. Sử dụng hiệu quả tiềm năng của thiên nhiên

##### 3.1.1.1. Ứng xử với đất

Người Việt Nam dùng hai chữ *đất nước* để chỉ Tổ quốc mình. Đất và nước là hai thành tố thiên nhiên quan trọng nhất trong sự cấu thành một quốc gia. Cũng như cư dân nhiều quốc gia phương Đông khác, người Việt sống chủ yếu bằng việc canh tác lúa trên đồng ruộng. Đất và người gắn bó hữu cơ từ đời này qua đời khác. Trong *Văn minh vật chất của người Việt*, tác giả Phan Cẩm Thượng đã viết: “Nền văn minh vật chất của người Việt là nền văn minh sinh ra từ đất, tất cả từ đất, mọi đồ vật sản vật đều có quan hệ với đất nước của mình... quá trình sống với đất, thổ mộc là hai nghề đầu tiên, rồi sinh ra các nghề khác, làm nhà đất, chôn chôn mồ đất...” [51, tr. 605]. Đất vừa là yếu tố vật chất cụ thể, lại vừa là thuộc tính tinh thần gắn liền với ý thức chủ quyền của người Việt, biểu thị tinh thần dân tộc, là khẳng định quốc gia, bờ cõi.

Đất - nơi trú ngụ của con người, gắn liền với nếp sống nông nghiệp. Đất có lành có dữ, nhưng trong quá trình lập làng, xây nhà, người Việt đã tích lũy những tri thức, kinh nghiệm thích ứng và tận dụng địa hình địa thế đất, tài nguyên thiên nhiên “đất lành chim đậu” làm nơi cư ngụ. Chọn những vùng đất bồi, đất gò cao ráo màu mỡ để ổn định nền móng và hưởng được nguồn khí tốt lành của tự nhiên. Tính toán cân trọng diện tích xây dựng trong quỹ đất mình có với khoảng sân, vườn, ao, công trình phụ... tạo một tổng thể hài hòa và mà vẫn đầy đủ các không gian

chức năng cần thiết. Có nhiều giải pháp để gia cố, xử lý nền đất có độ cứng, tôn cao tạo sự khô ráo và chắc chắn cho nền móng công trình trước khi xây dựng nhà. Phủ xanh bằng hệ thực vật để giữ đất, tạo cảnh trí làm tăng giá trị khu đất và ngôi nhà.

### 3.1.1.2. Ứng xử với nước

Không có nước thì không có sự sống, con người, cây cỏ và các động vật đều không thể tồn tại.

Yếu tố nước chi phối và ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện sinh sống cũng như tâm lý, thói quen của con người. Vì vậy họ đã chọn định cư ở những nơi gần sông để có điều kiện phát triển trù phú. Từ thực tiễn của đời sống sông nước hoặc từ việc phải ứng phó, chế ngự và chinh phục nước... người dân đã rút được nhiều kinh nghiệm để nước luôn là thành tố có ích. Sông hồ, ao giếng là những nguồn lợi thiên nhiên đơn giản nhưng lại vô cùng hữu hiệu. Một trong những ví dụ về cách thích nghi, sử dụng thế mạnh thiên nhiên sẵn có trong nơi ở của người Việt, đó là cái ao và cái giếng làng.

Ao chiếm vị trí quan trọng trong không gian cư trú cũng như trong khuôn viên nhà ở của người Việt Bắc Bộ. Ao hồ hay mặt nước, ngoài chức năng đáp ứng nhu cầu cuộc sống thường ngày, tạo sự cân bằng môi trường sinh thái còn thể hiện thế cân bằng âm dương bởi kiến trúc (cao) được xem là dương, mặt nước (thấp) mang yếu tố âm. Cái ao cho thấy một vòng luân chuyển sinh thái giữa đất - nước - cây xanh và con người. Con người đã biết khéo léo tận dụng địa hình vùng trũng, môi trường thiên nhiên để biến những điều không thuận lợi (dịch chuyển đất từ thấp lên cao) thành những thuận lợi (đắp nền làm nhà, đào ao thả cá). Dùng thiên nhiên để cải biến thiên nhiên (dùng mặt nước làm mát, điều hòa khí hậu, cung cấp thực phẩm...).

Một số ao hình thành tự nhiên, còn lại phần lớn do con người đào để dự trữ nước. Vùng đồng bằng địa hình đất thấp trũng, người ta đào đất lên đắp đê hay vượt nền làm nhà cho cao ráo, tránh ngập úng, phần trũng còn lại tận dụng làm ao. Ao thường được đặt ở vị trí thấp nhất, nằm phía đầu ngọn gió để làm mát luồng gió từ bên ngoài trước khi thổi vào nhà. Ao cung cấp nguồn nước cho sinh hoạt, tưới tiêu, điều hòa nhiệt độ. Dưới nước nuôi tôm cá, tạo nguồn thực phẩm, làm kinh tế phụ.

Trong các làng cổ ở châu thổ Sông Hồng, ao cùng với lũy tre được quy hoạch liên kết như một yếu tố bảo vệ. Với hàng rào tre là lũy và ao ngòi là hào bảo vệ nhà ở, giữ xóm làng. Ao, hồ là một ví dụ minh chứng về khả năng tận dụng, khai thác một cách toàn diện, hiệu quả điều kiện địa hình, thổ nhưỡng trong khuôn viên nhà ở của người Việt. “Ao là một phát minh kỳ lạ về mặt sinh thái của văn minh cư trú Việt: cư dân đào ao lấy đất đắp nền, lấy nơi thả bèo và thả cá, tắm giặt, thoát nước mưa, làm mát không khí” [22, tr. 190]. Đó là cách làm thiết thực, linh hoạt và sáng tạo, thể hiện tính cần cù, năng động trong cuộc sống của người Việt.

Ở những vùng đất gò cao như thôn Mông Phụ, làng Đường Lâm, vị trí cao khó đào ao và vì sợ đào sẽ đục long mạch nên chỉ có một số ao lớn ở rìa làng. Thay vào đó làng có hệ thống giếng khơi được xây dựng khá hoàn chỉnh bề thế. Mỗi xóm có một giếng mang tên của xóm (như giếng Giang, giếng Sui, giếng Xây) vẫn còn được dùng đến nay. Giếng nước trong các kiến trúc nhà ở truyền thống và giếng làng giải quyết nguồn nước sạch, đồng thời cũng là nơi tụ họp mang đậm chất văn hóa của các làng quê Bắc Bộ.

Một ví dụ khác tận dụng địa thế, địa hình để phục vụ cho cuộc sống con người. Đó là làng gốm cổ Phước Tích (Thừa Thiên Huế). Làng nằm trên một khoảng đất cao hơn xung quanh gọi là Cồn Dương, ba phía được con sông Ô Lâu quanh co, uốn khúc bao bọc. Các công trình lớn, các con đường dọc ngang trong làng, các thiết chế tín ngưỡng như chùa, nhà thờ họ... phần lớn đều hướng ra mặt sông. Diện tích đất không đủ canh tác khiến người Phước Tích xưa phải có thêm nghề gốm từ khi dựng làng, dùng con sông làm đường giao thông chính để chuyên chở nguyên liệu và trao đổi hàng hóa. Thế đất và ranh giới hạn hẹp đã tác động đến cách tổ chức quy hoạch và cơ cấu sinh sống của làng. Tác giả Hoàng Đạo Kính đã viết về làng Phước Tích; "... cái trục sinh - tử ranh giới bởi con sông Ô Lâu đã tạo cho Phước tích một nét đặc trưng, không hề bắt gặp bất cứ nơi nào khác... Phước Tích là một ví dụ kiệt xuất của sự chung sống lâu dài và lâu bền giữa con người và thiên nhiên." [23, tr.134].

### **3.1.1.3. Ứng xử với khí hậu**

Người Việt đã đúc kết nhiều kinh nghiệm từ chọn đất chọn hướng làm nhà đến tránh nắng gió, mưa bão. Câu thành ngữ “Lấy vợ hiền hòa, làm nhà

hướng Nam” khuyến cáo việc chọn hướng nhà. Câu “Một trăm kẻ quạt hầu không bằng ngồi đầu ngọn gió” nói lên giá trị của làn gió tự nhiên, v.v...

Vốn gần biển, nằm trong khu vực gió mùa nên trong bốn hướng chỉ có hướng Nam là tránh được nắng chiều hướng Tây (nắng xiên khoai), gió lạnh từ phương Bắc (gió mùa Đông Bắc), bão từ phía Đông và hứng được gió nồm thổi đến từ phía Nam vào mùa hè nắng nóng. Số giờ nắng trung bình trong năm khá cao và trải đều khắp các vùng, đem lại nguồn lợi lớn về nhiệt, chiếu sáng, phơi phóng, diệt khuẩn giảm ẩm ướt, chống nấm mốc, mối mọt, giúp cho nhà ở tiết kiệm năng lượng.

Ngoài hướng nhà, hàng loạt các biện pháp sáng tạo, linh hoạt nhằm làm cho ngôi nhà và khuôn viên sống thích nghi với khí hậu khắc nghiệt đã được người Việt sáng tạo và hoàn thiện trong suốt quá trình dài của lịch sử. Làm mái nhiều lớp, đưa xa chân cột, chân tường, hiên rộng, có gai, liếp cố định hoặc di động, dàn dây leo trước sân và cây quanh nhà để chống nắng. Cửa mở suốt các gian để gió lùa vào thông thoáng và lấy sáng, trồng cau thân cao tán nhỏ trước sân để đón gió mát, trồng chuối thân thấp tán rộng che sau nhà giữ cho đất ẩm và ngăn gió lạnh v.v...

Trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, đầy biến động, người Việt đã tận dụng các mặt lợi của địa hình, thổ nhưỡng, tài nguyên để giữ sự cân bằng, ổn định môi trường sinh thái, tạo sự hòa hợp với thiên nhiên trong khả năng có thể. Điều kiện thiên nhiên các vùng đồng bằng xa rừng núi, không còn những mối đe dọa từ lũ quét, thú dữ. Nhà ở thường dàn trải theo phương ngang trên mặt đất, ẩn mình trong những rặng cây, lũy tre, bên những mặt nước ao hồ, sông ngòi để tận dụng không khí mát mẻ. Người dân phòng tránh bất lợi của khí hậu không chỉ trong môi trường sống mà còn cả trong việc mưu sinh. Ví dụ ở làng rền Hiền Lương, (xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, Huế) dân làng chọn làm nhà hướng Tây Nam để thuận tiện cho nghề rền vì tránh được gió Lào (gió phơn) và cũng phòng tránh được hỏa hoạn.

Đặc điểm địa hình cư trú ở Tây Nam Bộ phần lớn là vùng sông nước, ngôi nhà của người Việt nơi đây gắn liền với môi trường đất ngập nước. Nhà ở vì thế có nhiều giải pháp để chống ẩm ướt, ngập úng, hình thành sắc thái riêng trong tập quán canh tác, xây dựng nơi cư trú và tâm thức ứng xử với tự nhiên.

### 3.1.1.4. Ứng xử với hệ thực vật

#### a) Các loại cây trong vườn nhà

Cây trong vườn đa dạng: cây ăn trái, cây rau củ, cây cảnh, cây làm thuốc, cây lấy gỗ. Cây là nguồn lợi kinh tế quan trọng, là yếu tố trung gian liên kết đất, nước, nắng gió để điều hòa khí hậu, cảnh quan, tạo nên sự hài hòa giữa kiến trúc và môi trường. Người dân Bắc bộ dùng đất tiết kiệm, chọn đúng các giống cây phù hợp với chất đất quê mình để cho năng suất và hiệu quả cao, nhờ vậy mới có nhãn Hưng Yên, mít Phúc Thọ, bưởi Diễn, hồng xiêm Xuân Đình v.v... cảnh quan, “tre, cau, rau, củ” đã ăn sâu vào tâm thức người nông dân xưa.

Thiên nhiên mỗi vùng miền do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, cách lựa chọn ứng xử nên có những sắc thái đặc trưng riêng. Vườn Bắc Bộ là loại *vườn tổng hợp*, vườn Trung Bộ là *vườn rừng* và vườn Nam Bộ là loại *vườn chuyên canh*. Nói về những sự khác biệt này, tác giả Trần Quốc Vượng cho rằng: “vườn xứ Huế, vườn miền Trung đã mang lại một sắc thái văn hóa khác biệt với vườn miền Bắc, vườn miền Nam. Nếu vườn miền Bắc gắn với ao có rào giậu, cây ăn quả, cây rau dưa được trồng trọt ngay hàng thẳng lối, thì vườn miền Nam gắn với rạch, với kỹ thuật đặc biệt “lên líp” (lên liếp) trồng cây ăn trái và vườn xứ Huế, vườn miền Trung gắn với đồi gò, mang sắc thái trung du, nó còn vang bóng tính phồn tạp của rừng nhiệt đới ẩm.

Nhà và vườn ở Huế là hai thực thể, hai không gian liên kết trong điều kiện thời tiết bất lợi như mưa gió, lụt bão, khô nóng. Ở một khía cạnh khác, “Khu vườn còn hàm chứa những chứng tích của quá trình ứng xử, sáng tạo, điều chỉnh, giao lưu, tiếp biến... trước thiên nhiên, xã hội và văn hóa tộc người, văn hóa khu vực hoặc trên quy mô rộng hơn nữa” [46, tr.20]. Không gian vườn chính là mảng xanh của tâm hồn, là nguồn cảm hứng cho cầm, kỳ, thi, họa, là nhu cầu giao tiếp trao gửi tình cảm giữa người và muôn vật. Người dân xứ Huế sống nặng về nội tâm, hoài niệm, lắng đọng chiều sâu tâm hồn có lẽ một phần bởi tác động của thiên nhiên.

Người Nam Bộ trồng vườn dạng chuyên canh. Cây như một loại hàng hóa, khi già cỗi không còn năng suất có thể chặt để chuyển đổi sang loại cây khác hiệu quả hơn, thể hiện sự năng động, tính thiết thực. Trong khi



đó ở Bắc và Trung Bộ, trồng cây phải khó nhọc nên không thể dễ dàng bỏ đi, do vậy hình thành những vườn cây tạp nhiều tầng nhiều lớp như ở nhà vườn Huế và vườn tổng hợp như ở Bắc Bộ.

*b) Kinh tế gia đình tự cung tự cấp, khép kín trong khuôn viên nhà ở*

Từ việc ứng xử với một số yếu tố thiên nhiên trên đây thì người Việt đã kết hợp giải quyết mối quan hệ giữa nhà ở - trồng lúa - làm kinh tế phụ qua nhiều hình thức tổ hợp như mô hình *Vườn - Ao - Chuồng* (VAC) có tính tổng hợp từ đất, nước, cây xanh rất phổ biến ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, là một ví dụ về việc khai thác và sử dụng hiệu quả thiên nhiên kết hợp với khắc phục địa hình bất lợi (vùng đất trũng, ngập úng). Mô hình được tổ chức theo nguyên tắc tận dụng tối đa các nguồn lợi sẵn có từ thiên nhiên mà ao vườn là đối tượng chính. Trong tổ hợp này, ao gia đình là một điển hình về vòng luân chuyển sinh thái khép kín. Dưới góc độ sinh thái, mọi đối tượng sinh sống (con người, cây cỏ, vật nuôi...) đều được xem là một quần xã sinh học, vòng tuần hoàn vật chất cân bằng và ổn định [43]. Đây có thể được coi là mô hình kinh tế phong kiến tiểu nông theo chế độ tự cung tự cấp hoàn thiện nhất.

Quan sát mô hình này có thể thấy: rau cỏ trong vườn, bèo và các loại cây thủy sinh dưới ao được dùng làm thức ăn cho gia súc. Cây lá từ ruộng, vườn và chất thải của người và gia súc được ủ thành phân bón ruộng (cải thiện đất). Khí sinh ra trong quá trình phân hủy chất hữu cơ cùng với cây khô được dùng làm chất đốt. Sản phẩm phụ từ lúa, thực phẩm thừa được dùng làm thức ăn cho cá... Trong kiến trúc nhà ở truyền thống, ngoài đồng ruộng, nơi nào cũng là chu trình khép kín. Trong *Văn hóa kiến trúc* tác giả Hoàng Đạo Kính đã đúc kết (tr.119): "... không gian nhà Việt cổ truyền được triển khai theo sơ đồ khép kín. Cuộc sống cũng diễn ra theo sơ đồ khép kín. Đầu vào và đầu ra cùng một nơi. Mọi chất thải đều tiêu tan tại chỗ hoặc ngay trên cánh đồng làng. Kiến trúc hầu hết có nguồn gốc hữu cơ, không có móng, cũng tự xóa dấu vết. Thiên nhiên bị dùng cả ngàn vạn năm và trăm kiếp, ít bị suy chuyển".

*c) Các loại cây lấy gỗ làm vật liệu xây dựng*

Kiến trúc cổ truyền Việt Nam được tạo dựng từ nguồn thảo mộc phong phú có sẵn trong thiên nhiên. Các loại cây thân gỗ như mít, xoan,

tre... từ vườn làm cày, vai trâu, gầu tát nước, vật liệu đan lát nong, nia, dân, sàng và nhiều dụng cụ khác.

Nhà dân gian Việt Nam thường được xây bằng những vật liệu gỗ, mây, tre, nứa, lá cọ, lá dừa... được khai thác từ nguồn sẵn có ở địa phương hoặc từ các nơi tiện đường chuyên chở. Những vật liệu này khi sử dụng rất gần gũi và hòa nhập với môi trường sinh thái và con người, có sức bền và độ chịu lực cao, và có thể dễ dàng tìm thấy trong môi trường sống xung quanh.

Một ngôi nhà bằng gỗ, được lắp ráp theo các cột, dầm, và mái nhà, có thể được cố định một cách dễ dàng ngay cả khi nó bị tác động nào đó từ bên ngoài, có thể là do hỏa hoạn hoặc ngoại lực. Tác giả Đào Duy Anh trong *Văn hóa sử cương* đã kể về nếp nhà quê xưa như sau: “Nhà ở của người nhà quê, kể hạng trung bình trở xuống thì đều làm bằng vật liệu thổ sản, như cột kèo bằng tre hay gỗ nhất là gỗ xoan, là những thứ có thể lấy trong vườn, trong làng, mái nhà thì lợp bằng rơm ở ruộng. Những vật phải mua ở ngoài là mây, nứa, cót, đôi khi là đá tảng, và các đồ đạc khác dùng trong nhà, giường, phản, rương hòm...” (tr.72). Bằng phương pháp gia công truyền thống, những vật liệu này tỏ ra rất hữu hiệu trong việc chống nóng trong mùa hè, giữ ấm trong mùa đông và chống lại những bất lợi thời tiết khác từ thiên nhiên, khí hậu.

*Vật liệu gỗ*: kết cấu bộ khung, cột của một ngôi nhà được xem là quan trọng nhất trong kiến trúc nhà ở. Các bộ khung này đều được làm từ các loại gỗ lấy trong rừng như Lim, Gụ, Sến, Táu, Vàng Tâm, Trò, Nghiến... hoặc gỗ trồng tại nhà như gỗ Xoan, Mít... Sau khi đã ngâm tẩm, sấy khô, chống mối mọt, trên bề mặt gỗ còn được soi khắc, chạm lộng các chi tiết trang trí trên các thành phần kiến trúc và nội thất, trong các sản phẩm đồ đạc như bàn, ghế, tủ, giường... làm tăng giá trị thẩm mỹ cho ngôi nhà. Trong các ngôi nhà có quy mô lớn của gia đình khá giả thường dùng các loại gỗ quý từ rừng như nhóm tứ thiết: đinh, lim, sến, táu hoặc thông dụng là trám, dẻ, sồi, giổi, chai... Các ngôi nhà thông thường khác sử dụng một phần gỗ trồng trong vườn như gỗ Mít, Xoan... chủ yếu làm hệ thống khung nhà với chức năng chịu lực cùng các cửa đi, cửa sổ và đồ đạc nội thất. “Người Việt, quen sử dụng tre và gỗ, tiền của chẳng bao giờ dư, đất chưa bao giờ rộng, đã kiến tạo nên cái kiểu nhà gỗ 3 - 5 gian

muôn năm của mình, chịu đựng lâu bền mọi thứ, đáp ứng tàm tàm đủ thứ, mà từ cấu tạo đến bài trí, - chẳng có gì thừa... to và nhỏ, sang và hèn, đều khởi đầu và kết thúc bởi tre và gỗ.”

*Vật liệu tre nứa:* tre, tranh, nứa, lá, những vật liệu để xây nhà dạng thô sơ “nhà tranh vách đất” thuở ban đầu của người Việt, họ dùng tre làm hệ thống khung sườn chịu lực, cột, kèo, đòn tay, rui mè, cốt vách, phen gai, cửa, đồ đạc với kỹ thuật liên kết ngoãm, con xỏ, cột buộc, đan tết... tuy đơn giản mà vẫn chắc chắn. Các loại lá dùng để lợp phổ biến ở cả vùng đồng bằng, trung du và miền núi, các loại cỏ tranh, rom rạ, lá dừa, lá cọ... có thể kết hợp với đất sét để tăng thêm khả năng cách nhiệt chống nóng, chống cháy, kéo dài tuổi thọ cho ngôi nhà. Người ta còn tìm cách sáng tạo những vật liệu thô sơ, mộc mạc từ thiên nhiên, chọn và phối hợp các vật liệu gốc thảo mộc, dùng kỹ thuật đan ghép, xử lý bề mặt vật liệu tạo khe, lỗ trống... để có thể vừa chống nắng nóng, ẩm mốc, vừa cách nhiệt và thông khí hữu hiệu. Ví dụ nhà ông Hoàng Đình Phương xã Hương Trà, Huế dùng phen tre, trộn hỗn hợp phân trâu và rom nghiền nát phết lên hai bên mặt làm cửa và phen liếp.



Hình 3.1. Phen đan tre rom trộn phân trâu - nhà ông Hoàng Đình Phương ở Hương Trà, Huế

*Vật liệu đất:* nhà dân gian thường dùng đất trộn với rom để trát vách tường hay làm lớp lót phía dưới phần mái (nhà lá mái Trung Bộ), giúp chống cháy, chống nóng tốt. Nền nhà dùng đất nện cho cứng hoặc lót gạch mộc (không qua nung) tạo sự mát mẻ vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông. Đất còn được dùng làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói, gạch trang trí, hình thành chất liệu gốm riêng của từng vùng. Những vùng không

được thiên nhiên ưu đãi, đất trộn rom, trấu được sử dụng làm tường nhà hay hàng rào quanh vườn. Đất lấy từ ruộng, từ ao vườn trong khuôn viên, trộn thêm rom, trấu, nhào bằng chân hay để trấu dầm rồi dùng khuôn gỗ đập từng lớp theo chiều dài tường, có mặt tường trong nhẵn, quét vôi trắng. Nhiều nhà ở vùng châu thổ Bắc Bộ còn láng một lượt vữa bằng vôi sò dưới mái rom dày, chống nóng, chống cháy đều rất hiệu quả,

Một số nơi sử dụng đất nung hoặc đá được sản xuất từ các làng gốm nổi tiếng như Thổ Hà (Hà Bắc), Bát Tràng (Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Long Thọ (Thừa Thiên). Chất liệu gạch mộc dùng để xây trụ, cột, lát sàn nhà, sân, làm ngói, ốp tường. Thời Nguyễn có loại ngói tráng men dùng làm chỉ diềm, viền gờ mái tạo vẻ sang trọng, bề thế cho ngôi nhà.

*Vật liệu đá:* nhiều địa phương có sẵn nguồn đá thiên nhiên như đá ong, đá xanh, đá sò được khai thác và sử dụng rất hiệu quả tạo dựng ngôi nhà mang tính bền vững mà vẫn dung dị. Đá vôi, đá ong, đá xám... được sử dụng làm bậc thềm, chân tảng, cột, tường rào... Đá ong được sử dụng nhiều vì tính năng mềm khi mới vừa được khai thác nên dễ tạo dáng. Khi tiếp xúc lâu với không khí, đá ong trở nên rắn chắc, có khả năng chống chọi với thiên nhiên nên được dùng để xây móng, làm tường nhà, cổng nhà. Bề mặt đá ong có thể là chất liệu tạo được thẩm mỹ cho công trình, không cần đến một loại vật liệu phụ nào bao che bên ngoài. Theo thời gian, tự thân nó sẽ toát lên vẻ đẹp mộc mạc, bình dị. Các vật liệu nói trên được sử dụng kết hợp với nhau tùy theo điều kiện kinh tế, nhu cầu sử dụng, qui mô ngôi nhà và môi trường khí hậu ở mỗi địa phương. Phương thức sinh hoạt, tổ chức cuộc sống mỗi miền có khác nhau nhưng mục đích cuối cùng là ngôi nhà có thể thích ứng với mọi điều kiện thiên nhiên, cho thấy cách thực ứng xử với thiên nhiên của người Việt từ không gian cư trú của mình có chiều sâu và chiều hướng bền vững.

Người xưa sử dụng vật liệu gốc thiên nhiên nhưng không triệt tiêu nguồn tái tạo ra các vật liệu, ý thức được nguồn nguyên liệu từ thiên nhiên có hạn, phải vun trồng nhân rộng cây xanh để đáp ứng nhu cầu cuộc sống của con người. Bên cạnh việc chọn lựa, tích góp những cây gỗ lâu năm trong rừng để dành làm nhà thì trong vườn nhà cũng dành một phần để trồng cây lâu năm lấy gỗ như Xoan, Mít. Khai thác và tái sinh nguồn vật liệu từ thiên nhiên được lưu truyền trong dân gian.

### 3.1.2. Khai thác giá trị tinh thần và thẩm mỹ từ thiên nhiên

Không chỉ tính đến giá trị về công năng về mặt vật chất mà tâm thức người Việt vẫn ưa chuộng và hướng đến cái đẹp thể hiện khá nổi bật trong không gian cư trú truyền thống. Từ những giá trị về công năng, người Việt với đôi tay khéo léo đã biến đổi, nâng cao giá trị thẩm mỹ thông qua ngôn ngữ, hình thức được chất lọc, sáng tạo từ thiên nhiên. Kiến trúc truyền thống không chỉ quan tâm đến phần kiến trúc nhà ở thích hợp với môi trường mà còn chú trọng đến hình thức, yếu tố thẩm mỹ.

Hành vi ứng xử của người Việt luôn gắn liền với sự *tiện ích, thích dụng* theo đúng ý nghĩa sâu xa của nó. Quan niệm về thẩm mỹ, ý thức tạo ra cái đẹp có thể bắt nguồn từ sự nghèo khó nên phần nào ảnh hưởng đến nhận thức của người xưa về cái đẹp: Cái đẹp *thuần phác, mộc mạc, giản dị, khiêm nhường*, là những thuộc tính thẩm mỹ của kiến trúc truyền thống. Ngôi nhà có vẻ đẹp từ bề mặt tự nhiên với màu sắc nền nã tự thân của vật liệu, chủ đạo vẫn là màu nâu non của bùn đất phù hợp với người dân “chân lấm, tay bùn”. Ngoài ngôi nhà chính, các chi tiết cổng ngõ, bệ cạp, bình phong, giàn cây hoa... là sự phối hợp chuyển tiếp giữa nội thất và cảnh trí sân vườn bên ngoài thành một tổng thể hài hòa, đó là một đặc trưng của kiến trúc truyền thống.

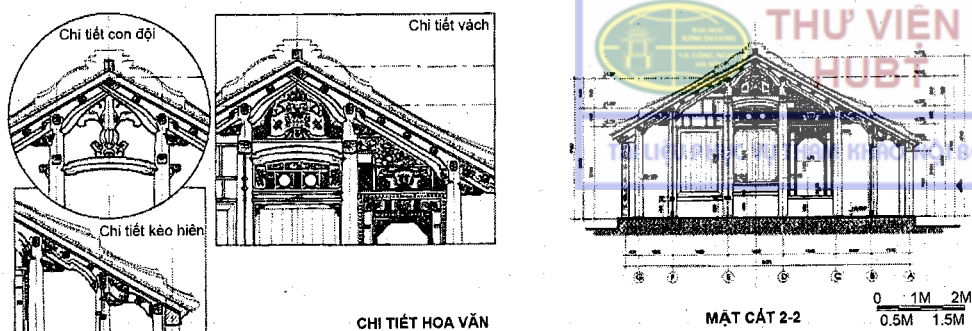
Những quy luật tạo hình và nguyên tắc bố cục hình khối trong kiến trúc luôn tác động đến mỹ cảm của con người và phản ánh được giá trị của các công trình. Kiến trúc nhà ở truyền thống Việt Nam thể hiện nhiều nguyên tắc bố cục, vận dụng tỷ lệ hình khối đa dạng, trong đó mỗi hình khối, bố cục không gian đều xuất phát từ những yêu cầu về chức năng sử dụng. Đồng thời, sự cân xứng của không gian quy định các cụm kiến trúc, các công trình phải có bố cục phù hợp với nguyên tắc phong thủy và những triết lý - tâm linh nhất định.

Vẻ đẹp của ngôi nhà Việt ẩn chứa trong bộ khung, tre hoặc gỗ. Nhà miền Bắc có những cột gỗ, xà ngang lớn, nặng chắc, chi tiết trang trí chạm khắc bám vào cấu kiện. Bộ khung nhà miền Trung thanh thoát hơn nhờ bộ cột thanh mảnh, vươn theo chiều cao, chạm khắc mỏng, nhẹ nhàng như dải đăng ten hoa lá trên vì kèo, dui mè... trang trí có sự giảm thiểu về lực nén để tăng cảm giác bay bổng, tạo cho diện mạo kiến trúc có những nét thanh tao và độc đáo. Nhà Nam Bộ ít cầu kỳ, thực tế hơn nhưng không vì thế mà

kém phần thẩm mỹ. Ở nhiều gia đình khá giả, tất cả cột kèo, rầm ngang, xà dọc, đồ đạc được trạm trổ, trên các bao lam, liễn, hoành phi hay đồ thờ cúng được cẩn xà cừ, sơn son thếp vàng “Dù thuộc giới thượng lưu hay bình dân người Việt đồng bằng sông Cửu Long rất chuộng treo trong nhà những bức tranh thêu tay thể hiện cảnh non nước, làng xóm thanh bình, đất trời biến hóa, hoặc các bức liễn giấy vẽ tranh truyện dân gian có nội dung đề cao sự nhân nghĩa, hiếu thảo, thủy chung... vì đó chính là khát vọng và quan niệm sống của cư dân” [60, tr.42].

Tranh, tượng, trang trí nội ngoại thất gắn với thiên nhiên, cũng là thành phần không thể thiếu trong ngôi nhà ở truyền thống. Tâm thức gắn bó với thiên nhiên được thể hiện trên những hình tượng nghệ thuật đầy tính biểu trưng, chứa đựng những hoài bão, ước vọng ngàn đời của các gia đình, dòng họ, của cộng đồng cư dân nông nghiệp - ước nguyện cuộc sống an lành, mưa thuận gió hòa (biểu tượng rồng - mây), được mùa, cây cối tươi tốt, sinh nhiều con cháu nối dõi tông đường (biểu tượng quả Na, quả Lựu, Nho...).

Biểu trưng cho tính cách, khí phách, cố gắng vươn lên làm bậc bậc quân tử trong dân gian có các bộ tranh tứ quý, (với hình tượng đào, sen, liễu, tùng), vẽ đẹp của thời gian với cảnh tứ thời xuân- hạ- thu- đông (hình tượng mai, lan, cúc, trúc) v.v. Tuy nhiên, các motif hoa văn trang trí bị lặp đi lặp lại một số mẫu sẵn có, theo sự thuộc lòng của người chế tác “xưa bày, nay làm”. Những chế tác mới thường ít có thay đổi, nếu có chỉ khác nhau ở kỹ thuật, tay nghề chế tác của nghệ nhân.



**Hình 3.2.** Chi tiết trang trí trên vì kèo nhà ông Võ Đệ, xã Tam Dân, Đền Trung, Quảng Nam

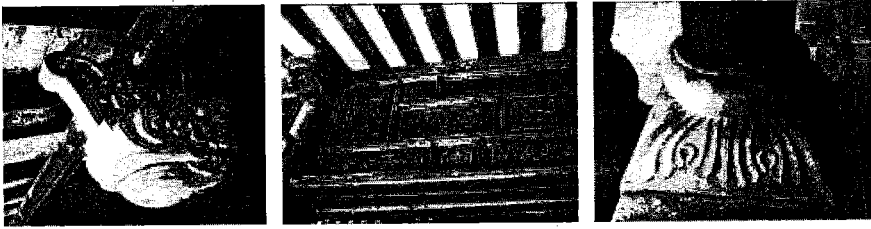
Nguồn [12]

Mô típ trang trí kiến trúc thường gắn với đề tài về thiên nhiên đã được in sâu trong tiềm thức. Các nghệ nhân đã nắm bắt những thuộc tính, hình dáng, màu sắc... đặc trưng của thiên nhiên để có thể khéo léo mô phỏng, chuyển tải thành ngôn ngữ trang trí mang *tính biểu tượng* trên các thành phần kiến trúc và đồ đạc nhà ở. Trong mỹ thuật và trang trí, người Việt đã sáng tạo nhiều ý tưởng độc đáo lấy cảm hứng từ đề tài thiên nhiên.

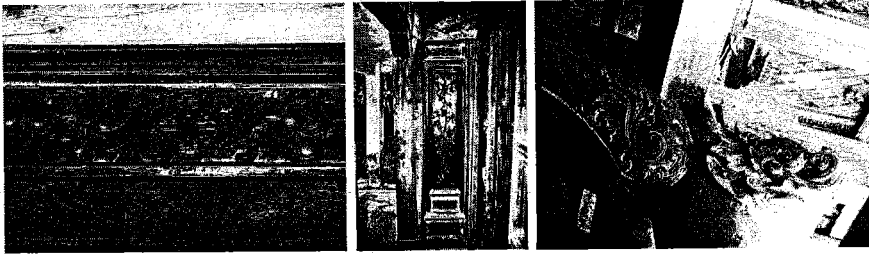
Một số đề tài về thiên nhiên trong tranh tượng trang trí kiến trúc nhà ở truyền thống ở ba miền hàm chứa đầy ý nghĩa, triết lý, nó nuôi dưỡng nên giá trị tinh thần gắn bó với cộng đồng, như tam đa, ông địa, ông phỗng. Chẳng hạn đề tài *Tứ thời* tượng trưng cho bốn mùa: Xuân (Mai, Đào), Hạ (Lan, Sen), Thu (Cúc, Liễu), Đông (Tùng, Trúc) khá quen thuộc với người dân Việt. Trang trí Tứ thời ở ngoại thất bằng chất liệu vôi vữa là các bích họa và khảm sành sứ trên nóc mái, đầu hồi, bệ cạp. Trong nội thất là chạm khắc trên gỗ và bích họa trên tường, hay tranh đơn treo ở các vị trí trang trọng.

Các kiểu thức Tứ thời cũng được bố cục trong các ô học, đường diềm, gờ mái, các góc trụ cửa, các đầu hồi, nhưng nổi bật nhất là các ô học panô lớn ở các cổng chính. *Tứ thời* phản ánh khá sâu đậm mỹ cảm và khát vọng, mong ước về cuộc sống quý phái, trang nhã, về sự hoà nhập giữa con người với vũ trụ và thiên nhiên. Bộ đề tài tứ thời có nhiều kiểu thức sinh động, với các tên gọi có ý nghĩa tượng trưng khác nhau.

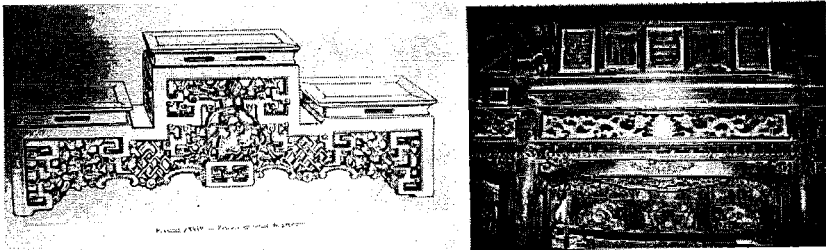
Tiếp cận với thiên nhiên qua phong cảnh núi non, sông suối, hoa cỏ... lâu dần thẩm thấu, tích tụ trong tâm thức, hình thành và nâng tầm thẩm mỹ cho con người. Với khả năng tưởng tượng và liên tưởng thẩm đẫm triết lý, nhân văn và mang tính ước lệ cao nhưng lại dung dị, ẩn chứa, người nghệ nhân xưa đã phóng tác ý tưởng trên những kích thước, tỉ lệ hài hòa, cân đối giữa con người và cảnh vật trong các công trình nhà ở cổ truyền. Họ ưa chuộng cái đẹp không chỉ ở tính vật chất mà còn ở cảm nhận tinh thần và đã luôn tìm cách khai thác, chuyển tải vẻ đẹp của thiên nhiên vào không gian sống của mình, hình thành những chuẩn mực, giá trị nhất định về thẩm mỹ.



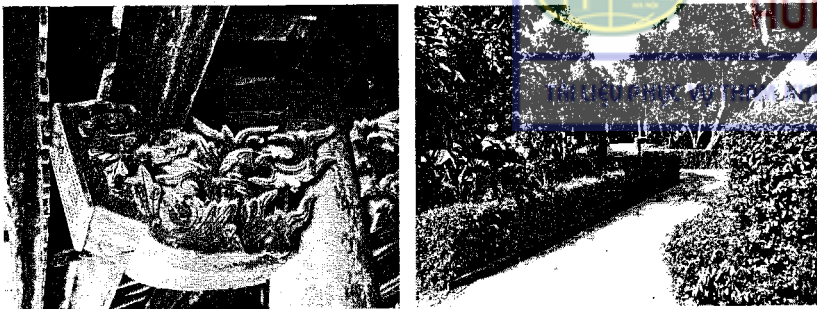
*Hình 3.3. Trang trí chạm khắc nổi hình hoa văn hoa lá cách điệu trên đầu trên vì kèo, đế cột đá, đồ đạc, xuyên liên ba trong nhà rường Huế*



*Hình 3.4. Chạm khắc gỗ trên vì kèo nhà ở Huế và họa tiết tre trên diêm cửa ở Bình Định*



*Hình 3.5. Chạm khắc hoa lá cách điệu trên đồ đạc và hàng vọng nhà ở Bình Định*



*Hình 3.6. Chạm khắc kèo hiên nhà ở Hưng Yên - Rào cây xanh lối vào khuôn viên nhà ở Huế*





Dù là kiến trúc nhà ở hay kiến trúc cung đình, tôn giáo thì các thành phần trang trí cũng luôn được thể hiện trên bề mặt của công trình. Những hình thức trang nhã toát ra từ mỗi ngôi nhà cổ thể hiện sự kết nối tinh tế với thiên nhiên, cảnh quan xung quanh, làm tăng giá trị thẩm mỹ cho môi trường sống của con người. Từ những yếu tố này cũng có thể thấy có nhiều nét tương đồng về trang trí mỹ thuật trên những cấu trúc nhà và trong không gian nội thất, đồ đạc, vườn cảnh ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

*Cây trong vườn nhà* có vai trò đáng kể đối với đời sống tinh thần của người Việt. Hệ cây trồng trong khuôn viên ở không chỉ cung cấp nguồn thực phẩm hàng ngày, tạo cảnh quan xanh tươi mà còn cho nhiều nhu cầu khác như thờ cúng, tâm linh gồm các loài hoa Cúc, Huệ, Vạn Thọ, Nhài... Cây lá phòng trừ tà ma như Xương Rồng, củ Ráy... một số gắn với giao tiếp, lễ lạc như cây Cau, Tràu Không...

Khi tạo hình cho cây cỏ, hoa lá, nghệ nhân thường chú ý đến tính tạo dáng của từng loại cây, cách điệu hay tả thật từng cành, từng lá. Mỗi loài hoa lá, cây trái đều có ý nghĩa biểu tượng nhất định như sen tượng trưng cho sự thanh bạch, sinh ra trong bùn mà vượt được lên để tỏa sắc hương; Mẫu Đơn đỏ biểu thị sự giàu có, niềm vui hạnh phúc, tượng trưng cho người đàn bà cao quý; Mai tượng trưng cho người con gái; Cúc tượng trưng cho sức mạnh thiên nhiên, vẻ đẹp sâu lắng, kín đáo và niềm hạnh phúc của con người; Lan gắn với sự thanh cao và sự trường sinh; Đào tượng trưng mùa xuân, được coi là loài hoa trừ được ma quỷ cho nên cành đào thường được sử dụng trong ngày Tết. Cây Tùng biểu hiện cho sức mạnh, tượng trưng cho khí phách và sự chịu đựng, cây trúc tượng trưng cho sự bất diệt, cho sự ngay thẳng của người quân tử. Nó cũng là cây của đời sống trần gian, biểu hiện cho sự khôn ngoan, chịu đựng ở đời. Qua thiên nhiên, cư dân tự tạo cho mình khoảng không gian thư giãn linh hoạt, sinh động, những thú chơi ít tốn kém nhưng tao nhã lúc nông nhàn, dịp lễ tết, ngày hội.

Cây cảnh trong dân gian thường biểu tượng cho những triết lý của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo, lấy con người là trung tâm. Cây được sàng lọc, chọn lựa cho phù hợp phong thổ, địa thế, phong cách kiến trúc, màu sắc, tầm vóc... và được quy hoạch có hàng lối quy củ. Mức độ cao

hơn là lai ghép, cắt tía tạo thế để tô điểm thêm cho ngôi nhà cũng như tạo sự nối tiếp với thiên nhiên.

Nhóm cây trang trí trong sân vườn được uốn tía và nuôi dưỡng như mai, đào, hay giống cây cảnh tạo dáng có gốc hoang dã, cổ thụ như Tùng, Bách, Sanh, Si, Bồ Đề... đôi khi trồng phối hợp với đá, rêu, cỏ, nước, địa lan, kết hợp với hòn non bộ tạo tiểu cảnh đặt ở sân vườn, sân trong và nội thất của ngôi nhà.

Thiên nhiên qua thảm thực vật, cây xanh trong khuôn viên như một đối tượng mà trong quá trình vun trồng, chăm sóc chúng, con người đã vươn tới được những giá trị khác nhau về mặt đạo đức, thỏa mãn nhu cầu tinh thần - tâm linh của mình, qua đó, con người gửi gắm những tâm tư, tình cảm, ước mơ, tìm kiếm những cảm xúc, ký ức với thiên nhiên bằng sự sáng tạo, mô phỏng ngôn ngữ thiên nhiên trong không gian ở.

Sự giao lưu giữa con người với thế giới thực vật xung quanh ngôi nhà dường như là mối liên kết hữu cơ khiến người và cây cối gần gũi, trở thành đối tượng để có thể chia sẻ, gởi trao những nỗi niềm như những người bạn tri kỷ, đó vừa là giá trị vật chất, vừa có giá trị tinh thần, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ và tinh thần của con người, thể hiện văn hóa trong ứng xử của con người với thiên nhiên. Ở Trung Bộ, khi cây kết trái đầu mùa (bói quả), cần phải được dâng lên cúng tổ tiên rồi sau đó trong gia đình mới dùng và đem một số hạt ương mầm tượng trưng, không đem bán vì họ quan niệm sẽ mất đi hạt mầm tốt. Điều này xuất phát từ lòng biết ơn, tâm lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Cây trồng lâu niên có thể từ đời cha ông đến đời con cháu mới được ăn quả.

Vườn Huế nói riêng và khu vườn Trung Bộ nói chung, có thể xem là một không gian hướng nội, thể hiện phong thái sống và tâm thức con người. Ngoài lợi ích kinh tế, vườn cây chính là nơi thể hiện nét sáng tạo, di dưỡng tinh thần, phản ánh ước vọng, hoài bão, sở trường, tính cách... nuôi dưỡng tình cảm gắn bó với quê hương, dòng tộc, với thế giới thiên nhiên rất đặc trưng với nhiều tầng lớp ý nghĩa của cư dân Trung bộ. Không gian nhà vườn xứ Huế hàm chứa nhiều quan niệm, triết lý, có sự phân định rõ ràng về gia phong, nếp sống có tôn ti trật tự, được quy ước, trao truyền từ bao đời, nó được hiện diện trong việc bố trí các chức năng trong mặt bằng nhà ở:

- Ông thuộc chái Đông (chái trên) là khu vực tiền sảnh phía trước nhà được bố trí nhóm cây phục vụ tín ngưỡng như các loại cây hoa chưng bàn thờ, cây hoa có hương để ướp trà cúng hay tiếp khách, nhóm cây cảnh trồng trên chậu để trang trí mặt tiền và trong nội thất.

- Bà thuộc chái Tây (chái dưới) không gian phía sau nhà thông với khu vực bếp núc. Do vậy hệ cây trồng phục vụ cho việc làm bếp như rau củ, bầu bí, khoai sắn, cây ăn trái chăm sóc sức khỏe gia đình, các loại gia vị (như sả, ớt, gừng, rau thơm, hành, tỏi...), dược liệu (như Ngải Cứu, Hẹ, Sắn...). Sự phân bố này cho thấy tổ chức các khu chức năng trong kiến trúc nhà ở truyền thống có sự tinh tế và tính toán hợp lý, có phần bị ràng buộc bởi những quan niệm sống có chiều sâu văn hóa của cư dân.

Mặt nước là yếu tố không thể thiếu trong không gian ở truyền thống ba miền. Nếu như cảnh trí khuôn vườn Bắc Bộ là ao cá và lớp sinh cảnh đa dạng trên mặt nước thì Nam Bộ với kênh rạch chằng chịt bao quanh không gian ở, hướng đến hiệu quả kinh tế trồng trọt, chăn nuôi, bên cạnh sự điều tiết nhiệt độ, cân bằng sinh học cho con người và thẩm mỹ môi trường sống. Yếu tố mặt nước hiếm hoi hơn trong thiên nhiên không gian ở của vùng Trung Bộ. Yếu tố này được cô đọng ở bề cạn, cảnh thủy tạ trước tiền đường gắn với bình phong. Đó là nơi con người gửi gắm những ước vọng, hoài bão, những triết lý sâu sắc cũng như trình độ cảm nhận thẩm mỹ qua các chi tiết trang trí trên bề và quần thể sân vườn.

Đời sống, sinh hoạt và lao động sản xuất nông nghiệp của ông cha ta xưa gắn liền với các lễ hội, nghi lễ theo mùa màng, chu kỳ thu hoạch của cây trồng, mùa vụ. Người dân tạ lễ, vui mừng vì được mùa và cầu mong mùa vụ sau tốt tươi hơn, cuộc sống no đủ ấm êm... Những giá trị tinh thần này được bắt nguồn từ thiên nhiên, từ cây xanh. Ngày nay, khi hiện đại hóa nông nghiệp, trồng cây theo phương thức công nghiệp hiện đại thì những giá trị này ngày càng bị mai một dần.

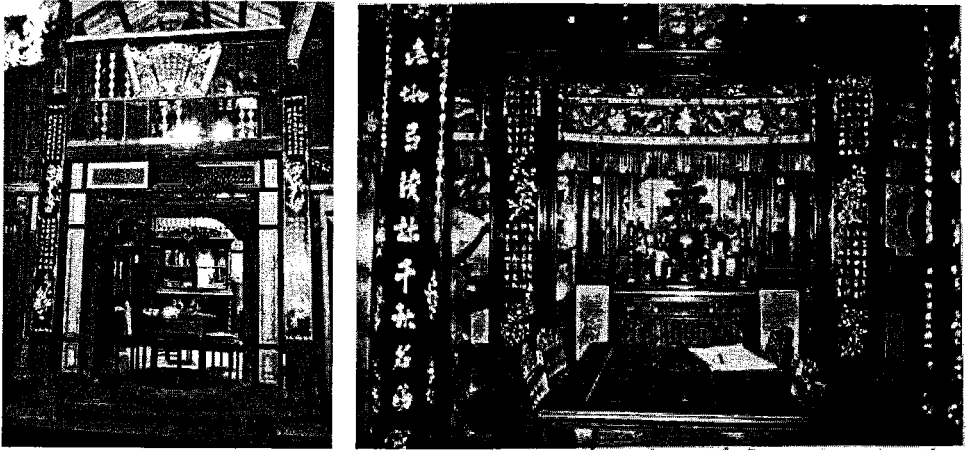
Trong dân gian không ít những kinh nghiệm được lưu truyền qua ca dao, tục ngữ, dân ca, câu chữ trên hoành phi câu đối, được gìn giữ từ đời nọ sang đời kia, từ địa phương này đến địa phương khác, trở thành kho tri thức của dân tộc trong lao động sản xuất và xây dựng nhà cửa. Luôn

gắn bó, gần gũi và sống phụ thuộc vào thiên nhiên, người dân có những nhận biết và ứng phó với các hiện tượng tự nhiên để phần nào tránh được những tai ương, mang lại thuận lợi cho cuộc sống và môi trường lao động của mình. Thể hiện lối sống thích nghi với thiên nhiên, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của người Việt.

Bên cạnh tranh thờ tranh trang trí là hệ thống những hoành phi, câu đối treo ở các gian chính và chái trên các chi tiết khung, cột, gờ cửa... trong nội thất. Chúng thường được chạm khắc công phu, khéo léo, sơn son thếp vàng, đẹp về hình thức, sâu sắc về nội dung và phong phú về chủ đề với những môtip hoa văn từ thiên nhiên (từ linh, tứ hữu, hà đồ, bát quái...) kết hợp với câu thơ, câu đối ca tụng vẻ đẹp của thiên nhiên, chúc phúc cho gia đình, đồng thời làm tăng thêm sự trang trọng, bề thế, vẻ thanh tao cho nếp nhà.

Ở Huế, khi thăm nhà vườn An Hiên nổi tiếng, trên mặt ngoài cổng chính, ngay dưới nóc mái có bức hoành hình cuốn thư đề tên công trình bằng chữ Hán, hai bên có trụ đỡ mái, trên thân trụ có hai con dơi ngậm câu đối chữ Hán khảm sành màu xanh. Chủ nhân không chỉ tạo được sắc thái riêng cho khu vườn mà còn khắc họa trên chất liệu lâu bền những câu chữ đối vắn diễn tả cảnh đẹp của thiên nhiên. Ngoài ra, những câu đối, vắn thơ trong kiến trúc nhà ở truyền thống, nơi thờ tự uy nghiêm còn để ngợi ca phong cảnh, tri ân tổ tiên, răn dạy con cháu và duy trì tôn ti trật tự.

Tại ngôi nhà của ông Trần Ngọc Khánh thuộc ấp Bến Cam, xã Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai trên hàng cột cái có 3 bức hoành phi được chạm âm sắc nét và sơn son thếp vàng với các dây hoa lá, hoa văn hình kỷ hà, khung cửa ra vào dạng vòm với rất nhiều trang trí hoa văn dây hoa lá mắt tròn đối xứng, khuôn bông chạm nổi các đề tài về mai điều, phật thủ rất sống động, tinh xảo. Quyển thư trang trí xung quanh với nội dung mong muốn con cháu nối nghiệp cha ông thờ cúng tổ tiên, học hành thành đạt. Qua thiên nhiên, con người có điều kiện suy tưởng sâu lắng hơn về cuộc sống từ những trải nghiệm, từ sự gắn bó với thiên nhiên. Phần nào thể hiện tâm thức lối sống và cách thức ứng xử với thiên nhiên trong quá trình tạo dựng không gian cư trú của người Việt.



*Hình 3.7. Các chi tiết liễn, hoành phi, câu đối trong gian chính trong nhà ở Tiền Giang và Bình Định*



*Hình 3.8. Không gian thờ với hoành phi, câu đối nhà ông Mỹ, Nhơn Trạch, Đồng Nai và nhà ông Huyền, thôn Mông Phụ, Đường Lâm, Hà Nội*

## 3.2. ỨNG PHÓ VÀ CẢI THIỆN NHỮNG HẠN CHẾ CỦA THIÊN NHIÊN

### 3.2.1. Ứng phó với điều kiện thiên nhiên - sinh thái bất lợi

Bên cạnh những nguồn lợi do thiên nhiên mang đến, người Việt cũng nhận ra nhiều tai ương, bất lợi còn tiềm ẩn, nên luôn phải tìm cách ứng phó trong quá trình tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống của mình. Phụ thuộc vào tự nhiên là nhược điểm đặc trưng của nước nông nghiệp, song sự phụ thuộc này không phải chỉ hoàn toàn thụ động. Tìm cách khắc phục thiên nhiên bằng trí tuệ và khả năng của mình là những

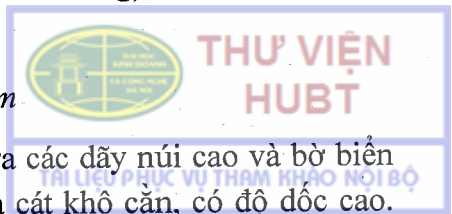
nỗ lực không ngừng nghỉ của cha ông ta, với mơ ước chế ngự được thiên nhiên: “...*Kìa ai đội đá vá trời, kìa ai trị thủy cho đời được yên?*” (Ca dao).

Ở những vùng chiêm trũng thuộc đồng bằng châu thổ Sông Hồng, bên cạnh các đầm, ao, ngòi tự nhiên, người ta còn đắp bờ, đào ao hồ... để dẫn nước, chống ngập lụt. Người Việt từ thời khởi thủy dựng nước đã biết đắp đê trị thủy. “Người Việt, nhiều thế kỷ rông, đã làm một cái việc không lồ: Vận chuyển đất từ chỗ nọ sang chỗ kia để đắp hàng ngàn ki lô mét đê to nhỏ, để tôn đắp hàng chục vạn nền nhà. Đó là một công cuộc kiến tạo vượt hết mọi sức lực và tính toán bình thường... Người Việt qua cả chục thế kỷ đã hoàn thành một kỳ công huyền thoại để duy trì sự sống của mình” [23, tr.61].

Mức độ nhận thức và cải tạo của con người đối với thiên nhiên càng cao, khả năng làm chủ của con người đối với thiên nhiên càng lớn khi con người biến thiên nhiên “tự nó”, thành thiên nhiên được nhân tính hóa mang dấu ấn con người. Sống ở vùng nhiều sông nước, đất thấp nên thường bị ngập lụt, từ những khó khăn về điều kiện địa lý khí hậu khắc nghiệt, cư dân nắm bắt quy luật tự nhiên của trời, đất và các yếu tố thời tiết mưa, nắng, gió, bão... theo kinh nghiệm để ứng xử với thiên nhiên, người Việt ba miền đã ứng phó một cách linh hoạt trong tập quán canh tác, sản xuất nông nghiệp (đắp đê, đào ao, đào kênh mương, lên liếp...), trong cư trú (cư ngụ ven sông), nhà ở (nhà sàn, nhà bè...).

#### a) Ứng phó với đất xấu và địa hình lồi lõm

Đồng bằng duyên hải Trung Bộ nằm giữa các dãy núi cao và bờ biển chạy dọc ven biển miền Trung, nơi đất pha cát khô cằn, có độ dốc cao. Con người phải khó nhọc hơn so với các vùng miền khác để khắc phục những hạn chế về thổ nhưỡng, địa hình, khí hậu, thiên tai, lũ lụt, hạn hán, gió Lào, bão lớn... “*sáng chắn bão giông, chiều ngăn nắng lửa*”. Khổ công thích ứng với các hiện tượng cát bồi, cát lấp, thấu chua rửa mặn cho vùng đất chua phèn của dải cát đồng nội, hay thêm sỏi đá vùng chân núi bạc màu, xói lở có sườn dốc nghiêng. Phải cần cù, kiên trì tìm cách hóa



giải những khó khăn thành thuận lợi. Những cách đó được kết tụ trong kiến trúc *nhà rường* và *nhà vườn* xứ Huế nổi tiếng.

Nam Bộ gồm những làng, xã khu dân cư phân bố rải rác ven sông và các vùng đồi gò với các loại hình nhà sàn, nhà trên nền đất, nhà nửa sàn nửa đất, nhà nổi trên sông. Ở vùng đất giồng đất gò, phân sân vườn, hệ thống mương rạch để thoát nước, rửa mặn cho đất và chủ động điều tiết tưới tiêu, đất thấp thì lên liếp để rút nước mùa mưa lũ và cấp nước vào mùa khô hạn. Chống xói lở và giữ đất chiếm nhiều tiền của, công sức của cư dân vùng này.

*b) Ứng phó với điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt qua thành tố kiến trúc*

Trong kiến trúc nhà ở truyền thống truyền thống Bắc Bộ, cấu tạo nhà phần lớn là khung gỗ cột chịu lực gồm 3 hoặc 5 gian. Mái nhà nằm trên hệ kết cấu khung gỗ, khung tre, lợp bằng vật liệu rơm rạ, lá cọ, hoặc lợp mái ngói đất nung, có độ dốc lớn để thoát nước nhanh. Nằm ở vùng chiêm trũng dễ ngập nước nên nền nhà được nâng cao so với mặt đất. Phần nhà chính thường tách khỏi và cao hơn khu nhà phụ vài bậc. Tường đất bao che ba phía. Mặt chính nhà có hiên với các tấm giại. Cửa đi cửa sổ mở rộng gần hết mặt nhà tạo sự thông thoáng, thuận tiện cho các hoạt động ở các khu phụ như sân vườn, bếp, khu sản xuất phụ, thích hợp với khí hậu có bốn mùa rõ rệt.

Ngôi nhà lợp mái tranh là một lựa chọn thích hợp để chống lại ẩm ướt và mưa nắng kéo dài, cách nhiệt và giữ nhiệt độ ổn định vào các mùa trong năm, là thứ vật liệu thông dụng sẵn có ở nông thôn. Các đường cong mềm mại, màu sắc trầm dịu, kết cấu nhẹ của rơm rạ hoà hợp với ngôi nhà tạo nên cảm giác thân thiện, ấm cúng. Bên cạnh đó mái nhà cũng tạo thêm không gian để trồng dây leo như dàn bí ngô, bầu, cây nho và các loại hoa dây...

Vùng duyên hải Trung Bộ, nhà ở dù lớn hay nhỏ đều phải đối phó với sóng to, gió lớn nên có dáng thấp, chắc khỏe. Những ngôi nhà của ngư dân biển có những điểm khác với nhà của người dân sống xa biển, ven các đô thị. Chẳng hạn ở Hội An (Quảng Nam), nhà của ngư dân - những

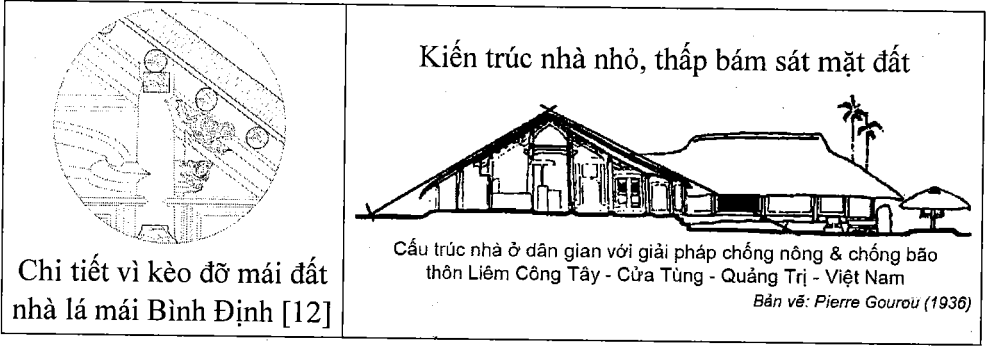
người suốt năm tháng lên đênh trên biển - khác với cư dân không làm nghề biển, cho dù họ chỉ cách nhau chừng 500m - 1km. Mái nhà ngư dân thường rất thấp, tường xây bằng gạch đá rất dày, không gian thường chia nhỏ, lòng nhà hẹp, trở nhiều cửa bé. Nhà cư dân buôn bán làm nông thì có sân phơi rộng, không gian trong nhà thoáng hơn, có vườn chăn nuôi, có chỗ dự trữ rom, củi.

Ở Trung Bộ, bên cạnh kiến trúc nhà rường còn có nhà *lá mái*. Kiểu nhà này có kiến trúc đặc biệt với khả năng chế ngự, che chắn *gió phơn* (gió Lào). Nhà nhỏ gọn, thấp, móng chắc, liên kết cấu kiện bằng nẹp buộc và bám sát mặt đất để đương đầu với gió bão. Nhà mở về hướng Đông hay Đông Nam, phía trước được chắn bởi cây xanh, mặt hồ ao làm ẩm không khí vào những ngày khô nóng.

Tường nhà được xây đá hoặc trình bằng đất dưới to trên nhỏ, dày dặn vững chắc, có khả năng chống nắng nóng tốt và luôn giữ được nhiệt độ trong nhà ổn định, mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Nét độc đáo của lối kiến trúc này là bộ mái có hai lớp, một lớp bằng đất, một lớp bằng tranh giúp cho mái nhà vừa cách âm, vừa cách nhiệt, có khả năng chống cháy tốt. Dọc bờ mái có các biện pháp neo giữ kiên cố. Mái thất, diềm mái đua rộng để che chắn cho vách tường, cột nhà khỏi bị nắng nung và mưa xói mòn. Phần tường giáp mái và ở hai nóc hồi thường chừa những khoảng trống hẹp hay ô thông để làm nơi thoát khí nóng. Cửa đi được mở hết mặt trước tạo luồng đối lưu khí kết hợp với hệ cây xanh tạo thoáng mát. Cánh cửa trên song dưới bản, chân song hình con tiện tạo sự thông thoáng, ngăn nắng chói, lấy sáng vào nhà mà vẫn chịu được những trận bão trong năm.

Mặt trước nhà có hàng hiên tạo không gian đệm có màn hoặc dàn cây che nắng, giảm bức xạ, tạo bóng mát. Tường bốn mặt nhà đắp đất dày, cửa đi cửa sổ nằm sâu theo độ dày tường, đầu hồi hướng có gió nóng thường được xây kín. Mái ngói nhiều lớp, gia cố thêm vôi vữa hoặc chặn đá lên nóc. Hệ thống mái dốc, tường với các thức cửa, phen, vách, liếp bằng đất, tấm giải bằng tre nửa vừa cơ động vừa thông thoáng, gọn nhẹ, cách nhiệt và đối lưu dòng khí khá hiệu quả.

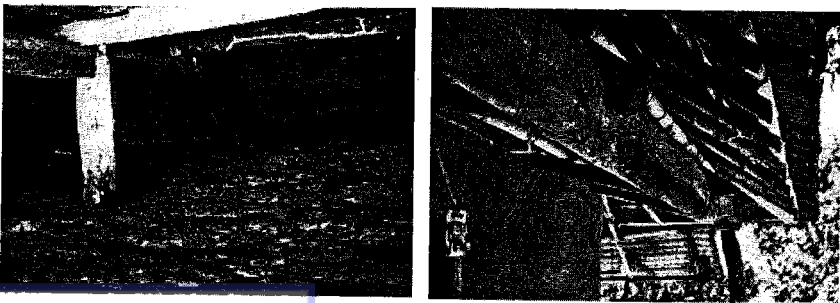




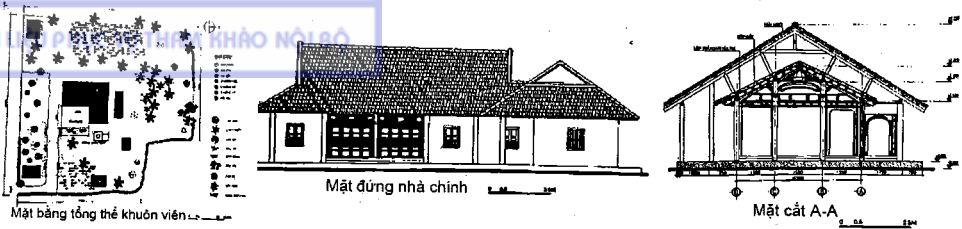
*Hình 3.9. Kiến trúc nhà dài theo phương ngang bám sát mặt đất*



*Hình 3.10. Kèo đỡ lớp mái dưới bằng đất với lớp trần đan bằng tre, hiện trước nhà lá mái*

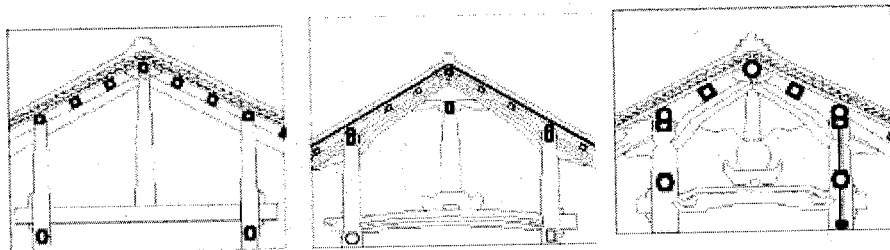


*Hình 3.11. Khoảng trống giữa mái đất và ngói, kèo đỡ 2 lớp mái, nhà lá mái Bình Định*



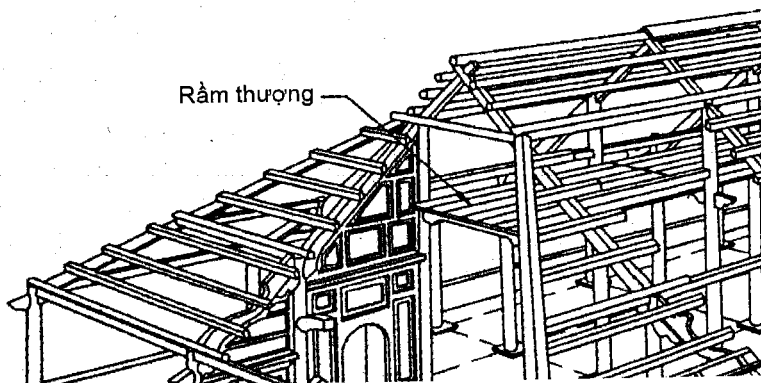
*Hình 3.12. Mặt bằng và mặt cắt nhà lá mái điển hình ở vùng Bình Định*

Nguồn: [12]

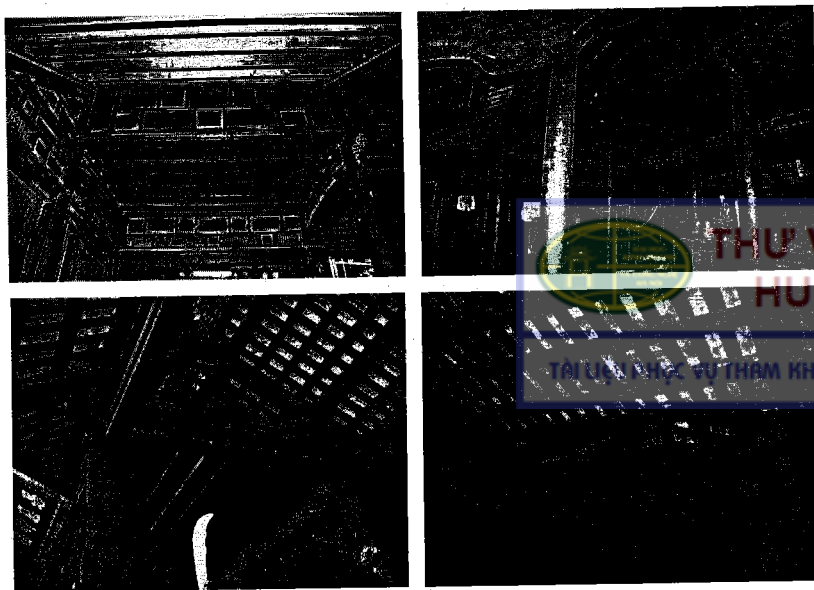


*Hình 3.13. Cấu tạo chi tiết phần nóc mái giữa (cái tra - rầm thượng)*

*Nguồn: [18]*



*Hình 3.14. Chi tiết rầm thượng nhà rường TT Huế*



*Hình 3.15. Chi tiết rầm thượng trong nhà rường vùng Thừa Thiên Huế và khu phụ cận*

Nói về cấu tạo kiến trúc thích ứng với thiên nhiên có thể nhắc thêm về một đặc điểm của ngôi nhà rường miền Trung, đó là cái *Tra*. Ngoài kết cấu khung sườn nhà chắc chắn, trong nhà rường truyền thống có chi tiết *cái tra - rầm thượng* liên kết phần nóc mái giữa trụ, kèo và đòn dông thành một không gian đóng kín ngay phía dưới nóc, chạy suốt các gian giữa, làm nơi chứa đựng đồ đạc, lúa gạo cho gia đình khi có nước lũ về.

Ở đồng bằng Sông Cửu Long, cư dân sống trên kênh rạch với các nhà thuyền, nhà bè. Vật liệu xây dựng đơn giản, các vách nhà mở trực tiếp ra bên ngoài để tận dụng ánh sáng, thông thoáng, chống ẩm, chống nóng. Vì ít gió bão nên mái không quá nặng, có độ dốc cao để nước thoát nhanh. Không có hàng cột chống bão giống như nhà miền Bắc, miền Trung [60]. Do địa hình sông nước nên việc làm nhà trên nền đất yếu và chống xói lở đất là gánh nặng đối với người dân nơi đây. Các kiểu nhà truyền thống phổ biến ở đồng bằng Tây Nam Bộ thường có phần chân móng bằng cột gỗ hoặc gạch, nhô cao khỏi mặt đất mặt nước. Vùng nước ngập có loại nhà sàn chịu lực trên hệ thống cột cắm sâu xuống đất.

Có bao nhiêu hiện tượng và các yếu tố thiên nhiên tác động đến cuộc sống của con người thì cũng có bấy nhiêu kinh nghiệm ứng phó, sử dụng, thích nghi của các thế hệ người Việt. Hướng mát thì mở nhiều cửa đón gió. Hướng lạnh thì bịt kín, trồng cây thấp tán rộng để cản gió. Bão mạnh thì làm nhà vuông, mái thấp. Gió Lào thì làm hiên rộng, làm gai. Ngập úng thì làm nhà sàn. Nhà thường gần sông, gần kênh rạch để tiện thuyền bè qua lại. Đó là cả một kho tàng kinh nghiệm tích hợp từ lối sống năng động cùng đôi bàn tay khéo léo của người xưa.

### c) Ứng phó qua hình thức không gian kiến trúc mở

Không gian mở được thể hiện từ cấu trúc làng đến từng ngôi nhà. Cấu trúc làng tuy được xem có tính độc lập khép kín về tổ chức xã hội, được quy định bởi những luật lệ, hương ước nhưng lại có tính mở về kiến trúc, phù hợp với nếp sống nông nghiệp và sinh hoạt giao tiếp của người Việt. Kiến trúc nhà ở truyền thống là những không gian mở có cấu tạo khung và thức mái thích ứng với đặc trưng gió mùa và khí hậu nóng ẩm. Bộ mái trong ngôi nhà cổ truyền chiếm tỉ lệ khá lớn, đôi khi quá nửa so với phần chính diện nhà để có thể thực hiện được nhiều chức năng như tránh mưa nắng triệt để, chống ẩm, đón gió mát. Các chi tiết như mái hắt, bức màn,

các hình thức cây cảnh, non bộ, bể nước, đặc biệt là cái hiên nhà thoáng mở và những vách liếp chắn nắng tạo bóng mát, điều hòa nhiệt độ cho mặt nhà.

Có hai mùa gió chính là gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam: gió thổi từ hướng Nam là gió mát như gió nồm, do vậy thường chọn nhà mở cửa về hướng Nam “Hây hây gió Nam, chưa nằm đã ngáy”. Gió thổi từ hướng Bắc là gió rét nên làm nhà thường tránh hướng Bắc. Gió thổi từ hướng Tây là gió nóng, làm nhà tránh hướng Tây. Gió thổi từ hướng Đông thường là gió mát nhưng dễ chuyển thành mưa to, bão lớn “làm nhà hướng Đông chẳng chồng thì vợ...” (tục ngữ, hàm ý dễ gặp hạn).

Kiến trúc ngôi nhà Việt thường cao ráo, thông thoáng, tiếp cận với thiên nhiên và không gian bên ngoài, phù hợp với điều kiện môi trường nóng ẩm, nhiều cửa sổ, cửa đi quay hướng mát và mở suốt mặt trước nhà. Hiên cách với sân bởi các vách linh hoạt, tận dụng mặt nước, tán cây cho bóng mát, do vậy, cây xanh, mặt nước là những yếu tố không thể thiếu được trong kiến trúc cổ truyền Việt Nam.

#### d) Ứng phó với yếu tố nước

*Trị thủy*: đồng bằng châu thổ Sông Hồng nằm phần lớn trên nền đất phù sa quanh năm ngập nước. Hàng ngàn năm nay, người dân luôn ngăn chặn nguồn nước tạo vùng đất khô ráo cho việc cư trú lâu dài, tạo không gian sống và sản xuất nông nghiệp ổn định tránh được dòng nước lũ dâng lên hàng năm. Bắc Bộ trị thủy ngoài làng bằng cách đào đất đắp đê trải suốt dọc sông Hồng. Trong làng thì đào đất đắp cao nền làm nhà. Cách trị thủy này lâu dần làm hẹp lòng sông. Tuy vậy vào những năm nước lớn, đê vẫn bị vỡ gây lụt lội, ảnh hưởng trầm trọng đến cuộc sống của người nông dân.

Trong khi đó ở Trung Bộ, các loại bể cạn lại rất được xem trọng. Yếu tố mặt nước ở đây không mang nhiều tính công năng nhưng lại có ý nghĩa về phong thủy và di dưỡng tinh thần. Bể cạn lớn nhất thường được đặt sát cạnh bình phong phía trước nhà với ý nghĩa tạo thế “*tụ thủy trước tiền đường*”. Ở đó người ta gửi gắm ước mơ, hoài bão về cuộc sống cũng như thể hiện những quan niệm sống, sự cảm nhận và trình độ thẩm mỹ, coi đó là một vũ trụ nhỏ, theo quan điểm về nhân sinh và vũ trụ của người phương Đông.

Người dân Nam Bộ tìm cách dung hòa với môi trường sông nước qua việc làm *thủy lợi*. Họ đào kênh để khai thác nguồn phù sa màu mỡ, nạo vét kinh mương để khơi thông dòng chảy, làm nhà nổi trên mặt nước, rút nước cho đất khô ráo, tôn đất thành liếp để trồng trọt ở những vùng ngập mặn ở miền Tây, dẫn nước chống khô hạn ở những vùng đất gò cao ở miền Đông. Trong những nguồn lợi mà lũ đem đến thì đất phù sa quả là một món quà to lớn mà thiên nhiên đem lại. Một số vùng ngập mặn tại đồng bằng sông Cửu Long bị thiếu nước ngọt trầm trọng (người dân Tiền Giang phải lập miếu thờ thần ao), do vậy phải điều hòa nguồn nước tưới tiêu phục vụ kinh tế, phục vụ sinh hoạt và điều hòa nhiệt độ, độ ẩm cho môi trường, tạo sự cân bằng về mặt sinh học cho con người.

#### e) *Ứng xử với cây xanh*

Người Việt xưa khi tạo lập nhà ở và các công trình khác thể hiện cách ứng xử hài hòa, hạn chế sự can thiệp, phá vỡ vẻ tự nhiên của môi trường thiên nhiên. Ngôi nhà thường có kích thước khiêm tốn, ẩn mình dưới những tán cây, soi bóng trên mặt nước với những lối đi quanh co tạo nên cảnh quan hiền hòa, tươi đẹp. Bên cạnh nhà là vườn cây cảnh, non bộ, ngoại trừ công rào thường được cắt tỉa ngay ngắn, còn lại cây cảnh, địa thế được giữ nguyên ít có tác động biến đổi, nếu có thì mô phỏng như một thiên nhiên thu nhỏ, dấu đi sự can thiệp của con người.

Cách ứng xử của người Việt có sự linh hoạt trong nhận thức và mềm dẻo trong xử lý, lấy cái thuận để khắc phục cái khó, biến khó khăn thành thuận lợi. Muốn an cư nên chọn cách ứng xử với thiên nhiên là sống chung, hòa hợp với thiên nhiên, lựa theo chiều, tìm lấy cái lợi trong cái hại, chấp nhận việc không thể chống trả lại tự nhiên mặc dù đã có lúc, có nơi con người đã kiên trì ứng phó với thiên nhiên bằng mọi cách, đây quyết tâm một cách duy ý chí theo kiểu “vắt đất ra nước, thay trời làm mưa”. Có lẽ, thiên nhiên càng khắc nghiệt thì con người càng bộc lộ nhiều hình thức, giải pháp để thích nghi với môi trường và trường hợp Trung Bộ đã phân tích trên đây là một ví dụ.

Chính từ sự tương hợp hay khắc chế tự nhiên mà con người đã tích lũy được kinh nghiệm, tri thức về đất đai, hiện tượng khí hậu, thổ nhưỡng để tồn tại và tiếp tục phát triển, từng bước chinh phục, thích ứng với thiên

nhiên. Tuy vậy, trước những tác động bất lợi của thiên nhiên, những giải pháp ứng phó dù sao vẫn mang tính thụ động, vẫn phải dựa vào thiên nhiên để thích nghi, sinh sống.

**Bảng 3.1: Một số ứng phó với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống 3 miền**

Yếu tố	Đồng bằng Bắc Bộ	Đồng bằng duyên hải Trung bộ	Đồng bằng Nam Bộ
Cảnh quan	Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước, có không gian chuyển tiếp trong và ngoài	Bố cục cây xanh, mặt nước tinh tế, có chủ định, chuyển tiếp trong và ngoài	Không gian chuyển tiếp trong ngoài, nhiều cây xanh, sông nước
Mặt bằng tổng thể	Hướng nhà Nam, Đông Nam, nhà hẹp, vườn nhỏ Nhà chính, nhà phụ, sân vườn, ao, chuồng	Hướng nhà Nam, Đông Nam Nhà chính, nhà phụ, sân vườn, ao	Hướng nhà Nam, Tây Nam Nhà chính, nhà phụ, sân vườn rộng rãi
Loại vườn	Vườn <i>tổng hợp</i> , diện tích nhỏ, vườn rau, có cây cảnh	Vườn <i>đa chủng</i> , chú trọng cây cảnh, tường rào bằng cây xanh	Vườn <i>chuyên canh</i> , trồng đại trà các loại cây trái đặc sản cho hiệu quả kinh tế cao
Mái nhà	Mái có độ dốc, tỉ lệ mái lớn, vật liệu lợp sẵn có tại địa phương	Tỉ lệ mái lớn, dốc, thấp nặng, vật liệu lợp mái có ở địa phương	Mái dốc, cấu trúc đơn giản, lợp lá dừa nước, lợp ngói...
Kết cấu kiến trúc	Tường gạch hoặc trát đất pha rơm, hạn chế bức xạ và giữ ấm	Tường bằng gỗ, tre nửa có phen, giải thoát mát	Tường bằng gỗ ghép, có nhiều ô thông, song cửa
	Cửa gỗ, mở rộng hết mặt nhà, cửa khoa bản	Cửa gỗ, mở hết mặt nhà, cửa “thượng song hạ bản”	Cửa đi, cửa sổ có nhiều lam, khuôn bông có hoa văn
	Nền đắp cao so với sân đất nện hoặc gạch nung	Nền đắp cao so với sân bằng đất nện hoặc gạch nung	Nền nhà tôn đắp cao hơn sân
	Cột cách ly với mặt đất, chân kê trên đá	Hệ cột cách ly với mặt đất, kê bằng đá	Hệ cột nâng cao, chống ngập

### 3.2.2. Cải thiện môi sinh, cảnh quan trong kiến trúc nhà ở truyền thống

Việt Nam là nước nông nghiệp, phương tiện sản xuất còn thô sơ, có phần lạc hậu, nguồn sống nương nhờ vào thiên nhiên. Do vậy khắc chế thiên nhiên là nỗ lực và mong muốn mà người dân luôn trăn trở để từng bước cải thiện không gian cư trú. Từ cơ cấu làng xã cho đến nhà ở, ruộng vườn... đều là những mô hình khép kín theo chu trình sản xuất - trồng trọt - chăn nuôi của nền kinh tế tự cung tự cấp. nếp sinh hoạt văn hóa tinh thần của từng cá nhân, gia đình, rộng hơn là cộng đồng cũng luôn thể hiện sự gắn bó, nương nhờ vào thiên nhiên. Mang tâm nguyện về một môi trường thiên nhiên thanh bình và gần gũi, người Việt đã xây dựng cho mình một phong cách kiến trúc tối giản, mộc mạc, hài hòa với thiên nhiên xung quanh. Các ngôi nhà truyền thống được làm từ đất và các vật liệu gốc tự nhiên mang lại hơi ấm khi trời lạnh và không khí mát mẻ thông thoáng khi nóng bức.

Người Việt đã thiết lập những chu trình sinh thái để khai thác triệt để giá trị vật chất của thiên nhiên trong những điều kiện hết sức eo hẹp. Cách sắp xếp không gian chính phụ, tổ chức sân vườn, công ngõ, đào ao thả cá, bố trí chuồng gia súc, gia cầm... là chuỗi sinh thái khép kín, sinh lợi ngay trong kiến trúc nhà ở truyền thống. Nơi nào mà điều kiện địa dư, khí hậu càng khó khăn khắc nghiệt, con người càng cần phải dựa vào thiên nhiên để mưu sinh. Vườn Trung Bộ bộc lộ cách ứng xử hòa hợp và tôn trọng thiên nhiên, đức tính cần cù nhẫn nại, sự gắn bó sâu nặng với thiên nhiên. Sở hữu cảnh quan non nước hữu tình, các công trình nhà ở, cửa ngõ, sân vườn đan xen phần nào giảm thiểu tác động của mưa bão, nắng nóng. Trong khi vườn Nam Bộ rộng, cây trồng đưa lại hiệu quả kinh tế cao phát triển một cách tự nhiên, cây cảnh được nuôi tạo ít nhiều theo phong thủy thì vườn Bắc Bộ lại chặt chẽ, chi li, tận dụng tối đa diện tích đào ao và trồng rau quả.

Yếu tố núi non, sông ngòi, đồng ruộng như một bức tranh hoàn chỉnh. Người Việt mong muốn thể hiện tình cảm gắn bó, ý thức tôn trọng thiên nhiên và thích ứng, tạo dựng không gian ở với những thể loại nhà vườn đa dạng, làm nên sắc thái văn hóa đặc trưng của mỗi miền. Có thể thấy

vùng miền nào được thiên nhiên ưu đãi, không bị áp chế bởi chế độ phong kiến thì cuộc sống và ứng xử với thiên nhiên sẽ thuận lợi hơn so với những địa bàn bị tác động bởi điều kiện thiên nhiên và điều kiện chính trị, xã hội khắc nghiệt.

### 3.3. ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN QUA YẾU TỐ TINH THẦN

#### 3.3.1. Triết lý Âm - Dương, Ngũ hành

Trong dòng chảy của văn hóa Á Đông, những quan điểm triết lý phương Đông từ thời cổ đại cho vũ trụ là một đại hòa điệu của *Thiên - Địa - Nhân* (tam tài). Quan niệm đạo lý trời đất có hai phương diện *Âm dương* và *Ngũ hành Bát quái* để mô tả sự vận động của thế giới. Đây là một trong những hệ tư tưởng có nhiều ảnh hưởng đến thế giới quan của người Việt trong tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống. Thiên - Địa - Nhân là thể thống nhất giữa *thiên nhiên - kiến trúc - con người*. Kiến trúc nhà ở truyền thống đã vận dụng phong thủy để công trình đáp ứng công năng, phù hợp với thói quen và hài hòa với thiên nhiên, trời đất, tránh những nguy cơ có thể phá hoại sự cân bằng đã được thiết lập [16].

Theo triết lý phương Đông, *Âm - Dương* là hai trường lực chủ yếu chi phối vũ trụ, tạo nên trời đất, bốn mùa, làm nảy sinh ra vạn vật, khiến sự vật và các hiện tượng biến đổi không ngừng, tạo ra mọi mặt của đời sống vật chất và tinh thần. Âm - Dương là sự hòa hợp con người với môi trường (nơi ở, sinh sống và làm việc), là sự cân bằng của tạo hóa của muôn vật, được con người vận dụng trong kiến trúc nhà ở truyền thống. Nhà ở có sân vườn, mái có ngói âm dương, cấu trúc nhà liên kết các chi tiết với nhau cũng trên cơ sở âm dương, hướng đến sự cân bằng âm dương bằng cảm giác trực quan cụ thể, là những sự đối chọi đặc - rỗng, đậm - nhạt, dày - thưa, sáng - tối, thẳng - cong, cao - thấp... âm dương được vận dụng, điều tiết một cách hài hòa, hợp với quy luật tự nhiên.

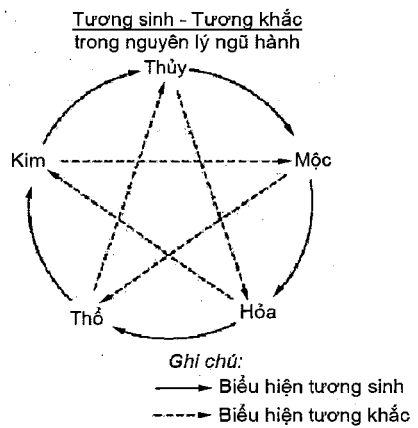
*Ngũ hành* là mối quan hệ tương hỗ, là sự hoạt động của hai thế lực Âm Dương sinh ra tất cả các hiện tượng vũ trụ và trật tự nhân sinh. Ngũ hành gồm 5 nguyên tố *Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ* có liên hệ chặt chẽ cũng như tương tác, chuyển hóa lẫn nhau theo hai quy luật



*tương sinh và tương khắc*. Chính vì vậy khi đưa thiên nhiên vào kiến trúc nhà ở truyền thống - nhà và vườn, cư dân quan tâm đến việc chọn lựa cây, giống cây sao cho phù hợp với gia chủ, phù hợp với mỹ cảm, quan niệm tâm linh và sự thích ứng với điều kiện của mỗi nhà, thổ những khu vực và vùng miền.

Người xưa tin rằng chọn lựa cây trồng trong nhà ở nếu hài hòa âm dương, ngũ hành thì không những đem lại thẩm mỹ cao mà còn thúc đẩy sinh khí, hưng vượng cho kiến trúc nhà ở truyền thống. Trong khuôn viên nhà ở cây xanh (bình phong cây, dàn cây hoa...) tạo nên các mảng thiên nhiên giúp cải thiện môi trường sống và điều chỉnh luồng khí... Cây cảnh được trồng, uốn nắn tạo dáng, đặt trong nội thất, trước hiên nhà hay nơi không thể tiếp cận với thiên nhiên, góp phần làm tăng vẻ mỹ quan cho không gian ở.

Người Việt theo quy luật ngũ hành mà vận dụng thuật phong thủy dân gian như một cách thức để thích nghi với môi trường lao động sản xuất, cân bằng đời sống tâm linh. Họ dựa vào cô pháp, phối hợp với ngũ hành để cân nhắc, điều tiết khí định hướng nhà ở trên thực tế. Lý thuyết phong thủy cũng quy định rõ về ngũ hành cho một ngôi nhà, những phần nào thuộc Kim, Mộc, thuộc Thủy, Hỏa, hoặc Thổ... Các thể đất tự nhiên hình thành được quy về 5 thể: thể đất tròn - hình kim, thể đất ngoằn ngoèo như dòng nước - hình thủy, thể đất dài như thân cây - hình mộc, thể đất nhọn như ngọn lửa - hình hỏa, thể đất vuông - hình thổ. Giữa các hành có quan hệ tương sinh.



[Nguồn: Internet]

Khi các thành tố trên đạt được sự hài hòa thì có thể gắn kết giữa không gian cư trú và môi trường thiên nhiên. Phong thủy góp phần tạo nên sự hòa nhập giữa công trình với cảnh quan, môi trường. Vận dụng phong thủy giúp cải thiện hoàn cảnh, bảo vệ môi trường trên nguyên tắc “thuận theo tự nhiên” để sống hài hòa với môi trường xung quanh.

### 3.3.2. Phong thủy dân gian

Chịu ảnh hưởng của văn hóa Á Đông về yếu tố tín ngưỡng, tâm linh trong mọi mặt đời sống và tạo dựng không gian cư trú, bên cạnh sự nỗ lực của chính mình, người Việt còn cậy nhờ vào thần linh. Phong thủy là những giải pháp giúp nhận định những thuận lợi cũng như phòng tránh những tác hại nhằm bảo vệ sức khỏe cho con người và đảm bảo điều kiện sống tốt cho một ngôi nhà. Sự điều tiết Phong (gió) và Thủy (nước) là hai yếu tố quan trọng cho kiến trúc nhà ở vùng khí hậu nóng, dẫn khí lành, ngăn chặn khí hung. Phong thủy cũng là một khía cạnh của phong tục, tập quán do tổ tiên truyền lại. Trong kiến trúc dân gian, phong thủy để lại các dấu ấn trên khắp các công trình kiến trúc đình chùa, miếu mạo, kinh thành, lăng tẩm, dinh thự, nhà ở... chú trọng đến yếu tố “tránh cát tránh hung”, mong muốn có không gian sinh sống - ngôi nhà bền vững, tránh được tai ách, bệnh tật, thuận lợi cho sinh hoạt, lao động và có thể truyền lại cho con cháu đời sau.

Triết lý Phật giáo ít nhiều có ảnh hưởng tới các yếu tố phong thủy khi người ta xây dựng các công trình tín ngưỡng và nhà ở, bố trí các loài cây trồng trong vườn. Những ngôi làng truyền thống được xây dựng dựa trên lý thuyết âm dương - ngũ hành, coi vị trí địa lý như là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy sự thịnh vượng chung của những người cùng làng. Phong thủy dân gian bắt nguồn từ nhu cầu thực tế khi chọn đất làm nhà, đặt mộ... Người xưa có câu “thứ nhất dương cơ, thứ nhì âm phần”. Nhà cửa, mồ mả theo phong tục, tập quán của người Việt không chỉ có hiệu lực trong hiện tại mà còn ảnh hưởng tới nhiều đời sau.

Với địa thế một đất nước có nhiều đồi núi, người ta kết hợp thế “tọa” dựa lưng vào núi để được bảo vệ khỏi tác hại của thời tiết và tạo thế vững chắc cho làng. Họ cũng tin rằng nhà của mình được xây dựng ở một ngôi làng có vị trí đắc địa thì gia đình, dòng tộc có thể thành công và khỏe mạnh. Thường thì hướng nhà cửa, hướng mộ, miếu phải tuân theo địa hình, cục diện đất, theo nguyên tắc “đầu gối sơn, chân đạp thủy”, tránh “thứ nhất góc ao, thứ nhì đao đình”.

Ở thôn Mông Phụ làng Đường Lâm Hà Nội, người dân không làm nhà có nóc mái cao hơn mái đình. Họ chọn đất theo nguyên tắc vạn niên cát địa (đất tốt vạn năm), tiên án hậu chẩm (núi án phía trước, núi gối phía sau), tả long hữu hổ (núi châu các phía phải, trái như rồng cuộn, hổ phục), huyền thủy chi lưu (nước chảy lạng lẽ vòng vèo hình chữ chi), sơn triều thủy tụ (núi hướng lại, nước tụ về). Dựa trên nguyên tắc có tiên sơn án (núi che phía trước) - hậu chẩm (núi gối phía sau), hầu hết các công trình cổ đều nằm ở cạnh sông ngòi, ao hồ và có các cây cổ thụ, gò, đồi hay các rừng cây nhân tạo bao quanh. Như vậy, ngôi làng, nhà ở, đình chùa đặt giữa không gian đất trời luôn tạo được sự cân đối, hài hòa.

Người Huế rất coi trọng việc tính toán, vận dụng phong thủy. Đây là công việc phải làm đầu tiên trước khi xây dựng cơ ngơi cho cả một đời, bởi đó cũng là yếu tố tâm linh, phong tục tập quán, với mong muốn mang lại sinh kh, hưng vượng và sự may mắn. Các khu nhà vườn Huế được tạo lập trên cơ sở ứng dụng các nguyên lý tiên án, hậu chẩm, tả thanh long, hữu bạch hổ, long mạch, minh đường, bốn phương quần tụ, vạn vật biến hóa... Các yếu tố ấy đã ẩn hiện một cách tinh tế vào cách bài trí, bố cục, tạo sự cân bằng, bền vững của nhà và vườn. Việc sử dụng cây xanh trong khuôn viên để hình thành các cảnh quan thiên nhiên thu nhỏ, cải thiện môi trường ở và điều chỉnh luồng khí, chống lại các tác động xấu từ bên ngoài, nâng cao tính thẩm mỹ, thúc đẩy sinh khí hưng vượng.

Yếu tố *Nước* được vận dụng trong phong thủy để tạo nên những minh đường, thủy tụ... trong tổ chức đất nhà, khu làng hài hòa với môi trường thiên nhiên. Long mạch có thể nhỏ hay lớn bằng cả một vùng, có thể thiên tạo hoặc kết hợp với nhân tạo từ những ao, hồ, mặt nước, non bộ, giả sơn... là những giải pháp về phong thủy đồng thời tạo thêm sự mềm mại cho công trình.

Người Việt trong tâm thức ứng xử không chỉ tôn trọng thiên nhiên như một thực thể sống, như một người bạn, mà còn tâm linh hóa thể hiện qua lòng tin, sự sùng bái thiên nhiên với tín ngưỡng thờ *địa thần*.

### 3.4. BẢN SẮC VÀ TÍNH CÁCH VIỆT ĐƯỢC BỘC LỘ QUA VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG

Trong chặng đường dài của lịch sử dân tộc, các thế hệ con người tụ cư trên vùng đất Việt Nam đã nối tiếp nhau lao động, sáng tạo và đã đạt được nhiều thành quả trong sự duy trì, phát triển cuộc sống, tạo lập nền văn hóa của mình. Kiến trúc truyền thống ba miền Bắc Trung Nam tạo những giá trị có tính ổn định với một số khuôn mẫu trong kiến trúc nhà ở, đình chùa miếu mạo... còn đọng lại qua thời gian, với các số đặc trưng được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên giá trị truyền thống trong không gian cư trú và trở thành một phần phẩm chất, nhân cách của người Việt.

Con người vừa biến đổi thiên nhiên để phục vụ cho mình trong việc tạo dựng kiến trúc nhà ở truyền thống, mặt khác tự biến đổi mình để thích nghi với môi trường tự nhiên thông qua các ứng xử tự điều chỉnh... tạo những giá trị cho nhu cầu cuộc sống và không gian cư trú tốt nhất cho gia đình và bản thân. Môi trường sống của Việt Nam có khí hậu nóng ẩm và mưa nhiều, phát triển trồng trọt do vậy cuộc sống định cư ổn định, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên có ý thức tôn trọng, nương nhờ và hòa hợp với thiên nhiên nhưng lại có thái độ e ngại, ít chủ động dẫn đến sự thay đổi chậm chạp.

Thời gian qua đi, biết bao tôn thất, mất mát đã xảy ra, nhưng con người Việt Nam vẫn giữ được những thuộc tính cố hữu, phẩm chất đáng quý của mình. Trong việc tạo dựng không gian sống, họ luôn thể hiện quan niệm nhất quán về công năng, mỹ cảm và luôn gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Có thể thấy một số nét về cách thức ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt qua một số đặc trưng sau:

*Tính hài hòa:* thiên nhiên luôn là một phần quan trọng trong đời sống của người dân Việt Nam, với truyền thống của cư dân vùng văn hóa lúa nước, từ bao đời nay người dân đã luôn tạo dựng cuộc sống hài hòa, gắn bó với thiên nhiên. Thiên nhiên là cái có sẵn, con người một mặt dựa vào tính tự nhiên của chúng để mưu sinh và có lối sống thích ứng, mặt khác lại luôn mong muốn cải tạo tự nhiên cho phù hợp.

Thiên nhiên ở mỗi vùng miền đều có những thuộc tính vật chất bền vững khác nhau, có khả năng chi phối việc lựa chọn quy hoạch kiến trúc nhà ở truyền thống của con người. Tác giả Hoàng Đạo Kính viết: "... thiên nhiên - cá thể làng và kiến trúc thực sự nằm trong một tổng thể không thể nào tách rời... nó đã ước định đặc điểm quy hoạch và tính chất cuộc sống của làng..." [23, tr.134]. Trong đó việc tạo dựng nên ngôi nhà là một sự thể hiện sâu sắc, rõ nét về quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Nhà ở của người Việt dù ở Bắc, Trung hay Nam Bộ đều cho thấy dấu ấn riêng trong ứng xử, kết nối, hòa nhập với thiên nhiên, sự khác biệt nếu có đều phản ánh sự khác biệt từ yếu tố địa lý, khí hậu. Chính vì vậy, không gian ở ba miền vừa có những nét đặc thù vùng miền, địa lý, nhưng nhìn toàn cảnh cũng có những cái chung. Chính điều này góp phần tạo nên dấu ấn bản sắc trong kiến trúc truyền thống Việt được hình thành, phát triển trên nền tảng triết lý sống ngàn đời về vũ trụ, tự nhiên và khát vọng sinh tồn của người Việt.

Giá trị thiên nhiên trong kiến trúc cần được xét ở nhiều yếu tố như hình thể, bố cục, tổ chức không gian, đường nét, màu sắc, nhịp điệu, trang trí, chất liệu... qua những hình thức biểu hiện của chúng. Chẳng hạn mỗi một hình ảnh thiên nhiên trong bộ tranh Tứ thời đều chịu sự chi phối của không gian kiến trúc nói chung và không gian tồn tại tác phẩm nói riêng. Trong các tác phẩm đó tất yếu phản ánh tư tưởng triết lý nhân sinh vũ trụ của thời đại và quy chiếu những tư tưởng nghệ thuật mang màu sắc của từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Thiên nhiên trong ngôi nhà Việt không hướng đến sự hoành tráng như thiên nhiên trong nơi ở của người Trung Hoa, không quá triết lý trở thành biểu tượng vũ trụ sinh tồn như trong kiến trúc nhà ở truyền thống của người Nhật mà nó thích ứng, vừa phải, nền nã, lắng đọng, phù hợp với tâm thức và tình cảm của người Việt. Yếu tố tự nhiên, gần gũi và thuần phác thể hiện rất rõ trong quan hệ giữa chủ nhân với thiên nhiên, làm cho thiên nhiên gần gũi hơn với cuộc sống con người. Sự bình dị, gần gũi là một nét đẹp của kiến trúc truyền thống Việt Nam, trong đó chứa đựng cả phong thái sống, sự khiêm nhường giản dị, hồn nhiên và cả lòng nhân hậu, tôn trọng tự nhiên, muốn hòa mình, gần gũi vào tự nhiên. Người

Việt có tâm hồn khoáng đạt, cởi mở và tình yêu thiên nhiên, gắn bó với cảnh quan, môi trường. Họ không lý tưởng hóa thiên nhiên nhưng lại rất muốn thiên nhiên phải là những mẫu mực thẩm mỹ trong đời sống của mình. Vì vậy mỗi gốc cây, bụi hoa trong ngôi nhà ở cũng được chú ý, chăm sóc chu đáo và có những cách thức ứng xử từ tinh tế phù hợp với mỹ cảm và ý thức tâm linh của mỗi người.

*Tính thích dụng và sinh lợi:* tổ chức không gian ở thông qua việc bố trí khuôn viên và sân vườn được tính toán hết sức hợp lý để tận dụng hết “tắc đất tắc vàng” và nguồn lợi từ thiên nhiên nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất trong điều kiện địa lý, khí hậu và môi trường tự nhiên cho phép. Không gian cư trú có tính độc lập, được ngăn cách bằng rào dậu. Nhà ở, tổ chức không gian sống gắn kết với lao động sản xuất và các hoạt động tăng gia sinh lợi. Cây từ vườn cung cấp nguồn vật liệu chủ yếu để làm nhà, hạn chế những tác động bất lợi của thiên nhiên về môi sinh, tạo bóng mát, tăng vẻ thẩm mỹ cho ngôi nhà, khai thác thảm thực vật, phục vụ nhu cầu thực phẩm hàng ngày. Tổ chức nhà ở và sản xuất theo lối làng xã, phường hội để hỗ trợ cho nhau, hợp sức cùng lao động sản xuất và ứng phó với thiên nhiên.

Không gian ở ba miền về cơ bản đều có những giải pháp, hình thái kiến trúc nhà ở có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu khắc nghiệt và đáp ứng được thói quen sinh sống, ăn ở của cư dân. Cách thức tổ chức kiến trúc nhà ở truyền thống nhằm tận dụng tối đa nguồn lợi cũng như thích ứng linh hoạt với điều kiện thiên nhiên, tích lũy những kinh nghiệm. Ví dụ như đào ao lấy đất đắp nền làm nhà, phân ao thả cá, nuôi trồng cây trên mặt nước thủy sinh là nếp nghĩ cách làm sáng tạo, khả năng thích ứng với hoàn cảnh, thể hiện tính cần cù, năng động trong cuộc sống của người Việt. Việc thích ứng và chấp nhận hoàn cảnh khó khăn bằng các hình thức tiết kiệm, cho thấy người Việt biết trân trọng những giá trị công sức lao động làm ra trong điều kiện kinh tế hạn hẹp, đồng thời cho thấy ý thức trách nhiệm của thế hệ đi trước trong việc sử dụng có chừng mực bên cạnh việc tái tạo và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên với mong muốn dành dụm, vun vén, gây dựng cho thế hệ con cháu mai sau có điều kiện sinh sống tốt hơn. Đó là đạo lý sống, truyền thống cao đẹp của người Việt xưa nay.

Trong kiến trúc nhà ở truyền thống, yếu tố vật chất, thẩm mỹ tạo nên diện mạo của công trình với những giá trị hài hòa giữa chức năng trang trí và chức năng kiến trúc. Sự hài hòa trong trang trí được xét trên các yếu tố tạo hình trực tiếp lên hình khối kiến trúc. Đưa thiên nhiên vào kiến trúc, sống hòa hợp với thiên nhiên nhưng kiến trúc vẫn chú trọng đến tính công năng, do hoàn cảnh kinh tế kém phát triển thời kỳ ấy.

*Tính linh hoạt:* trong bố cục, tổ chức mặt bằng và không gian đa năng, các thành phần kiến trúc đều đảm bảo tính thống nhất và cân xứng. Thiên nhiên hài hòa với công trình và phù hợp với đặc trưng về độ bền vững, cân đối của mỗi cấu kiện kiến trúc. Sự linh hoạt được thể hiện trong bố trí các thành phần kiến trúc nhà ở truyền thống như nhà chính, nhà phụ, sân vườn, công tường rào... phù hợp với địa hình, thói quen lao động, hoàn cảnh sống, cơ cấu của mỗi gia đình ở từng làng xã, từng vùng miền khác nhau. Do vậy dù mỗi miền có một số những kiểu thức kiến trúc nhà ở giống nhau nhưng thực tế lại không có sự trùng lặp hoàn toàn. Đưa thiên nhiên tham gia vào trang trí kiến trúc một cách hài hòa và cân đối, kết hợp với cây xanh bên trong và ngoài nhà một cách sinh động, làm tăng tính thẩm mỹ cho kiến trúc nhà ở truyền thống.

Dấu ấn bản sắc trong kiến trúc truyền thống của người Việt phần lớn gắn liền với quan hệ mật thiết giữa con người với thiên nhiên. Chính từ mối quan hệ này mà hình ảnh kiến trúc truyền thống người Việt có nhiều nét chung khi đặt trong sự so sánh tính vùng miền, tính dân tộc, quốc gia. Ở những góc độ và sự tương quan khác trong kiến trúc truyền thống của mỗi vùng miền lại có những cái riêng trong biểu hiện lối sống, tư duy và cả sự tác động vào thiên nhiên. Đó cũng là những giá trị về một bản sắc kiến trúc truyền thống đa sắc thái của người Việt.

*Tính thẩm mỹ:* sự tích tụ tính thẩm mỹ phần lớn được phản ánh qua kiến trúc truyền thống của dân tộc. Màu sắc của vật liệu vốn có tính chất cố hữu tự thân, nhưng khi đưa vào xây dựng, màu tự thân đã tạo nên những tổ hợp màu mới, hài hòa cho mỗi công trình. Đây chính là một trong những nét nổi bật của kiến trúc truyền thống Việt: yếu tố dân gian, nét đẹp mộc mạc, dung dị thể hiện trong mỗi chi tiết, mỗi cấu kiện kiến trúc. Chính những nghệ nhân cùng chủ nhân của những ngôi nhà xưa đã

góp phần bảo tồn được những giá trị văn hóa kiến trúc truyền thống dân tộc từ đời này sang đời khác. Điều này có thể thấy qua chất tạo hình, trang trí của kiến trúc nhà ở đa dạng xứ Huế thời xưa. Trong bài *Tính cách Huế*, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường lý giải: “Tình yêu thiên nhiên là một tình cảm lớn trong tâm hồn Huế, đến nỗi nó mang màu sắc của một triết học chi phối toàn bộ cuộc sống tinh thần của người Huế. Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người là nguyên lý căn bản trong tư duy kiến trúc Huế” [56, tr.42]. Tình cảm gắn bó mật thiết với thiên nhiên trở thành một phẩm chất của người xứ Huế, từ đó tương tác, tạo nên hình ảnh kiến trúc Huế trong dòng chảy kiến trúc dân tộc, góp phần nhấn mạnh bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam đậm tính nhân văn và tính biểu cảm sâu sắc.

Một số nhà nghiên cứu đã khẳng định tính đối xứng là một trong những thuộc tính cơ bản của thẩm mỹ thời xưa. Tính đối xứng một cách linh hoạt thể hiện rất rõ qua không gian ở, vườn cây, lối đi, sân, cổng tường rào... và cả trong bố cục mặt bằng, cách bài trí nội thất.

Từ góc nhìn kiến trúc nhà ở truyền thống có thể nhận ra sự khác biệt với Nhật Bản và Trung Quốc. Tính đối xứng, cân đối trong kiến trúc truyền thống Việt khác với lối bố cục cân xứng chặt chẽ của người Nhật. Nếu người Nhật chú ý tính đối xứng trên tổng thể, thì người Việt chú ý tính đối xứng trước hết là ở những điểm nhấn, là chi tiết, thành phần của kiến trúc. Sự tĩnh lặng, êm ả của kiến trúc truyền thống Việt khác với tính trầm lắng triết lý của kiến trúc Trung Hoa, Nhật Bản. Ngay cả việc bài trí chậu cảnh, non bộ trong vườn nhà thì người Việt cũng ít khi đưa cây quá to, chậu quá lớn, non bộ quá kỳ vĩ như những nhà vườn Trung Hoa, Nhật Bản. Điều này phản ánh sự khiêm nhường, tinh tế và phần nào dè dặt, hướng nội trong cách sống của người Việt.

Tương tự vậy, người Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc chuộng vẻ đẹp cân chỉnh, trật tự, thường song song theo trục Bắc Nam, lấy việc bố cục đối xứng, vuông vức làm chuẩn. Người Nhật Bản còn chú trọng tiểu tiết, mọi thứ đều được sắp đặt cân chỉnh hoàn hảo đến từng chi tiết, cầu kỳ và luôn hướng đến chân, thiện, mỹ. Trong khi đó kiến trúc nhà ở truyền thống Việt lại có sự nhẹ nhàng, giản dị và tiện lợi sẵn có trong đời sống kinh tế nông nghiệp [3].



Trong vô số những biểu hiện tạo hình của kết cấu, cấu kiện kiến trúc nhà ở ba miền, nổi lên hàng đầu là tính tạo hình của các bộ mái giúp ta dễ dàng nhận ra ấn tượng không gian, hiệu quả tạo hình kiến trúc khác nhau giữa chúng. Về cơ bản, bộ mái trong ngôi nhà Bắc Bộ có độ dốc phóng khoáng hơn, để ròi mạch tạo hình được khép lại và chuyển nhịp với đầu đao cong hất lên mạnh mẽ, tầng tầng lớp lớp đan xen trong không gian hiện hữu của công trình. Kiến trúc nhà ở miền Trung có những sự thay đổi về kết cấu, vật liệu và tính biểu hiện, đã có sự chuyển nhịp trùng thấp chắc chắn, gồng mình trước gió bão tạo hình tạo nét riêng trong phong cách kiến trúc đậm chất miền Trung. Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa đã nói mái của ngôi nhà truyền thống luôn có những nét cong không thể nhầm lẫn với bất kỳ quốc gia nào khác bởi độ cong thanh nhã, vừa phải, bởi sự tĩnh tế của nét cong trong sự hài hòa với thiên nhiên, bởi những nét hoa văn trang trí thật hòa điệu trên mỗi đường lượn gờ mái. Có thể nói, những mái cong của kiến trúc dân tộc là sự hòa điệu vốn có của kiến trúc truyền thống Việt Nam với những yếu tố thiên nhiên trở nên có ý nghĩa quan trọng trong hình thức thể hiện và sự biểu cảm kiến trúc.

Qua hệ thống di tích kiến trúc nhà ở dân gian hiện còn lưu giữ được, có thể chứng minh rằng, trong quá trình tiếp biến văn hóa, các dân tộc trên đất nước Việt Nam vẫn giữ gìn được bản sắc riêng, song song với việc tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa từ bên ngoài. Những kiến trúc có bộ khung gỗ kiểu vì kèo suốt, kèo kê chuyền ở Bắc bộ hoàn toàn khác với cách thức tạo tác của bộ vì con, trụ đội hình trái bí trong kiến trúc gỗ của Trung Hoa qua các thủ pháp chạm lộng, bong kênh, chạm nổi làm cho hình khối của tác phẩm nổi bật trên nền gỗ. Sự độc đáo trong nghệ thuật điêu khắc gỗ Việt Nam còn biểu hiện ở các đề tài trang trí mang dấu ấn của nền văn minh nông nghiệp gắn bó với thiên nhiên, rất đặc trưng cho óc thẩm mỹ và sự khéo léo của những nghệ nhân xưa.

Những phân tích trên có thể rút ra ý nghĩa trong quan hệ hài hòa giữa các chức năng tạo hình và kiến trúc (tính thẩm mỹ và tính thực dụng). Tạo hình trong kiến trúc đã làm gần lại sự hòa hợp giữa kiến trúc và con người, phản ánh sâu đậm mối giao hòa tâm linh Thiên - Địa - Nhân.

Di sản văn hóa kiến trúc truyền thống chỉ có thể được lưu giữ bền vững khi nó có dấu ấn riêng, dấu ấn đặc thù hay nói cách khác nó trở thành bản sắc, khi đó tự thân chúng sẽ tỏa sáng, hướng con người đến những giá trị chân - thiện - mỹ được hun đúc, tạo dựng trong suốt quá trình lịch sử hàng ngàn năm.

Bên cạnh những mặt tích cực đã được khẳng định cũng bộc lộ những ứng xử với thiên nhiên còn có phần bản năng, cảm tính trước những hiện tượng thiên tai. Có những giải pháp thường bất chước, theo kinh nghiệm, theo thói quen, trong đó có mặt tích cực và mặt hạn chế: vừa bền bỉ lưu giữ những giá trị truyền thống, nhưng mặt khác cũng giới hạn khả năng vận động, hạn chế sự sáng tạo của con người trong kiến trúc nhà ở truyền thống. Có thể nhìn nhận tồn tại đó qua những điểm chính sau:

1. Thái độ tiếp cận và ứng xử với tự nhiên còn mang tính tự phát theo bản năng khi gặp hiểm họa thiên tai. Đứng trước những sự bất thường của tự nhiên, con người không phải bao giờ cũng có thể chủ động ứng phó, có khi con người trở nên thụ động, ứng xử theo thói quen, hay do bản năng sinh tồn chi phối. Chẳng hạn, sau trận bão lớn đầu thế kỷ XXI năm Bình Dân lịch sử tại Huế, người dân đã nâng cao nền nhà, trong đó có những nhà cổ hàng trăm năm, làm cho hình thái kiến trúc bị thay đổi và khi bão lớn thì nguy cơ bị sập đổ nhiều hơn.

2. Khi tác động đến không gian cư trú, các giải pháp thường là làm theo lối mòn, theo kinh nghiệm, thông lệ nên có nơi có lúc còn thiếu tính sáng tạo. Thẩm mỹ và văn hoá cho không gian cư trú ít khi hiện hữu trong tư duy thẩm mỹ kiến trúc, làng và nhà cứ tự phát nở phình ra theo sự phát triển dân số, lấn vào ruộng vườn và thiếu quy hoạch và sự quản lý là nét phổ biến trong cảnh quan kiến trúc truyền thống của người Việt.

3. Ngoài ảnh hưởng về kiến trúc nhà ở từ Bắc Bộ vào Trung và Nam Bộ do quá trình di dân, chưa thấy rõ sự đúc kết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm một cách thực sự giữa các vùng miền để cùng tìm ra những hình thức, giải pháp tạo dựng không gian kiến trúc ưu việt nhất về ứng xử và chinh phục thiên nhiên trong suốt tiến trình phát triển. Kinh nghiệm hay của mỗi vùng miền chưa được nghiên cứu, mở rộng, chẳng hạn ở Quảng

Nam, từ hơn trăm năm trước người dân đã biết tránh bão lớn bằng cách đào hầm, làm chỗ tránh bão dưới tầng đất sâu... Nhưng ở Huế, Quảng Trị nơi bão nhiều hàng năm lại không học hỏi được điều này.

4. Người Việt vẫn chưa thật sự tìm ra được mô hình và giải pháp tối ưu cho các vùng đồng bằng có đặc điểm về địa lý khí hậu tác động lớn đến không gian cư trú một số khu vực như “đắp đê trị thủy” (Bắc Bộ); “sống chung với bão” (Trung Bộ); “sống chung với lũ” (Nam Bộ), dù đã trải nghiệm qua nhiều thế kỷ ứng phó và chinh phục tự nhiên. Cho đến nay gần như các mô hình ứng phó với tự nhiên đều là những đúc rút cục bộ của mỗi vùng miền, mỗi giải pháp đều rất mong manh, dễ thay đổi. Vì vậy dù đã ngàn năm trị thủy, đắp đê nhưng đê năm nào cũng có nơi bị vỡ không nơi này thì là nơi khác. Khẩu hiệu sống chung với thiên tai như bão, lũ đôi lúc chỉ là khẩu khí, khó có thể thay đổi căn bản về chất. Vẫn nhà cửa tan hoang sau bão, làng quê xác xơ đói lạnh, bao người vẫn thiệt mạng sau bão lũ suốt bao năm qua.

5. Một số cách thức ứng xử với thiên nhiên trong quá khứ không còn hợp với yêu cầu, phong cách kiến trúc đương đại, dẫn đến những quan niệm, cách thức bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống không đồng nhất. Trong những năm đầu mở cửa, sự đối đầu giữa bảo tồn vốn cổ dân tộc và làm mới hay phát huy các giá trị trong kiến trúc đã xảy ra ở nhiều nơi. Ngày xưa gần như mọi nguồn nước thải đều cho chảy ra sông một cách tự nhiên, khi đó còn chấp nhận được vì độ nhiễm bẩn chưa cao, dân cư ít, sự khuếch tán nhanh, nhưng ngày nay mà vẫn làm vậy thì không thể tồn tại được. Ngay cả cách thức bảo tồn nhà vườn Huế cũng đầy mâu thuẫn. Một mặt cần hạn chế phá vỡ cảnh quan nhà vườn, mặt khác không hạn chế được sự phát triển dân cư đòi hỏi nhà vườn phải thu hẹp.

Bản sắc văn hóa kiến trúc truyền thống Việt Nam là những giá trị cần được nghiên cứu, bảo tồn và tiếp tục phải được bồi đắp bởi những giá trị mới của cuộc sống. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý mọi sự bảo tồn, phát huy phải dựa trên cơ sở lịch sử cụ thể, những lợi ích khách quan của dân tộc. Bản sắc văn hóa kiến trúc không phải là những thuộc tính bất biến, nhưng đồng thời nó càng không thể chỉ là những giá trị bị phủ đầy bụi mờ của thời gian. Chúng phải được hiện diện trong đời sống

của người dân, được lưu giữ, bảo tồn với thái độ trân trọng. Tác giả Nguyễn Nghĩa Trọng đã bày tỏ về vấn đề này: “Nhấn mạnh bản sắc dân tộc song nếu không khéo thì lưu giữ cả những chỗ yếu kém cố hữu mang tính lạc hậu. Cũng cần làm rõ bản sắc dân tộc của ta là những gì? Cái gì nên giữ, nên phát huy và cái gì cần phải bỏ” [47, Tr.79]. Kiến trúc truyền thống là sự hiện hữu vật chất cụ thể trong sự biểu lộ tinh thần bên trong của chúng. Chính vì vậy khẳng định được bản sắc văn hóa kiến trúc truyền thống là một đóng góp cần thiết cho sự khẳng định các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

### ***Kết luận:***

Những nội dung được đúc kết trên đây cho thấy sự phát triển của nhà ở truyền thống trong mối quan hệ với môi trường thiên nhiên của người Việt là rất hữu cơ và nhiều tính sáng tạo, thể hiện sự tôn trọng và ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trong việc xây dựng kiến trúc nhà ở truyền thống. Từ thực tế cuộc sống người Việt luôn có sự cân nhắc, hướng đến sự thiết thực, vừa thích ứng vừa tác động để thiên nhiên biến chuyển theo chiều hướng có lợi cho kiến trúc nhà ở truyền thống và môi trường sinh sống của mình. Quá trình này đã tích tụ nên những giá trị văn hóa về nhận thức, ứng xử với thiên nhiên, giá trị về thẩm mỹ kiến trúc và giá trị biểu cảm về tâm linh, tín ngưỡng. Từ đó người Việt đã tích hợp nhiều tri thức, kinh nghiệm cũng như rút ra được những bài học quý giá trong ứng xử với môi trường tự nhiên.

Nhận thức rõ sự hiểu biết của mình còn hữu hạn trước thiên nhiên vô hạn, con người đã tác động vào thiên nhiên như một thực thể sống, có tình cảm, có linh hồn, đồng thời xây dựng cho mình một không gian cư trú thích ứng, hài hòa với cảm quan tâm linh, có thái độ ứng xử đúng mực trước các thành tố tự nhiên: đất, nước, nắng gió và cây xanh. Trong tâm thức luôn tôn trọng thiên nhiên và tâm linh hóa, sùng bái thiên nhiên, thể hiện qua tín ngưỡng thờ đa thần, thờ các hiện tượng tự nhiên.

Cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới, người Việt vốn ưa chuộng và luôn tìm cách hướng đến cái đẹp gắn sau các giá trị về công năng. Điều này được thể hiện rõ nét trong vận dụng, ứng xử với thiên nhiên tạo

những giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật qua không gian cư trú. Từ những yêu cầu về công năng, người Việt với bàn tay khéo léo đã biến hóa, nâng tầm giá trị thẩm mỹ mà ngôn ngữ, hình tượng được đúc rút, chắt lọc từ quá trình chung sống và gắn bó với thiên nhiên.

Trong quá trình chung sống hài hòa với thiên nhiên, các thế hệ cha ông xưa đã thể hiện sự hiểu biết khá tường tận về thiên nhiên với sự linh hoạt, sáng tạo và cần cù lao động, đã từng bước chuyển dữ thành lành, nghịch thành thuận, chuyển hại thành lợi, lấy chính thiên nhiên để ứng phó với những bất lợi từ thiên nhiên, tạo được cuộc sống yên lành đồng thời tích góp nhiều tri thức về cuộc sống để truyền lại cho các thế hệ sau.

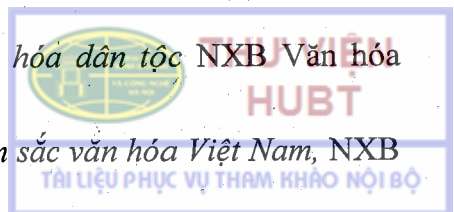


## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chí Bền (1996), “*Làng Việt Nam bộ của người Việt và văn hóa dân gian trên ĐBSCL*”, Văn hóa học đại cương và cơ sở Văn hóa Việt Nam.
2. Trần Lâm Biền (cb - 2008), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.166.
3. Phan Thanh Bình (2010), *Nghiên cứu nghệ thuật khám sành sứ trong mỹ thuật cung đình thời Nguyễn*, Luận án tiến sĩ - Viện VHNT Việt Nam.
4. Phan Kế Bính (1915), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn hóa thông tin, 2005, Hà Nội.
5. Louis Bezacier (1954), *L’Art Vietnamien*. E’ditions de l’Union Fransaise, Paris (Bản dịch của Viện Mỹ thuật).
6. Leopold Cadière (1953), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt* (2010), biên dịch Đỗ Trung Huệ, NXB Thuận Hóa, Huế.
7. Leopold Cadière (1998), *Mỹ thuật ở Huế*, Tập san *Những người bạn Cổ đô Huế*, tập 6, 1919, Người dịch: Hà Xuân Liêm - Phan Xuân Sanh. NXB Thuận Hóa, Huế.
8. Tôn Thành Chi (2004), “*Màu sắc trong di sản kiến trúc cổ Việt Nam*”, TC. Kiến trúc Việt Nam, (2).
9. Mai Ngọc Chừ (2007), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
10. Trần Khánh Chương (1993), “*Mỹ thuật ứng dụng và ngành trang trí*”, TC. Mỹ thuật thời nay, (29), tr. 3- 6.
11. Nguyễn Huy Côn (2004), *Kiến trúc và môi sinh*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
12. Cục Di Sản Văn Hóa - Bộ VHTT & DL và ĐH Nữ Chiêu Hòa Nhật Bản (2004), *Nghiên cứu điều tra, khảo sát nhà ở dân dụng truyền thống*, Tài liệu, các tập bản vẽ từ công trình nhà cổ ba miền.

13. Nguyễn Bá Đương - Nguyễn Văn Thanh (1995), *Nhà ở nông thôn - truyền thống và cải biên*, NXB Xây Dựng, Hà Nội.
14. Lê Thanh Đức (2002), *Tranh dân gian Việt Nam*, NXB mỹ thuật.
15. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Pierre Gourou (1936), *Les paysans du Delta tonkinois* (Người nông dân châu thổ Bắc kỳ), NXB Trẻ TP.HCM.
17. Pierre Gourou (1936), *Esquisse d'une étude de l'habitation Annamite* (phác thảo nghiên cứu nhà Việt Nam ở Bắc và Trung Trung kỳ từ Thanh Hóa đến Bình Định), bản dịch của Đào Hùng.
18. Trần Thị Quế Hà (2002), "*Nguồn gốc và quá trình phát triển của nhà ở dân gian truyền thống dân tộc Việt*" Đại học Singapore.
19. Hội Kiến trúc sư Việt Nam (2004), *Làng di sản Phước Tích*, Tập chuyên đề.
20. Huỳnh Đình Kết (1996), *Tục thờ thần ở Huế*, NXB Thuận Hóa, Huế.
21. Huỳnh Đình Kết (2002), *Nhà rội, nhà rường, nhà vườn xứ Huế*, (Khảo cứu chưa công bố, bản in vi tính), tr.39, 47, 94.
22. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu - Tập tiểu luận* NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
23. Hoàng Đạo Kính (2008), "*Làng cổ Phước Tích - thử nhìn nhận các giá trị và đề xuất hướng phát triển nối tiếp*", *Làng di sản Phước Tích*, Hội Kiến trúc sư VN - Sở VH TT Thừa Thiên Huế xuất bản.
24. Nguyễn Khởi (1991), *Kiến trúc Việt Nam và các dòng tiêu biểu*, Đại học Kiến trúc TP.HCM xuất bản.
25. Lê Duy Lan (2007), *Bản sắc văn hóa người Việt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Vũ Tam Lang (2010), *Kiến trúc cổ Việt Nam* (tái bản), NXB Xây dựng, Hà Nội.
27. Nguyễn Cao Luyện (1977), *Từ những mái nhà tranh cổ truyền*, NXB Văn Hóa, Hà Nội.
28. Sơn Nam (2004), *Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa*, NXB Trẻ Tp. HCM.

29. Hàn Tất Ngạn (1999) *Kiến trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
30. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
31. Phạm Đức Nguyên (2010), *Kiến trúc sinh khí hậu*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
32. Lương Trọng Nhân (2011), *Phong thủy cảnh quan và kiến trúc nội ngoại thất ứng dụng tại Việt Nam*, NXB Thời đại, Hà Nội.
33. Henry Oger (2009), *Kỹ thuật của người An Nam*, NXB Thế Giới, Hà Nội.
34. Nguyễn Quân (1987), “*Kiến trúc và nghệ thuật tạo hình trong môi sinh*”, TC. *Kiến trúc*, (2 và 3), tr. 59-61.
35. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1989); *Mỹ thuật của người Việt*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
36. Chu Sơn (1999), “*Nhà rường ở Huế*”, *Nghiên cứu Huế*, tập 1, Trung tâm Nghiên cứu Huế.
37. Hoàng Huy Thắng (2002), *Kiến trúc nhiệt đới ẩm*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
38. Bùi Quang Thắng (cb, 2008) “*Văn hóa và môi trường sinh thái*” Trích từ cuốn: *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, NXB Khoa học xã hội.
39. Lê Bá Thảo (1997), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo Dục, 2009, Hà Nội.
40. Hồ Bá Thâm (2003), *Bản sắc văn hóa dân tộc* NXB Văn hóa thông tin, TP. HCM.
41. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP. HCM.
42. Trần Ngọc Thêm (cb, 2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Tủ sách văn hóa học Sài Gòn, NXB Văn hóa - Văn nghệ.
43. Nguyễn Đức Thiềm (2000), *Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam*, NXB Xây Dựng,
44. Nguyễn Đức Thiềm (2010) *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây Dựng, Hà Nội.





45. Ngô Đức Thịnh (1998), "*Vùng văn hóa xứ Huế*", TC. Văn hóa Nghệ thuật (171), tr. 27-33.
46. Nguyễn Hữu Thông (2008), *Nhà vườn xứ Huế*, NXB Văn Nghệ, TP HCM.
47. Chu Khắc Thuật - Nguyễn Văn Thủ (1998), chủ biên, *Văn hóa lối sống và môi trường*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
48. Nguyễn Khắc Thuận (2005), *Tiến trình văn hóa Việt Nam - từ khởi thủy đến thế kỷ XIX*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
49. Võ Thị Thu Thủy (2009), *Nghiên cứu phong cách Việt Nam trong thiết kế nội thất*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Bộ Xây Dựng.
50. Võ Thị Thu Thủy (2013), *Văn hóa ứng xử với thiên nhiên trong không gian ở truyền thống của người Việt*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, ĐH Quốc Gia TP. HCM
51. Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt*, NXB Tri thức, Hà Nội.
52. Nguyễn Đình Toàn (2002), *Kiến Trúc Việt Nam qua các thời đại*, NXB, Xây dựng, Hà Nội.
53. Nguyễn Đình Toàn (2010), *Cẩm nang dữ liệu lịch sử Kiến Trúc Việt Nam*, Đề tài NCKH, Bộ Xây Dựng, Hà Nội.
54. Nguyễn Tùng (chủ biên - 2003), *Mông Phụ - một làng ở Bắc bộ*, NXB VH TT, Hà Nội.
55. Nguyễn Khắc Tụng (1995), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, NXB Xây Dựng, tập 1, 2, Hà Nội.
56. Hoàng Phú Ngọc Tường (2003), "*Mấy đặc trưng của văn hoá vùng Huế*" *Sông Hương dòng chảy văn hoá*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
57. Phạm Văn Trinh (1991), *Nhà ở tại các vùng khí hậu Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật tr. 5-45, 39, Hà Nội.
58. Chu Quang Trứ (2002), *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.
59. Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội (2003) "*Mô hình và giải pháp Quy hoạch - Kiến trúc các vùng sinh thái đặc trưng ở Việt Nam*". Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Hà Nội.

60. Phan Thị Yến Tuyết (1993), *Nhà ở, trang phục, ăn uống của các dân tộc vùng*
61. Phan Thị Yến Tuyết (2010), “*Tín ngưỡng thờ mẫu và nữ thần từ chiều kích văn hóa biển của vùng biển đảo Kiên Hải, Kiên Giang*”, TC. Khoa học xã hội (5) tr.61-69. Trần Quốc Vượng (2006), *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, con người, tâm thức người Việt*, NXB Văn hóa.
62. Viện Sử học (1990), *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Viện Kiến trúc nhiệt đới (2005), *Kiến trúc nhiệt đới Việt Nam - Định hướng và giải pháp*, Hội thảo khoa học toàn quốc, lần thứ nhất, Hà Nội.
64. Nguyễn Thị Thúy Vi (cb - 2010), *Thuật ngữ kiến trúc truyền thống nhà rường Huế*, NXB Thuận Hóa, Huế.
65. Phan Huy Xu - Trần Văn Thành (1984) “*Đôi nét về quá trình thành tạo và phát triển của đồng bằng sông Cửu Long*”, Tập sách *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng Cửu Long*, Sở VHTT An Giang xuất bản.
66. Nguyễn Đắc Xuân (2012), *Nghiên cứu triều Nguyễn và Huế xưa*, NXB Thuận Hóa, Huế.

## TIẾNG NƯỚC NGOÀI

67. A.Chapuis (1937), “*La maison Annamite au point de vue religieux*”, B.A.V.H, N°1.
68. David Levinson, Melvin Ember (1996), *Encyclopedia of Cultural Anthropology* (1, 2, 3, 4) - New York: Henry Holt and Company
69. Henri Oger (2009), *Technique du peuple Annamite*, NXB Thế giới, HN.
70. Chalermwat Tantasavasdi Tantasavasdi (2001). C., Srebric, J., and Chen, *Natural ventilation design for houses in Thailand, Energy and Buildings*,



## TÀI LIỆU KỸ THUẬT SỐ

71. Trung tâm CNTT Thừa Thiên Huế (2000), B.A.V.H. CD Rom.
72. Từ điển Anh - Complete & Unabridged 10th Edition (2009), William Collins Sons & Co, Ltd, 1979, 1986, Nxb. HarperCollins (1998, 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2009).  
<http://dictionary.reference.com/browse/tradition>.

## TU LIỆU KHẢO SÁT

73. Võ Thị Thu Thủy (2010), *Tập file hình ảnh chụp các đợt khảo sát thực tế và các bản ghi chép, vẽ ghi khảo sát hiện trạng làng, nhà vườn.*



# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
<b>Bảng danh mục các chữ viết tắt</b>	7
<b>Chương 1. Tiếp cận với thiên nhiên và kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt</b>	
1.1. Một số khái niệm	9
1.1.1. Khái niệm ứng xử	9
1.1.2. Kiến trúc nhà ở truyền thống	10
1.1.3. Thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống	13
1.1.4. Hệ Sinh thái bền vững	16
1.2. Một số tiêu chí và cách thức xem xét vấn đề	17
1.2.1. Cách thực hiện và xác lập các tiêu chí điều tra khảo sát	17
1.2.2. Trình tự xem xét và mô tả yếu tố thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống	20
1.3. Một số đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam	21
1.3.1. Điều kiện địa lý, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên Việt Nam	22
1.3.2. Những thuận lợi và bất lợi về điều kiện tự nhiên	23
1.4. Yếu tố lịch sử - kinh tế, xã hội - tư tưởng	25
1.4.1. Đặc điểm lịch sử tác động đến xã hội truyền thống Việt	25
1.4.2. Tác động từ kinh tế và phương thức sản xuất đến kiến trúc nhà ở	26
1.4.3. Đặc điểm về hệ tư tưởng, tôn giáo tín ngưỡng, tập quán lối sống ảnh hưởng đến tổ chức kiến trúc nhà ở truyền thống	27

## **Chương 2. Thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt tại ba miền**

2.1. Ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Bắc Bộ	35
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên - xã hội	35
2.1.2. Đặc điểm về tổ chức và ứng xử với thiên nhiên kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Bắc Bộ	36
2.1.3. Các yếu tố tập tục gắn với thiên nhiên	48
2.2. Ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân vùng đồng bằng duyên hải Trung Bộ	50
2.2.1. Đặc điểm thiên nhiên - xã hội	50
2.2.2. Đặc điểm về tổ chức và ứng xử với thiên nhiên kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Trung Bộ	52
2.2.3. Các yếu tố tập tục gắn với thiên nhiên	66
2.3. Ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân vùng đồng bằng Nam Bộ	68
2.3.1. Đặc điểm thiên nhiên - xã hội	68
2.3.2. Đặc điểm về tổ chức và ứng xử với thiên nhiên kiến trúc nhà ở truyền thống của cư dân đồng bằng Nam Bộ	71
2.3.3. Các yếu tố tập tục gắn với thiên nhiên	83
2.4. Những nét tương đồng và khác biệt của không gian ở truyền thống ba miền từ yếu tố thiên nhiên	83

## **Chương 3. Một số đặc trưng ứng xử với thiên nhiên qua kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt**

3.1. Khai thác và sử dụng thiên nhiên sẵn có	90
3.1.1. Sử dụng hiệu quả tiềm năng của thiên nhiên	90
3.1.2. Khai thác giá trị tinh thần và thẩm mỹ từ thiên nhiên	99
3.2. Ứng phó và cải thiện những hạn chế của thiên nhiên	107
3.2.1. Ứng phó với điều kiện thiên nhiên - sinh thái bất lợi	107
3.2.2. Cải thiện môi sinh, cảnh quan trong kiến trúc nhà ở truyền thống	117

3.3. Ứng xử với thiên nhiên qua yếu tố tinh thần	118
3.3.1. Triết lý Âm - Dương, Ngũ hành	118
3.3.2. Phong thủy dân gian	120
3.4. Bản sắc và tính cách việt được bộc lộ qua văn hóa ứng xử với thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống	122
<b>Tài liệu tham khảo</b>	132



# THIÊN NHIÊN TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG VIỆT

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

Giám đốc – Tổng biên tập

**TRỊNH XUÂN SƠN**

*Biên tập:* HOÀNG THỊ MINH

*Chế bản điện tử:* ĐẶNG HUYỀN TRANG

*Sửa bản in:* HOÀNG THỊ MINH

*Trình bày bìa:* VŨ THỊ BÌNH MINH, PHẠM THỦY TIÊN





---

In 300 cuốn khổ 17x24cm, tại xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng số 10 Hoa Lư - Hà Nội.  
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 66-2018/CXBIPH/04-02/XD ngày 9 tháng 1 năm 2018.  
ISBN: 978-604-82-2329-8. Quyết định xuất bản số 05-2018/QĐ-XBXD ngày 9 tháng 1 năm 2018. In xong nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2018.